

PHẦN I: MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết khách quan của việc chọn nghiên cứu đề tài

Một trong những nội dung quan trọng trong công cuộc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế của Đảng và Nhà nước trong những năm cuối thập kỷ 80 và đầu thập kỷ 90, đó là việc thực hiện cải cách trong lĩnh vực Tài chính-Tiền tệ. Hệ thống Ngân hàng được tổ chức lại thành hai cấp; thành lập hệ thống Kho bạc Nhà nước (KBNN) trực thuộc Bộ Tài chính, chuyển nhiệm vụ quản lý quỹ Ngân sách Nhà nước (NSNN) từ Ngân hàng Nhà nước trước đây sang cho KBNN. Một trong các chức năng, nhiệm vụ chủ yếu của hệ thống KBNN là thực hiện chi và kiểm soát chi NSNN. Năm 2000, trên cơ sở sáp nhập Tổng Cục đầu tư phát triển vào hệ thống KBNN, nhiệm vụ kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB từ Tổng cục đầu tư phát triển chuyển sang hệ thống KBNN, nhằm tập trung thống nhất nhiệm vụ kiểm soát chi vào một cơ quan duy nhất.

KBNN Thừa Thiên Huế từ khi thành lập và đi vào hoạt động đến nay, với chức năng nhiệm vụ quản lý quỹ NSNN trên địa bàn đã có nhiều tiến triển rõ rệt. Công tác kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB bằng nguồn vốn NSNN đã đạt được nhiều kết quả nhất định. KBNN đã góp phần đảm bảo công tác thanh toán vốn đầu tư XDCB đúng chính sách, đúng chế độ đồng thời giảm tình trạng thanh toán vốn sai quy định, góp phần thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Tuy nhiên, công tác kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB trong những năm qua vẫn còn nhiều hạn chế, còn nhiều điểm bất cập, chưa thống nhất; Cơ chế quản lý chi vốn đầu tư XDCB qua KBNN vẫn còn nhiều vấn đề chưa hoàn chỉnh. Thực tế đó đòi hỏi cần phải đi sâu nghiên cứu, khảo sát thực tiễn để đánh giá những mặt đạt được cũng như phân tích những điểm còn tồn tại dẫn đến những hạn chế hiệu quả trong công tác kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB qua KBNN trên địa bàn tỉnh trong những năm qua và từ đó, tìm ra giải pháp thiết thực nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB qua KBNN những năm tiếp theo, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn NSNN.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Hệ thống hoá những vấn đề lý luận cơ bản về vốn đầu tư XDCB và dự án đầu tư, để làm cơ sở nghiên cứu thực tiễn công tác kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB qua KBNN Thừa Thiên Huế.

- Phân tích đánh giá tình hình công tác kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB qua KBNN ở tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2004-2008.

- Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB qua KBNN trên địa bàn Thừa Thiên Huế nói riêng và cả nước nói chung.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Những vấn đề cơ bản về công tác kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB qua KBNN.

- Phạm vi nghiên cứu:

Đề tài đi sâu vào nghiên cứu công tác kiểm soát chi (Tổ chức bộ máy và tổ chức nghiệp vụ) vốn đầu tư XDCB qua KBNN Thừa Thiên Huế giai đoạn từ 2004-2008.

Đề tài cũng chỉ tập trung giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác kiểm soát chi vốn đầu tư trong nước, được coi là chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng số nguồn vốn được thanh toán qua KBNN.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp luận duy vật biện chứng.

- Phương pháp thống kê, điều tra, phỏng vấn, khảo sát thực tiễn.

(Nguồn số liệu thứ cấp: cơ quan KBNN và các ngành có liên quan. Nguồn số liệu sơ cấp: điều tra qua các chủ đầu tư, ban quản lý có giao dịch tại văn phòng KBNN Tỉnh, Huyện, thị xã, thành phố)

- Phương pháp tổng hợp và phân tích (trên cơ sở sử dụng phần mềm excel và SPSS...).

- Phương pháp đối chiếu, so sánh.v.v.

5. Tên đề tài

- Tên đề tài: ***“Giải pháp hoàn thiện công tác kiểm soát chi vốn đầu tư xây dựng cơ bản qua Kho bạc Nhà nước Thừa Thiên Huế”.***

PHẦN II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ VỐN ĐẦU TƯ, DỰ ÁN ĐẦU TƯ, CÁC VĂN BẢN HIỆN HÀNH LIÊN QUAN ĐẾN ĐẦU TƯ XDCB VÀ KIỂM SOÁT CHI VỐN ĐẦU TƯ XDCB QUA KBNN

1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN

1.1. ĐẦU TƯ

1.1.1. Một số lý luận chung về đầu tư và đầu tư phát triển

1.1.1.1. *Khái niệm và phân loại đầu tư*

- Khái niệm đầu tư

Đầu tư nói chung là sự hy sinh các nguồn lực ở hiện tại để tiến hành các hoạt động nào đó nhằm thu về các kết quả nhất định trong tương lai lớn hơn các nguồn lực bỏ ra để đạt được kết quả đó.

Nguồn lực phải hy sinh có thể là tiền, là tài nguyên thiên nhiên, tài sản tài chính (tiền vốn), tài sản vật chất, tài sản trí tuệ.

Trong các kết quả đã đạt được, những kết quả là tài sản vật chất, tài sản trí tuệ là nguồn nhân lực tăng thêm có vai trò quan trọng trong mọi lúc mọi nơi, không chỉ đối với người bỏ vốn mà còn đối với cả nền kinh tế [23,7].

- Phân loại đầu tư: đầu tư có thể chia đầu tư thành 3 loại chủ yếu sau:

- Đầu tư tài chính: Là loại đầu tư trong đó người có tiền bỏ tiền ra cho vay hoặc mua chứng chỉ có giá để hưởng lãi suất định trước hoặc lãi suất phụ thuộc vào kết quả sản xuất kinh doanh của công ty phát hành.

- Đầu tư thương mại: Là loại đầu tư mà người có tiền bỏ tiền ra mua hàng hoá và sau đó bán với giá cao hơn nhằm thu lợi nhuận do chênh lệch giá khi mua và khi bán. Hai loại đầu tư này không tạo ra tài sản mới cho nền kinh tế, mà chỉ làm

tăng tài sản tài chính của người đầu tư. Tuy nhiên, chúng đều có tác dụng thúc đẩy đầu tư phát triển.

- Đầu tư phát triển: Là hoạt động đầu tư mà trong đó người có tiền bỏ tiền ra để tiến hành các hoạt động nhằm tạo ra tài sản mới cho nền kinh tế, làm tăng tiềm lực sản xuất kinh doanh và các hoạt động xã hội khác, là điều kiện chủ yếu để tạo việc làm, nâng cao đời sống của mọi người dân trong xã hội. Đó chính là việc bỏ tiền ra để xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội, mua sắm trang thiết bị, bồi dưỡng và đào tạo nguồn nhân lực, thực hiện các chi phí thường xuyên gắn liền với sự hoạt động của các tài sản này nhằm duy trì tiềm lực hoạt động của các cơ sở đang tồn tại và tạo tiềm lực mới cho nền kinh tế xã hội.

1.1.1.2. Đầu tư phát triển và vai trò đối với nền kinh tế

Như chúng ta đã biết, đầu tư phát triển chính là hoạt động đầu tư tài sản vật chất và sức lao động chính vì thế nó là nhân tố quan trọng để phát triển và tăng trưởng kinh tế. Vai trò của nó trong nền kinh tế được thể hiện ở các mặt sau :

- **Thứ nhất** đầu tư vừa tác động đến tổng cung vừa tác động đến tổng cầu: +Tác động đến tổng cầu: Đầu tư là yếu tố chiếm tỷ trọng lớn trong tổng cầu

của toàn bộ nền kinh tế quốc dân, thường từ 24%-28%. Khi mà tổng cung chưa thay đổi, sự tăng lên của đầu tư làm cho tổng cầu tăng kéo sản lượng cân bằng tăng theo và giá cân bằng tăng.

+Tác động đến tổng cung: Tăng quy mô đầu tư là nguyên nhân trực tiếp là nguyên nhân trực tiếp làm tăng tổng cung nền kinh tế, nếu các yếu tố khác không thay đổi. Mặt khác, tác động của vốn đầu tư thông qua các hoạt động đầu tư nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đổi mới công nghệ gián tiếp làm tăng tổng cung đến nền kinh tế.

- **Thứ hai** đầu tư có tác động tăng trưởng kinh tế :

Đầu tư vừa tác động đến tăng trưởng kinh tế vừa tác động đến chất lượng tăng trưởng.

Biểu hiện tập trung của mối quan hệ giữa đầu tư với tăng trưởng kinh tế thể hiện ở công thức tính hệ số ICOR.

Hệ số ICOR (Incremental Capital Output Ratio- tỷ số gia tăng của vốn so với sản lượng) là tỷ số giữa quy mô đầu tư tăng thêm với mức gia tăng sản lượng, hay là

suất đầu tư cần thiết để tạo ra một đơn vị sản lượng (GDP) tăng thêm. Là chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Ý nghĩa của hệ số ICOR là để tạo thêm được một đơn vị kết quả sản xuất thì cần tăng thêm bao nhiêu đơn vị vốn sản xuất hay có thể nói trong một thời kỳ nhất định muốn tạo ra một đồng tăng trưởng cần bao nhiêu đồng vốn đầu tư.

$$\text{ICOR} = \frac{\text{Vốn đầu tư tăng thêm}}{\text{GDP tăng thêm}} = \frac{\text{Đầu tư trong kỳ}}{\text{GDP tăng thêm}}$$

Hay ICOR được xác định bởi công thức sau:

$$\text{ICOR} = \frac{\text{Tỷ lệ vốn đầu tư/GDP}}{\text{Tốc độ tăng trưởng kinh tế}}$$

Công thức cho thấy tốc độ tăng trưởng kinh tế phụ thuộc vào vốn đầu tư (nếu như công nghệ không thay đổi, các nhân tố kết hợp của vốn và lao động theo một hệ số cố định).

Ngoài ra, ICOR cho thấy sự tăng trưởng phụ thuộc vốn hay hiệu quả sử dụng đầu tư. Theo số liệu thống kê, ICOR Việt Nam hiện nay là 5,7, cao hơn rất nhiều so với 3,32 năm 1995. Do đó, việc quản lý vốn đầu tư hiện nay là một yêu cầu cấp thiết cho sự phát triển vững chắc của nền kinh tế.

Đầu tư không chỉ có tác động đến quy mô tăng trưởng mà còn tác động đến chất lượng tăng trưởng, được biểu hiện qua công thức sau:

$$g = Di + DI + TFP$$

Trong đó:

g: là tốc độ tăng trưởng kinh tế

Di: là phần đóng góp của vốn đầu tư vào tăng trưởng GDP

DI: là phần đóng góp của lao động vào tăng trưởng GDP

TFP: là phần đóng góp của các yếu tố năng suất vào tăng trưởng GDP.

- **Thứ ba** đầu tư có vai trò quan trọng trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế:

Cơ cấu kinh tế là cơ cấu của tổng thể các yếu tố cấu thành nền kinh tế, có quan hệ chặt chẽ với nhau, được biểu hiện ở mặt vật chất và mặt lượng, tùy theo mục đích kinh tế.

Đầu tư có tác động quan trọng đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế phù hợp với quy luật và chiến lược phát triển kinh tế xã hội mỗi quốc gia trong từng thời kỳ.

- **Thứ tư** đầu tư có tác động đến phát triển khoa học công nghệ.

Đầu tư là nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến quyết định đổi mới và phát triển khoa học công nghệ của một doanh nghiệp và quốc gia [23,25].

1.2. NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ

1.2.1. Nguồn vốn trong nước

**** Nguồn vốn nhà nước***

Nguồn vốn đầu tư nhà nước bao gồm nguồn vốn của ngân sách nhà nước, nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước và nguồn vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước.

- **Đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước:** Đây chính là nguồn chi của ngân sách Nhà nước cho đầu tư. Đó là một nguồn vốn đầu tư quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia. Nguồn vốn này thường được sử dụng cho các dự án kết cấu kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, hỗ trợ cho các dự án của doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực cần sự tham gia của Nhà nước, chi cho các công tác lập và thực hiện các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng, lãnh thổ, quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn.

- **Vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước:** Cùng với quá trình đổi mới và mở cửa, tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước ngày càng đóng vai trò đáng kể trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước có tác dụng tích cực trong việc giảm đáng kể việc bao cấp vốn trực tiếp của Nhà nước. Với cơ chế tín dụng, các đơn vị sử dụng nguồn vốn này phải đảm bảo nguyên tắc hoàn trả vốn vay. Chủ đầu tư là người vay vốn phải tính toán hiệu quả đầu tư, sử dụng vốn tiết kiệm hơn. Vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà

nước là một hình thức quá độ chuyển từ hình thức cấp phát ngân sách sang phương thức tín dụng đối với các dự án có khả năng thu hồi vốn trực tiếp.

- **Nguồn vốn đầu tư từ doanh nghiệp Nhà nước:** Được xác định là thành phần chủ đạo trong nền kinh tế, các doanh nghiệp Nhà nước vẫn nắm giữ một khối lượng vốn khá lớn. Mặc dù vẫn còn một số hạn chế nhưng đánh giá một cách công bằng thì khu vực kinh tế Nhà nước với sự tham gia của các doanh nghiệp Nhà nước vẫn đóng một vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nhiều thành phần. Với chủ trương tiếp tục đổi mới doanh nghiệp Nhà nước, hiệu quả hoạt động của khu vực kinh tế này ngày càng được khẳng định, tích lũy của các doanh nghiệp Nhà nước ngày càng gia tăng và đóng góp đáng kể vào tổng quy mô vốn đầu tư của toàn xã hội.

*** Nguồn vốn của dân cư và tư nhân**

Nguồn vốn từ khu vực tư nhân bao gồm phần tiết kiệm của dân cư, phần tích lũy của các doanh nghiệp dân doanh, các hợp tác xã. Theo đánh giá sơ bộ, khu vực kinh tế ngoài Nhà nước vẫn sở hữu một lượng vốn tiềm năng rất lớn mà chưa được huy động triệt để.

Thực tế thời gian qua cho thấy đầu tư của các doanh nghiệp tư nhân và hộ gia đình đóng vai trò quan trọng đặc biệt trong việc phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn, mở mang ngành nghề, phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ vận tải trên các địa phương. Vốn của dân cư phụ thuộc vào thu nhập và chi tiêu của các hộ gia đình. Quy mô của các nguồn tiết kiệm này phụ thuộc vào:

- Trình độ phát triển của đất nước (ở những nước có trình độ phát triển thấp thường có quy mô và tỷ lệ tiết kiệm thấp).
- Tập quán tiêu dùng của dân cư.
- Chính sách động viên của Nhà nước thông qua chính sách thuế thu nhập và các khoản đóng góp với xã hội.[23, 28-30]

1.2.2. Nguồn vốn nước ngoài

Có thể xem xét nguồn vốn đầu tư nước ngoài trên phạm vi rộng hơn đó là dòng lưu chuyển vốn quốc tế (international capital flows). Về thực chất, các dòng lưu chuyển vốn quốc tế là biểu thị quá trình chuyển giao nguồn lực tài chính giữa các quốc gia trên thế giới. Trong các dòng lưu chuyển vốn quốc tế, dòng từ các nước phát triển đổ vào các nước đang phát triển thường được các nước thế giới thứ ba đặc biệt

quan tâm. Dòng vốn này diễn ra với nhiều hình thức. Mỗi hình thức có đặc điểm, mục tiêu và điều kiện thực hiện riêng, không hoàn toàn giống nhau. Theo tính chất lưu chuyển vốn, có thể phân loại các nguồn vốn nước ngoài chính như sau:

- Tài trợ phát triển vốn chính thức (ODF - official development finance). Nguồn này bao gồm: Viện trợ phát triển chính thức (ODA - official development assistance) và các hình thức viện trợ khác. Trong đó, ODA chiếm tỷ trọng chủ yếu trong nguồn ODF;

- Nguồn tín dụng từ các ngân hàng thương mại;
- Đầu tư trực tiếp nước ngoài;
- Nguồn huy động qua thị trường vốn quốc tế.

*** Nguồn vốn ODA**

Đây là nguồn vốn phát triển do các tổ chức quốc tế và các chính phủ nước ngoài cung cấp với mục tiêu trợ giúp các nước đang phát triển. So với các hình thức tài trợ khác, ODA mang tính ưu đãi cao hơn bất cứ nguồn vốn ODF nào khác. Ngoài các điều kiện ưu đãi về lãi suất, thời hạn cho vay tương đối lớn, bao giờ trong ODA cũng có yếu tố không hoàn lại (còn gọi là thành tố hỗ trợ) đạt ít nhất 25%.

Mặc dù có tính ưu đãi cao, song sự ưu đãi cho loại vốn này thường đi kèm các điều kiện và ràng buộc tương đối khắt khe (tính hiệu quả của dự án, thủ tục chuyển giao vốn và thị trường...). Vì vậy, để nhận được loại tài trợ hấp dẫn này với thiệt thòi ít nhất, cần phải xem xét dự án trong điều kiện tài chính tổng thể. Nếu không việc tiếp nhận viện trợ có thể trở thành gánh nặng nợ nần lâu dài cho nền kinh tế. Điều này có hàm ý rằng, ngoài những yếu tố thuộc về nội dung dự án tài trợ, còn cần có nghệ thuật thoả thuận để vừa có thể nhận vốn, vừa bảo tồn được những mục tiêu có tính nguyên tắc.

*** Nguồn vốn tín dụng từ các ngân hàng thương mại**

Điều kiện ưu đãi dành cho loại vốn này không dễ dàng như đối với nguồn vốn ODA. Tuy nhiên, bù lại nó có ưu điểm rõ ràng là không có gắn với các ràng buộc về chính trị, xã hội. Mặc dù vậy, thủ tục vay đối với nguồn vốn này thường là

tương đối khắt khe, thời gian trả nợ nghiêm ngặt, mức lãi suất cao là những trở ngại không nhỏ đối với các nước nghèo.

Do được đánh giá là mức lãi suất tương đối cao cũng như sự thận trọng trong kinh doanh ngân hàng (tính rủi ro ở nước đi vay, của thị trường thế giới và xu hướng lãi suất quốc tế), nguồn vốn tín dụng của các ngân hàng thương mại thường được sử dụng chủ yếu để đáp ứng nhu cầu xuất khẩu và thường là ngắn hạn. Một bộ phận của nguồn vốn này có thể được dùng để đầu tư phát triển.

*** Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)**

Nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài có đặc điểm cơ bản khác nguồn vốn nước ngoài khác là việc tiếp nhận nguồn vốn này không phát sinh nợ cho nước tiếp nhận. Thay vì nhận lãi suất trên vốn đầu tư, nhà đầu tư sẽ nhận được phần lợi nhuận thích đáng khi dự án đầu tư hoạt động có hiệu quả. Đầu tư trực tiếp nước ngoài mang theo toàn bộ tài nguyên kinh doanh vào nước nhận vốn nên có thể thúc đẩy phát triển ngành nghề mới, đặc biệt là những ngành đòi hỏi cao về trình độ kỹ thuật, công nghệ hay cần nhiều vốn. Vì thế nguồn vốn này có tác dụng cực kỳ to lớn đối với quá trình công nghiệp hoá, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tốc độ tăng trưởng nhanh ở các nước nhận đầu tư.

*** Thị trường vốn quốc tế**

Với xu hướng toàn cầu hoá, mối liên kết ngày càng tăng của các thị trường vốn quốc gia vào hệ thống tài chính quốc tế đã tạo nên vẻ đa dạng về các nguồn vốn cho mỗi quốc gia và làm tăng khối lượng vốn lưu chuyển trên phạm vi toàn cầu. Ngay tại nhiều nước đang phát triển, dòng vốn đầu tư qua thị trường chứng khoán cũng gia tăng mạnh mẽ.

1.3. Bản chất của nguồn vốn đầu tư

Xét về bản chất, nguồn hình thành vốn đầu tư chính là phần tiết kiệm hay tích lũy mà nền kinh tế có thể huy động được để đưa vào quá trình tái sản xuất xã hội. Điều này được cả kinh tế học cổ điển, kinh tế chính trị học Mác - Lênin và kinh tế học hiện đại chứng minh.

Trong tác phẩm “Của cải của dân tộc” (1776), Adam Smith, một đại diện điển hình của trường phái kinh tế học cổ điển đã cho rằng: “Tiết kiệm là nguyên

nhân trực tiếp gia tăng vốn. Lao động tạo ra sản phẩm để tích lũy cho quá trình tiết kiệm. Nhưng dù có tạo ra bao nhiêu chẳng nữa, nhưng không có tiết kiệm thì vốn không bao giờ tăng lên”.

Sang thế kỷ XIX, khi nghiên cứu về cân đối kinh tế, về các mối quan hệ giữa các khu vực của nền sản xuất xã hội, về các vấn đề trực tiếp liên quan đến tích lũy, C. Mác đã chứng minh rằng: Trong một nền kinh tế hai khu vực, khu vực I sản xuất tư liệu sản xuất và khu vực II sản xuất tư liệu tiêu dùng. Cơ cấu tổng giá trị của từng khu vực đều bao gồm $(c + v + m)$ trong đó c là phần tiêu hao vật chất, $(v + m)$ là phần giá trị mới tạo ra. Khi đó, điều kiện để đảm bảo tái sản xuất mở rộng không ngừng thì nền sản xuất xã hội phải đảm bảo $(v + m)$ của khu vực I lớn hơn tiêu hao vật chất (c) của khu vực II. Tức là:

$$(v + m)I > cII$$

Hay nói cách khác:

$$(c + v + m)I > cII + cI$$

Điều này có nghĩa rằng, tư liệu sản xuất được tạo ra ở khu vực I không chỉ bồi hoàn tiêu hao vật chất của toàn bộ nền kinh tế (của cả hai khu vực) mà còn phải dư thừa để đầu tư làm tăng quy mô tư liệu sản xuất trong quá trình sản xuất tiếp theo.

Đối với khu vực II, yêu cầu phải đảm bảo:

$$(c+v+m)II < (v+m)I + (v+m)2$$

Có nghĩa là toàn bộ giá trị mới của cả hai khu vực phải lớn hơn giá trị sản phẩm sản xuất ra của khu vực II. Chỉ khi điều kiện này được thỏa mãn, nền kinh tế mới có thể dành một phần để tái sản xuất mở rộng. Từ đó quy mô vốn đầu tư cũng sẽ gia tăng.

Như vậy để đảm bảo gia tăng nguồn lực cho sản xuất, gia tăng quy mô đầu tư, một mặt phải tăng cường sản xuất tư liệu sản xuất ở khu vực I, đồng thời phải sử dụng tiết kiệm tư liệu sản xuất ở cả hai khu vực. Mặt khác phải tăng cường sản xuất tư liệu tiêu dùng ở khu vực II, thực hành tiết kiệm tư liệu tiêu dùng ở cả hai khu vực.

Với phân tích như trên, chúng ta thấy rằng theo quan điểm của C.Mác, con đường cơ bản và quan trọng về lâu dài để tái sản xuất mở rộng là phát triển sản xuất

và thực hành tiết kiệm cả ở trong sản xuất và tiêu dùng. Hay nói cách khác, nguồn lực cho đầu tư tái sản xuất mở rộng chỉ có thể được đáp ứng do sự gia tăng sản xuất và tích lũy của nền kinh tế.

Quan điểm về bản chất của nguồn vốn đầu tư lại tiếp tục được các nhà kinh tế học hiện đại chứng minh. Trong tác phẩm nổi tiếng “Lý thuyết tổng quan về việc làm, lãi suất và tiền tệ” của mình, Jonh Maynard Keynes đã chứng minh được rằng: Đầu tư chính bằng phần thu nhập mà không được chuyển vào tiêu dùng. Đồng thời ông cũng chỉ ra rằng, tiết kiệm chính là phần dôi ra của thu nhập so với tiêu dùng.

Tức là:

$$\text{Thu nhập} = \text{Tiêu dùng} + \text{Đầu tư}$$

$$\text{Tiết kiệm} = \text{Thu nhập} - \text{Tiêu dùng}$$

Như vậy:

$$\text{Đầu tư} = \text{Tiết kiệm}$$

(S)

Theo Keynes, sự cân bằng giữa tiết kiệm và đầu tư xuất phát từ tính song phương của các giao dịch giữa một bên là nhà sản xuất và bên kia là người tiêu dùng. Thu nhập chính là mức chênh lệch giữa doanh thu từ bán hàng hoá hoặc cung ứng dịch vụ và tổng chi phí. Nhưng toàn bộ sản phẩm sản xuất ra phải được bán cho người tiêu dùng hoặc cho các nhà sản xuất khác. Mặt khác đầu tư hiện hành chính bằng phần tăng thêm năng lực sản xuất mới trong kỳ. Vì vậy, xét về tổng thể phần dôi ra của thu nhập so với tiêu dùng mà người ta gọi là tiết kiệm không thể khác với phần gia tăng năng lực sản xuất mà người ta gọi là đầu tư.

Tuy nhiên, điều kiện cân bằng trên chỉ đạt được trong nền kinh tế đóng. Trong đó, phần tiết kiệm của nền kinh tế bao gồm tiết kiệm của khu vực tư nhân và tiết kiệm của chính phủ. Điểm cần lưu ý là tiết kiệm và đầu tư xem xét trên góc độ toàn bộ nền kinh tế không nhất thiết được tiến hành bởi cùng một cá nhân hay doanh nghiệp nào. Có thể có cá nhân, doanh nghiệp tại một thời điểm nào đó có tích lũy nhưng không trực tiếp tham gia đầu tư. Trong khi đó, có một số cá nhân, doanh nghiệp lại thực hiện đầu tư khi chưa hoặc tích lũy chưa đầy đủ. Khi đó thị trường

vốn sẽ tham gia giải quyết vấn đề bằng việc điều tiết nguồn vốn từ nguồn dư thừa hoặc tạm thời dư thừa sang cho người có nhu cầu sử dụng. Ví dụ, nhà đầu tư có thể phát hành cổ phiếu, trái phiếu (trên cơ sở một số điều kiện nhất định, theo quy trình nhất định) để huy động vốn thực hiện một dự án nào đó từ các doanh nghiệp và các hộ gia đình - người có vốn dư thừa.

Trong nền kinh tế mở, đẳng thức đầu tư bằng tiết kiệm của nền kinh tế không phải bao giờ cũng được thiết lập. Phần tích lũy của nền kinh tế có thể lớn hơn nhu cầu đầu tư tại nước sở tại, khi đó vốn có thể được chuyển sang cho nước khác để thực hiện đầu tư. Ngược lại, vốn tích lũy của nền kinh tế có thể nhỏ hơn nhu cầu đầu tư, khi đó nền kinh tế phải huy động tiết kiệm từ nước ngoài. Trong trường hợp này, mức chênh lệch giữa tiết kiệm và đầu tư được thể hiện trên tài khoản vãng lai.

$$CA=S-I$$

Trong đó: CA là tài khoản vãng lai (current account)

Như vậy, trong nền kinh tế mở nếu như nhu cầu đầu tư lớn hơn tích lũy nội bộ nền kinh tế và tài khoản vãng lai bị thâm hụt thì có thể huy động vốn đầu tư từ nước ngoài. Khi đó đầu tư nước ngoài hoặc vay nợ có thể trở thành một trong những nguồn vốn đầu tư quan trọng của nền kinh tế. Nếu tích lũy của nền kinh tế lớn hơn nhu cầu đầu tư trong nước trong điều kiện thặng dư tài khoản vãng lai thì quốc gia đó có thể đầu tư vốn ra nước ngoài hoặc cho nước ngoài vay vốn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của nền kinh tế[23, 49-51].

1.4. DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1.4.1. Khái niệm dự án

Có nhiều cách định nghĩa khác nhau. Tùy theo mục đích mà nhấn mạnh khía cạnh nào. Dưới góc độ là người quản lý ngân sách nhà nước, theo ý kiến tác giả luận văn, dự án là tập hợp các hành động có mục tiêu, có kiểm soát, có ràng buộc thời gian nhằm tạo ra các sản phẩm, dịch vụ.

Nghĩa là, mọi dự án đầu tư đều có điểm bắt đầu và kết thúc xác định. Dự án kết thúc khi mục tiêu của dự án đã đạt được hoặc dự án bị loại bỏ. Dự án phải thực

hiện mục tiêu đã định sẵn theo định hướng và chịu sự kiểm soát của nhà đầu tư, của người bỏ ra nguồn lực thực hiện dự án.

1.4.2. Khái niệm về dự án đầu tư

Khái niệm dự án đầu tư có thể xem xét trên nhiều góc độ khác nhau:

Về mặt hình thức: Dự án đầu tư là một tập hợp hồ sơ tài liệu trình bày một cách chi tiết và có hệ thống các hoạt động và chi phí theo một kế hoạch để đạt những kết quả và thực hiện được những mục tiêu nhất định trong tương lai.

Về mặt nội dung: Dự án đầu tư là một tập hợp các hoạt động có liên quan với nhau được hoạch định nhằm đạt được các mục tiêu đã được xác định bằng việc tạo ra các kết quả cụ thể thông qua việc xác định các nguồn lực trong một khoảng thời gian xác định (dự án trực tiếp đầu tư).

Về mặt quản lý: Dự án đầu tư là một công cụ quản lý việc sử dụng vốn, vật tư, lao động để tạo ra các kết quả tài chính, kinh tế trong một thời gian dài.

Về mặt kế hoạch hoá: Dự án đầu tư là một công cụ thể hiện kế hoạch chi tiết của một công cuộc đầu tư-sản xuất -kinh doanh, phát triển kinh tế xã hội làm tiền đề cho các quyết định đầu tư và tài trợ. Dự án đầu tư là một hoạt động riêng biệt, nhỏ nhất trong công tác kế hoạch hoá nền kinh tế quốc dân. [30,5-6]

Theo điều 3.17 của Luật Xây dựng[27,2]: “Dự án đầu tư là một tập hợp những đề xuất có liên quan đến việc bỏ vốn để tạo mới, mở rộng hoặc cải tạo những đối tượng nhất định nhằm đạt được sự tăng trưởng về số lượng, cải tiến hoặc nâng cao chất lượng một sản phẩm hoặc dịch vụ nào đó trong một thời gian xác định”.

Như vậy, dự án đầu tư là các đề xuất có tính khả thi và có định hướng rõ ràng nhằm biến các cơ hội đầu tư thành các kết quả cụ thể.

1.4.3. Đặc điểm của dự án đầu tư

Sản phẩm của XD CB là hàng hoá và là hàng hoá đặc biệt, khi chưa sản xuất đã xác định người mua kẻ bán, người mua ở đây là các Chủ đầu tư (đối với vốn NSNN là người được nhà nước giao trách nhiệm chủ thể quản lý) người bán là các nhà thầu; nhưng vì là sản phẩm đặc biệt có giá trị lớn và phần lớn là không di chuyển được, một sản phẩm được mua bán thông qua hợp đồng được hai bên thoả

thuận về giá cả và chất lượng, khối lượng...một hoặc rất nhiều lần. Vì vậy, việc trả tiền và nhận tiền thông qua nhiều lần cho một sản phẩm; quá trình hình thành sản phẩm được chủ sở hữu vốn (chủ đầu tư, cấp trên chủ đầu tư và sự tham gia của các tổ chức kinh tế xã hội đại diện cho Nhà nước) tham gia quản lý.

1.4.4. Trình tự đầu tư

Trình tự đầu tư là các bước đi, các hoạt động theo quy định của quá trình đầu tư của một dự án đầu tư, từ khi bắt đầu hình thành cho đến khi kết thúc đưa tài sản mới vào sử dụng phát huy hiệu quả. Trình tự đầu tư và xây dựng bao gồm ba giai đoạn kế tiếp nhau theo thời gian đó là:

- Chuẩn bị đầu tư
- Thực hiện dự án
- Kết thúc xây dựng, đưa công trình vào khai thác, sử dụng.

Tuy nhiên, tùy theo tính chất và điều kiện của từng dự án mà có thể thực hiện gói đầu hoặc xen kẽ nhau các giai đoạn.

*** Chuẩn bị đầu tư**

Tất cả các dự án đầu tư trước khi thực hiện đều phải trải qua giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

Chủ đầu tư sẽ xác định mục tiêu đầu tư trên cơ sở định hướng, quy hoạch phát triển ngành, vùng miền lãnh thổ. Đồng thời, nêu sự cần thiết phải đầu tư, quy mô đầu tư và tổng mức đầu tư trên cơ sở thu thập các thông tin thị trường trong nước và nước ngoài về nhu cầu tiêu thụ, khả năng cạnh tranh của sản phẩm, nguồn cung ứng thiết bị, vật tư cho sản xuất, khả năng về nguồn vốn đầu tư...Trên cơ sở những thông tin đã thu thập, chủ đầu tư tiến hành lập hoặc thuê các tổ chức tư vấn báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo đầu tư gửi cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt.

+ Tổng mức đầu tư:

Tổng mức vốn đầu tư là toàn bộ chi phí dự tính để đầu tư xây dựng công trình được ghi trong quyết định đầu tư và là cơ sở để chủ đầu tư lập kế hoạch và quản lý vốn khi thực hiện đầu tư xây dựng công trình.[6,2]

Theo điều 7, Nghị định 99[12,2], tổng mức đầu tư các dự án được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

- Xuất hiện các yếu tố bất khả kháng : động đất, bão, lũ, lụt, lở đất, sóng thần, lở đất; chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh và có tác động trực tiếp đến công trình xây dựng;

- Khi quy hoạch đã phê duyệt được điều chỉnh có ảnh hưởng trực tiếp tới tổng mức đầu tư xây dựng công trình;

- Do người quyết định đầu tư thay đổi, điều chỉnh quy mô công trình khi thấy xuất hiện các yếu tố mới đem lại hiệu quả kinh tế -xã hội cao hơn .

+ Tổng dự toán công trình:

Tổng dự toán công trình là tổng chi phí cần thiết cho việc đầu tư xây dựng công trình được tính toán cụ thể ở giai đoạn thiết kế cơ sở hoặc thiết kế kỹ thuật. Tổng dự toán bao gồm: chi phí xây lắp; chi phí thiết bị (gồm thiết bị công nghệ, các loại thiết bị phi tiêu chuẩn cần sản xuất gia công (nếu có) và các trang thiết bị khác phục vụ cho sản xuất làm việc, sinh hoạt; chi phí khác và chi phí dự phòng (gồm cả dự phòng do yếu tố trượt giá và dự phòng do khối lượng phát sinh).

Sau khi dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; thiết kế cơ sở và tổng dự toán được duyệt thì giai đoạn thực hiện đầu tư được bắt đầu.

*** Thực hiện đầu tư**

Một khi dự án có quyết định đầu tư thì việc thực hiện dự án là trách nhiệm của chủ đầu tư hay nói một cách khác, chủ đầu tư có toàn quyền quyết định công việc đầu tư trên cơ sở phải tôn trọng đầy đủ nội dung quyết định đầu tư đã ban hành. Những công việc phải tiến hành trong quá trình chuẩn bị thực hiện đầu tư và thực hiện đầu tư đó là:

- Xin giao đất hoặc thuê đất.

Những dự án có nghiên cứu sử dụng đất, chủ dự án phải lập hồ sơ giao đất hoặc thuê đất để cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Chuẩn bị mặt bằng xây dựng.

Đối với các dự án đầu tư và xây dựng có tính chất sản xuất, kinh doanh chủ đầu tư chủ trì phối hợp với UBND địa phương thống nhất phương án đền bù, kế hoạch giải phóng mặt bằng, kinh phí, tiến độ và thanh quyết toán giải phóng mặt bằng để UBND địa phương tổ chức thực hiện việc đền bù giải phóng mặt bằng xây dựng theo tiến độ và bàn giao mặt bằng xây dựng cho nhà thầu xây dựng.

Đối với các dự án đầu tư và xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh và các dự án quan trọng quốc gia, UBND các cấp chủ trì với chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc đền bù giải phóng mặt bằng và bàn giao mặt bằng theo tiến độ; thành lập khu tái định cư chung và thực hiện việc tái định cư theo chế độ chính sách của Nhà nước và chính sách hỗ trợ của dự án đầu tư.

- Thiết kế kỹ thuật xây dựng và dự toán công trình.

Khi dự án có quyết định đầu tư và xác định được nhà cung cấp thiết kế công nghệ, chủ đầu tư phải căn cứ vào mục tiêu đầu tư và các nội dung yêu cầu trong quyết định đầu tư, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật được áp dụng để tiến hành công tác thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật -thi công và lập dự toán trong giới hạn của tổng mức đầu tư, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

+ Đơn giá xây dựng cơ bản

Đơn giá xây dựng cơ bản là những chi phí trực tiếp về vật liệu, nhân công và chi phí sử dụng máy thi công tính trên một đơn vị khối lượng công tác xây lắp riêng hoặc một bộ phận kết cấu xây lắp và được xác định trên cơ sở định mức dự toán XDCB của Bộ Xây dựng. Đơn giá XDCB do Chủ tịch UBND tỉnh ban hành là căn cứ để lập dự toán xây lắp riêng cho các hạng mục công trình hoặc xác định chi phí xây lắp trong tổng dự toán đối với các công trình được xây dựng tại địa phương không phân biệt cấp quyết định đầu tư thuộc trung ương hay địa phương.

- Đấu thầu thực hiện dự án và chỉ định thầu

Các dự án có sử dụng NSNN, vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước phải thực hiện theo quy chế đấu thầu. Đối với các nguồn vốn khác, Nhà nước cũng khuyến khích thực hiện theo Luật đấu thầu.

Theo quy định hiện hành, [28] có hai hình thức chọn thầu chủ yếu là đấu thầu và chỉ định thầu.

Đối với hình thức đấu thầu, chủ đầu tư phải thực hiện các bước chủ yếu là: lập và phê duyệt kế hoạch đấu thầu, lập hồ sơ mời thầu, thành lập tổ chuyên gia đấu thầu, chọn thầu và ra quyết định chọn thầu.

Đối với hình thức chỉ định thầu, chủ đầu tư lập và phê duyệt hồ sơ yêu cầu, xem xét hồ sơ đề xuất của nhà thầu, phê duyệt kết quả chọn thầu.

Đối với các dự án nêu trên, trước khi tiến hành khởi công công trình, chủ đầu tư phải tổ chức đấu thầu và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả đấu thầu. Các trường hợp khác tùy theo quy định về tính chất mức độ của gói thầu có thể chỉ định thầu hoặc chào hàng cạnh tranh mà mục đích là nâng cao chất lượng công trình hoặc thiết bị tư vấn với giá cả hợp lý.

- Hợp đồng tư vấn, mua sắm vật tư, thiết bị, xây lắp

Khi có văn bản phê duyệt kết quả đấu thầu của người có thẩm quyền, chủ đầu tư phải đàm phán hoàn thiện hợp đồng để ký kết. Nội dung hợp đồng phải ràng buộc đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm giữa chủ đầu tư và nhà thầu, đồng thời tôn trọng kết quả đấu thầu đã được phê duyệt.

Sau khi hoàn thành những công việc nêu trên, công tác chuẩn bị đầu tư kết thúc, giai đoạn thực hiện đầu tư được bắt đầu (công trình được khởi công xây dựng) chủ đầu tư có trách nhiệm:

- Quản lý chất lượng công trình xây dựng

Chất lượng công trình xây dựng phụ thuộc rất lớn vào các loại vật liệu, cấu kiện xây dựng, thiết bị lắp đặt. Nhiệm vụ của chủ đầu tư trong giai đoạn này là phải kiểm tra chất lượng của các vật liệu, cấu kiện, thiết bị theo yêu cầu thiết kế và tiêu chuẩn kỹ thuật được duyệt. Đối với những khối lượng công tác không đạt chất lượng quy trình thì yêu cầu thực hiện sửa chữa, thay thế ngay sau khi công trình còn đang trong quá trình thi công. Ngoài ra trong mọi trường hợp phải đảm bảo cảnh quan và môi trường xã hội.

- Nghiệm thu công trình xây dựng

Bất cứ công trình xây dựng nào cũng được hình thành từ nhiều cấu kiện xây dựng, thiết bị lắp đặt kế tiếp nhau theo không gian và thời gian. Muốn cho công trình đảm bảo chất lượng theo yêu cầu thiết kế và tiêu chuẩn kỹ thuật được duyệt, công tác nghiệm thu công trình phải được tiến hành từng đợt ngay sau khi làm xong những khối lượng che khuất dưới mặt đất, mặt nước, những kết cấu chịu lực... cho đến lúc hạng mục công trình và toàn bộ công trình hoàn thành.

Việc nghiệm thu từng phần và toàn bộ công trình xây dựng được thực hiện với sự tham gia của các tổ chức tư vấn, thiết kế, nhà thầu xây dựng, cung ứng vật tư, thiết bị và cơ quan giám sát chất lượng.

1.5. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ KIỂM SOÁT TTVĐT

1.5.1. Khái niệm về quản lý

Trong tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội, con người muốn tồn tại và phát triển đều phải dựa vào sự nỗ lực của một tổ chức, từ một nhóm nhỏ đến phạm vi rộng lớn hơn.

Hoạt động quản lý của con người bao giờ cũng nhằm mục tiêu nhất định. Mục tiêu phải được xác định một cách đúng đắn từ đó dẫn dắt chủ thể và đối tượng quản lý trong toàn bộ quá trình hoạt động.

Mục tiêu quản lý có nhiều loại, nhiều cấp, nhiều kiểu tham gia khác nhau đó là mục tiêu kinh tế, mục tiêu chính trị, mục tiêu xã hội, mục tiêu trước mắt, mục tiêu lâu dài, mục tiêu định tính và mục tiêu định lượng.

Như vậy, có thể hiểu quản lý là hành vi tác động có định hướng của các chủ thể quản lý đến các khách thể quản lý nhằm đạt được các mục tiêu đã đề ra.

1.5.2. Quản lý vốn đầu tư

Quản lý vốn đầu tư cũng như các lĩnh vực quản lý khác đều nhằm mục tiêu cuối cùng là hiệu quả. Hiệu quả trong đầu tư XD CB là hiệu quả về kinh tế xã hội do năng lực đầu tư tăng thêm mang lại. Vì vậy quản lý vốn đầu tư là sự tác động của một tổ chức, các nhân chủ sở hữu vốn thông qua đồng vốn vào công tác đầu tư XD CB nhằm đạt mục đích là vốn bỏ ra ít nhất nhưng mang lại hiệu quả cao nhất.

1.5.3. Kiểm soát thanh toán vốn đầu tư

Theo điều 56 Luật Ngân sách Nhà nước[26,30] có quy định về nội dung kiểm
Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

soát chi của KBNN : “KBNN kiểm tra tính hợp pháp của các tài liệu cần thiết theo quy định pháp luật”

Tại Thông tư số 130/2002/TT-BTC của Bộ Tài chính [3,4] có quy định nguyên tắc thanh toán của KBNN là “trên cơ sở hồ sơ đề nghị thanh toán của chủ đầu tư, Kho bạc Nhà nước căn cứ vào các điều khoản thanh toán được quy định trong hợp đồng”.

Như vậy, có thể nói rằng, kiểm soát chi TTVĐT của KBNN chính là:

- Kiểm tra, rà soát các thủ tục của chủ đầu tư trong việc thực hiện các trình tự về XD CB. Thông qua các hồ sơ mà chủ đầu tư cung cấp, có thể kiểm tra được việc chấp hành của các chủ đầu tư và nhà thầu theo quy định của Luật Xây dựng, Luật đấu thầu và các văn bản có liên quan, đảm bảo các thủ tục về XD CB hợp lý, hợp pháp.

- Kiểm tra các điều khoản thanh toán của chủ đầu tư và nhà thầu đã ghi trong hợp đồng đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Các điều khoản thanh toán trong hợp đồng xây dựng chính là xác định nghĩa vụ của chủ đầu tư phải trả bằng tiền cho nhà thầu cung cấp. Cụ thể là, xem xét mức tạm ứng, số lần thanh toán tạm ứng, thu hồi tạm ứng, mức bảo hành và kể cả thời hạn hiệu lực hợp đồng gắn liền với thời gian thực hiện dự án.

Tóm lại, nội dung của kiểm soát thanh toán là:

- Xem xét việc tuân thủ của chủ đầu tư, nhà thầu theo quy định về đầu tư XD CB.

- Xác định tính hợp lý, hợp pháp các khối lượng đề nghị thanh toán của chủ đầu tư và nhà thầu trên cơ sở hợp đồng đã ký kết.

Ể có thể hơn về vấn đề trên, cần phân tích kỹ hơn về khái niệm này nhằm đưa ra một quan niệm đúng đắn về kiểm soát chi vốn đầu tư.

1.6. CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐẦU TƯ XD CB TRONG NỀN KINH TẾ THỊ

TRƯỜNG * Đặc điểm của công tác đầu tư XD CB trong nền kinh tế thị trường

Nền kinh tế thị trường có những đặc điểm chính như sau:

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Một là, giá cả của mọi hàng hoá, dịch vụ phụ thuộc vào quan hệ cung cầu và được quyết định tại điểm cân bằng giữa cung và cầu.

Hai là, người tiêu dùng được tự do chọn lựa những hàng hoá cung cấp khác nhau trên thị trường; nhà sản xuất được tự do gia nhập hoặc rút khỏi các doanh nghiệp khi họ muốn; những chủ tài nguyên được tự do đặt những tài nguyên của họ sử dụng ở bất cứ nơi nào mà sử dụng thuận lợi; những sự trao đổi sẽ xảy ra một cách tự nguyện bất cứ khi nào và bất cứ ở đâu miễn là hai bên trao đổi đều có lợi.

Ba là, hệ thống giá cả phần lớn sẽ quyết định người sản xuất phải sản xuất sản phẩm- dịch vụ gì, sản xuất như thế nào và sản xuất cho ai.

Bốn là, tính hai mặt của cơ chế thị trường luôn tác động đến mọi mặt của đời sống xã hội.

Năm là, sự can thiệp của Chính phủ chỉ nhằm vào những ngành và lĩnh vực cần thiết của đời sống kinh tế xã hội thông qua hệ thống các công cụ vĩ mô như văn bản pháp lý và các công cụ kinh tế- tài chính thuế, ngân sách để bổ sung sự khiếm khuyết hoặc điều chỉnh các hoạt động của đời sống quốc gia.

*** Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường**

Trong nền kinh tế thị trường, nhà nước có vai trò quan trọng. Vai trò này thể hiện trước hết ở việc hoạch định các chính sách kinh tế vĩ mô.

Ở Việt nam hiện nay, các chính sách trên đây của nhà nước phải nhằm vào các mục tiêu chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, định hướng quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Các chính sách kinh tế của Nhà nước phải lựa chọn các ưu tiên cho quá trình công nghiệp hoá.

Thứ hai, đảm bảo tăng trưởng hiệu quả cao và bền vững.

Thứ ba, đảm bảo cho cơ chế thị trường tác động lành mạnh trong nền kinh tế. Công cụ tài chính ngân sách rất hữu hiệu được sử dụng nhiều ở các nước trên thế giới nhằm điều tiết kinh tế thị trường, với vai trò chức năng được nhà nước giao quản lý quỹ ngân sách Nhà nước mà cụ thể là khía cạnh quản lý kiểm soát TTVĐT thuộc nguồn vốn NSNN, KBNN sẽ góp phần tích cực làm lành mạnh hoá nền kinh

tế thị trường theo định hướng XHCN thông qua sự can thiệp vào thị trường XDCB bằng đồng vốn đầu tư kể cả huy động vốn và TTVĐT.

* Đặc điểm của công tác đầu tư XDCB trong nền kinh tế thị trường
XHCN Nền kinh tế thị trường ở nước ta được hình thành và phát triển cùng
với sự đổi

mới cơ chế quản lý của Đảng và Nhà nước. Trong lĩnh vực đầu tư XDCB chịu sự chi
phối của nền kinh tế thị trường với những đặc điểm sau:

- Xã hội hoá nguồn vốn đầu tư: Trong nền kinh tế thị trường nguồn vốn đầu
tư XDCB rất đa dạng, chính sách của Nhà nước ta là huy động tất cả nguồn vốn
trong nhân dân, trong xã hội, trong nước, ngoài nước tập trung cho đầu tư phát triển,
trong đó nguồn vốn nhà nước đóng vai trò chủ đạo nhằm xây dựng các công trình,
dự án phát triển lớn của đất nước, vốn đầu tư của các cá nhân, doanh nghiệp vào
lĩnh vực sản xuất hàng hoá, cung ứng dịch vụ...

Việc xây dựng một dự án, công trình đều huy động nhiều nguồn vốn tham gia,
hoặc một nguồn có thể tham gia đầu tư nhiều dự án khác nhau. Từ đó, hình thành
một thị trường vốn đầu tư của Nhà nước.

- Giá cả hàng hoá XDCB được xác định trước khi sản xuất; nhưng việc mua
bán sản phẩm xây dựng phản ánh quy luật cung cầu thông qua một quy chế chặt chẽ
đó là đấu thầu xây dựng công trình hoặc chào hàng cạnh tranh và thương thảo hợp
đồng với nhiều ràng buộc mà bên mua bên bán phải thực hiện.

Thông thường giá XDCB trong hợp đồng chưa phải là giá cuối cùng mà nó
còn biến động tiếp diễn theo nhiều giai đoạn chế tạo sản phẩm cho đến khi quyết
toán công trình mới là giá cuối cùng. Đây là quá trình hình thành sản phẩm, vừa
hình thành giá lại vừa là quá trình tiêu thụ sản phẩm. Vì vậy, việc thanh toán tiền
giữa bên mua và bên bán không phải là một vài lần theo một khuôn mẫu định trước
mà diễn ra nhiều lần theo tình hình thực hiện và biến động của công trình.

- Người tiêu dùng (người mua sản phẩm) được tự do lựa chọn nhà sản xuất
thông qua đấu thầu hoặc chào hàng cạnh tranh phải đáp ứng. Nhưng sản phẩm lại
được định hình với quy mô, chất lượng, kỹ thuật khi sản phẩm do nhà đầu tư đưa ra
mà nhà sản xuất phải đáp ứng. Tức là sản phẩm được sản xuất khi có người mua cụ
thể, từng đối tượng cụ thể trong xã hội.

- Hoạt động đầu tư xây dựng chịu ảnh hưởng lớn của môi trường vĩ mô, sự can thiệp định hướng của Nhà nước, của các chính sách vĩ mô tác động rất lớn vào

thị trường đầu tư xây dựng. Vì vậy, các nhà đầu tư khi tham gia vào thị trường phải nghiên cứu các chính sách vĩ mô đó.

- Công trình xây dựng mang tính cá biệt, đa dạng, đơn chiếc, phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên, địa lý. Công trình XD CB mang nhiều ý nghĩa kinh tế, chính trị, xã hội và liên quan nhiều đến an ninh quốc phòng một quốc gia hay một địa phương.

1.7. CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ XD CB CỦA NHÀ NƯỚC TA HIỆN NAY

1.7.1. Cơ sở xây dựng chính sách đầu tư của nhà nước

Từ năm 1991 đến nay, kinh tế nước ta thực sự khởi sắc, thu nhập quốc dân bình quân thời kỳ 1991 - 1997 tăng 8,2% năm, năm 1998 mặc dù bị ảnh hưởng sâu sắc của cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ khu vực, trong khi các nước khu vực có mức tăng trưởng âm, tốc độ tăng trưởng GDP nước ta vẫn đạt 5,8%, sản lượng công nghiệp tăng 13,7%, xuất khẩu tăng gần 20% . Trong những năm qua nền kinh tế duy trì được mức tăng trưởng nhanh và bền vững. nhịp độ tăng GDP bình quân 5 năm 2004-2008 khoảng 7,7%, riêng năm 2007 đạt 8,48%. Sự tăng trưởng đó nhờ sự đóng góp của nhiều yếu tố, trong đó yếu tố đầu tư đóng vai trò quan trọng. Nhà nước ta đã không ngừng đề ra nhiều chủ trương chính sách thông thoáng nhằm thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư trong xã hội. Nhờ đó, nguồn vốn đầu tư toàn xã hội ngày càng tăng, hiệu quả sử dụng ngày càng cao, cơ sở vật chất kỹ thuật của CNXH ở các ngành kinh tế tăng đáng kể góp phần to lớn trong sự nghiệp xây dựng nền kinh tế theo hướng công nghiệp hoá hiện đại hoá.

Điều đó khẳng định quan điểm đường lối của Đảng ta là hoàn toàn đúng. Trong đó huy động mọi nguồn lực của toàn xã hội cho đầu tư là một trong những vấn đề then chốt để phát triển kinh tế xã hội, là tiền đề đạt được những thành tựu trong tương lai.

Cùng với sự đổi mới toàn diện, trên mọi lĩnh vực, chính sách, cơ chế về đầu tư phát triển trong thời gian qua đã từng bước được hoàn thiện thể hiện đường lối phát triển kinh tế xã hội của Đảng và Nhà nước ta là phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa có sự điều tiết của Nhà nước. Vốn đầu tư toàn xã hội đã dần được quản lý theo những mức độ khác nhau đối với những nguồn vốn khác

nhau đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển và hiệu quả của vốn đầu tư, quản lý vốn đầu tư được thực hiện thông qua việc quản lý các dự án đầu tư trên cơ sở hình thành bộ máy tổ chức thực hiện.

Xuất phát từ thực tiễn nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ bao cấp trong đầu tư, nguồn vốn ngân sách nhà nước chỉ tập trung vào các công trình kỹ thuật hạ tầng không có khả năng thu hồi vốn trực tiếp. Nhà nước chủ yếu dành ưu tiên đầu tư những công trình trọng điểm, những công trình có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của toàn đất nước. Mục tiêu đầu tư của nguồn vốn Ngân sách Nhà nước cũng có sự chuyển dịch, tập trung cho xây dựng cơ sở hạ tầng lĩnh vực Giao thông vận tải, nông nghiệp, nông thôn, khoa học công nghệ môi trường, giáo dục đào tạo, văn hóa, y tế thể thao... Những công trình có khả năng thu hồi vốn đã được chuyển sang dùng nguồn vốn khác để đầu tư, lúc này vốn tín dụng ưu đãi Nhà nước được xem như là một hình thức quá độ từ bao cấp trong đầu tư sang hình thức tự vay tự trả.

1.7.2. Chính sách vốn đầu tư của nhà nước hiện nay

1.7.2.1. Dự án đầu tư nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Thế giới ngày nay đang chứng kiến hai xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế lớn:

Một là, sự chuyển dịch từ khu vực sản xuất vật chất sang khu vực dịch vụ, chủ yếu diễn ra ở các nước phát triển có nền công nghiệp tiên tiến.

Hai là, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá diễn ra ở các nước đang phát triển.

Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế bất luận theo xu hướng nào cũng chỉ thực hiện thông qua các hoạt động đầu tư. Số lượng dự án đầu tư với công nghệ hiện đại được thực hiện ngày càng nhiều, góp phần tăng tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp trong tổng giá trị sản xuất của nền kinh tế.

1.7.2.2. Dự án đầu tư phát triển nguồn nhân lực

Quan trọng nhất trong việc phát triển nguồn nhân lực là công tác giáo dục-đào tạo.

Giáo dục mở đường cho quá trình công nghiệp hoá bằng cách truyền đạt những kỹ năng, nâng cao sức khoẻ và tạo điều kiện cho phụ nữ tham gia nhiều hơn

vào lực lượng lao động. Giáo dục, đầu tư vào kiến thức công nghệ và đầu tư vật chất luôn gắn liền với nhau. Quốc gia nào xem nhẹ bất kỳ đầu tư nào cũng không thể thực hiện có hiệu quả công nghiệp hoá, hiện đại hoá. ở Trung quốc, Hồng Kông, Israel, Nhật Bản và Singapore là những nước đã đạt được sự tăng trưởng nhanh chóng về kinh tế. Họ là những nước đã áp dụng một chiến lược đầu tư hợp lý vào lĩnh vực giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ.

1.7.2.3. Dự án đầu tư xoá đói giảm nghèo

Trong quá trình vận động và phát triển của loài người, do tác động của quy luật phát triển không đồng đều, con người vốn đã có sự khác biệt về nhận thức cũng như khả năng tham dự các chương trình mang lại lợi ích cho quốc gia và bản thân họ. Sự khác biệt này diễn ra ngay cả trong việc tiếp cận và sử dụng nguồn tài nguyên. Các chế độ xã hội loài người phát triển nối tiếp nhau cho đến thời đại ngày nay, bên cạnh việc tăng tiến cho xã hội thì đồng thời cũng là đã bản cùng hoá nhiều người lao động, sự phân hoá giàu nghèo đang diễn ra không đồng đều ở tất cả các nước và các vùng khác nhau trong cùng một quốc gia

Để lấp đầy các “khoảng trống” ấy, hầu hết Chính phủ các nước đều phải đưa ra các chương trình đầu tư bao gồm nhiều loại dự án khác nhau, phù hợp với điều kiện cụ thể của từng vùng. Dự án đầu tư góp phần tích cực trong việc thu hẹp khoảng cách giàu nghèo.

1.7.2.4. Dự án đầu tư thuộc nguồn vốn NSNN

Trong lĩnh vực kinh tế các nhà đầu tư chỉ đầu tư vào các lĩnh vực, các ngành sản xuất dịch vụ mà ở đó có thể đem lại doanh lợi tối đa trong một thời gian ngắn. Trong khi đó một số sản phẩm và dịch vụ thiết yếu mà nếu không có, thì cũng không thể duy trì và phát triển nền kinh tế, ví dụ như vấn đề tưới tiêu; xây dựng và mở rộng giao thông, các cơ sở giáo dục đào tạo...đầu tư phát triển kinh tế ở những vùng nông thôn xã xôi, miền núi vùng đồng bào, dân tộc thiểu số...

Về mặt xã hội: cạnh tranh một mặt thúc đẩy sản xuất phát triển, thúc đẩy giao lưu hàng hoá tiền tệ, khai thác mọi tiềm năng lao động trong quá trình sản xuất, từ đó tăng tổng sản phẩm xã hội với chi phí thấp nhất. Nhưng mặt khác cạnh tranh cũng dẫn đến sự phá sản, nạn thất nghiệp và phân biệt giàu nghèo, khiến cho tình trạng sẽ

có người đói thì thiếu lợi tức, một số khác không đủ lợi tức. Trong khi đó, một số còn lại thì lợi tức khá dư thừa. Vì vậy, Chính phủ phải bỏ tiền ra để thực hiện các dự án đầu tư nhằm giải quyết những “khuyết tật” nêu trên hoặc hỗ trợ vốn cho các tổ chức kinh tế công cũng như việc phát triển sản xuất thu hút thêm lao động.

Trên thế giới ngày nay, ở bất kỳ quốc gia nào, dù là chưa công nghiệp hoá hay ở thời kỳ hậu công nghiệp, việc đảm bảo mức sống tối thiểu cho dân chúng đều được coi là mục tiêu cơ bản của nhà nước.

Đối với nước ta, trong quá trình phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Ngân sách Nhà nước tập trung đầu tư các loại dự án như sau:

a. Dự án kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội không có khả năng thu hồi vốn thuộc các lĩnh vực

- + Giao thông, giáo dục đào tạo, y tế.
- + Trồng rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ, rừng Quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên.
- + Các trạm thú y, động, thực vật, nghiên cứu giống mới và cải tạo giống.
- + Xây dựng công trình văn hoá, xã hội, thể dục, thể thao, phúc lợi công cộng.
- + Quản lý nhà nước, khoa học kỹ thuật.
- + Bảo vệ môi trường sinh thái, vùng lãnh thổ.

b. Các dự án Quốc phòng, an ninh không có khả năng thu hồi vốn

c. Hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực cần thiết có tham gia của Nhà nước theo quy định của pháp luật.

d. Các dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội, vùng lãnh thổ, qui hoạch phát triển ngành, quy hoạch tổng thể phát triển đô thị và nông thôn, quy hoạch chi tiết các đô thị trung tâm, quy hoạch chi tiết sử dụng đất.

e. Các dự án được bố trí bằng vốn sự nghiệp trong dự toán Ngân sách Nhà nước để sửa chữa, cải tạo, mở rộng, nâng cấp các cơ sở vật chất hiện có (có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên) nhằm phục hồi hoặc tăng tài sản cố định (bao gồm cả việc xây dựng mới các hạng mục chương trình trong các cơ sở đã có của các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp).

f. Các dự án đầu tư khác theo quy định của Chính phủ như: Các dự án thuộc chương trình 135, chương trình trung tâm cụm xã, định canh định cư...

Từ việc trình bày trên chúng ta thấy rằng, muốn cho nền kinh tế phát triển bền vững và rộng khắp thì các dự án đầu tư từ nguồn vốn Ngân sách Nhà nước được coi là điều kiện hàng đầu nhằm điều chỉnh kinh tế vĩ mô.

1.7.2.5. Dự án thu hút vốn đầu tư nước ngoài

Trong khi chúng ta đang bàn về việc thực hiện mục tiêu công nghiệp, hiện đại hoá; khắc phục nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực, thì cần phải giải quyết các vấn đề đó với việc thu hút và sử dụng vốn đầu tư nước ngoài, góp phần quan trọng bổ sung nguồn vốn đầu tư phát triển, giải quyết những mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Thực tiễn thời gian qua cho thấy, để khuyến khích và thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI), chúng ta phải coi trọng phát triển kết cấu hạ tầng. Có thể nói, nhiều cơ chế chính sách đầu tư nước ngoài còn phải chấn chỉnh cho phù hợp, nhưng nếu nhìn nhận một cách tổng thể và khách quan, cơ sở hạ tầng yếu kém là một lực cản rất lớn trong quá trình thu hút và sử dụng vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài và đó là một trong những nguyên nhân cơ bản làm mất đi lợi thế so sánh với các nước trong khu vực.

Các nhà đầu tư nước ngoài kiếm thị trường đầu tư mà nơi đó có khả năng mang lại lợi nhuận tối đa hay nói một cách khác, nơi mà chi phí cơ hội thấp nhất. Chi phí nhân công rẻ, tài nguyên phong phú nhưng kết cấu hạ tầng yếu kém thì cũng không thể có lợi nhuận tối đa, thậm chí còn ngược lại.

Tóm lại, cần thiết phải có các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng nhằm thu hút đầu tư nước ngoài làm đòn bẩy phát triển nền kinh tế.

1.8. CHU TRÌNH GIẢI NGÂN VỐN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1.8.1. Chu trình giải ngân vốn đầu tư XDCB bằng nguồn vốn NSNN

Vốn đầu tư XDCB đầu tư bằng nguồn vốn NSNN là một phần trong nội dung chi của dự toán NSNN. Vì vậy, việc giải ngân vốn đầu tư XDCB cũng phải thực hiện đầy đủ bước như chu trình chi ngân sách là lập dự toán ngân sách, chấp hành ngân sách và quyết toán ngân sách. Chu trình này có thể tóm tắt theo sơ đồ sau:

Đối với dự án địa phương quản lý:

1b: Bộ Tài chính thông báo kế hoạch đầu tư cho các địa phương.

2b: UBND Tỉnh(Sở Kế hoạch đầu tư) thông báo kế hoạch vốn cho KBNN Tỉnh đối với dự án ngân sách tỉnh.

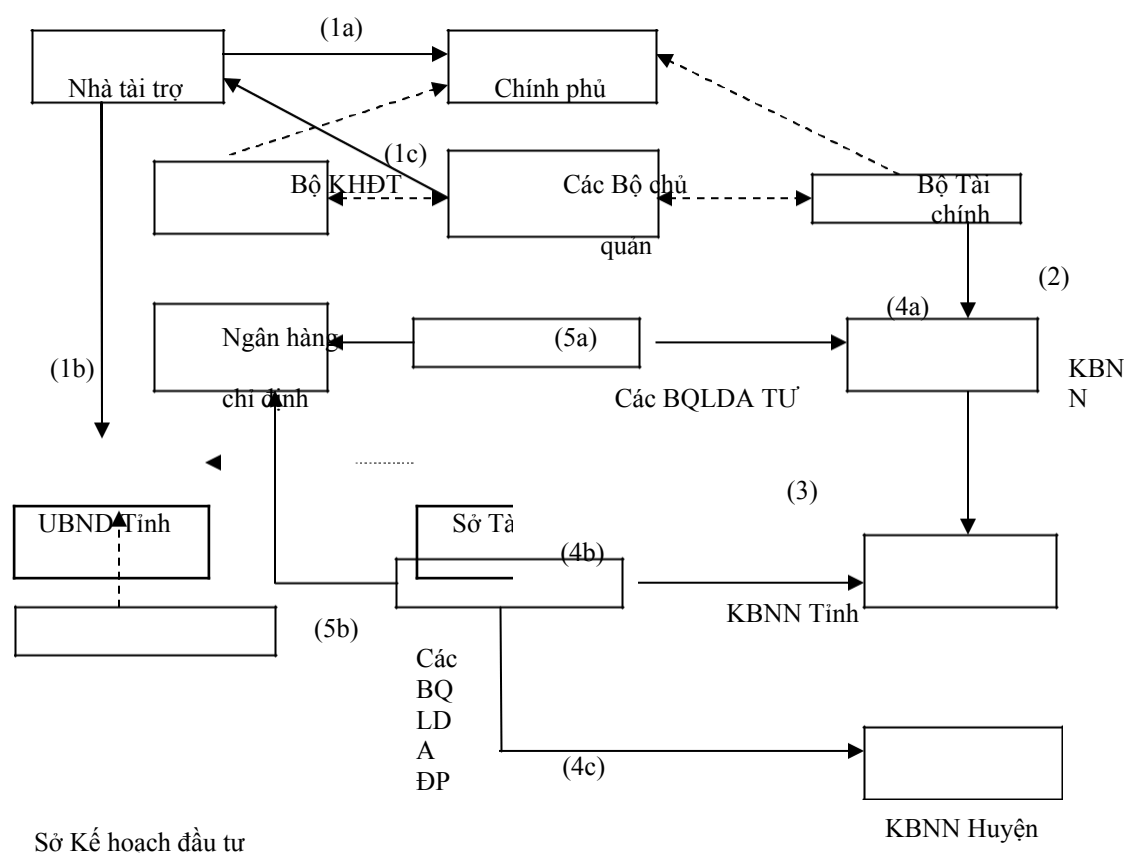
4b: KBNN Tỉnh thông báo về KBNN Huyện trong trường hợp uỷ quyền dự án ngân sách tỉnh.

1c: UBND Huyện thông báo kế hoạch vốn sang KBNN Huyện các dự án ngân sách Huyện xã.

3b, 2c: KBNN tỉnh, huyện thanh toán cho các chủ đầu tư, nhà thầu.

1.8.2. Chu trình giải ngân vốn đầu tư XDCB bằng nguồn vốn nước ngoài

Việc giải ngân vốn đầu tư bằng nguồn vốn nước ngoài có đặc thù riêng biệt. Nó phụ thuộc vào các yêu cầu khác nhau của các nhà tài trợ nước ngoài. Tuy nhiên, việc thực hiện giải ngân nguồn vốn này có thể tóm tắt theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.2: Chu trình giải ngân vốn đối với các dự án đầu tư bằng nguồn vốn nước ngoài

(1a),(1b),(1c): Chính phủ, các Bộ chủ quản, UBND tỉnh ký kết các hiệp định, nghị định thư theo phân cấp (trong đó Bộ Kế hoạch đầu tư, Bộ Tài chính là cơ quan tham mưu cho Chính phủ; Sở Kế hoạch đầu tư, Sở Tài chính là cơ quan tham mưu cho UBND tỉnh trong việc thực hiện các dự án đầu tư bằng vốn nước ngoài).

(2): Bộ Tài chính thông báo nhiệm vụ kiểm soát chi vốn nước ngoài cho KBNN.

(3): KBNN thông báo nhiệm vụ kiểm soát chi vốn nước ngoài cho KBNN các tỉnh.

(4a),(4b),(4c): Các Ban quản lý dự án đề nghị cơ quan KBNN xác nhận khối lượng.

(5a),(4b): Các Ban quản lý dự án đề nghị ngân hàng chỉ định của nhà tài trợ thanh toán.

1.9. SỰ CẦN THIẾT PHẢI KIỂM SOÁT TTVĐT – VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ THỂ TRONG QUẢN LÝ, KIỂM SOÁT VỐN ĐẦU TƯ XDCB

1.9.1. Sự cần thiết phải kiểm soát TTVĐT

Việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội trong mỗi quốc gia đều đòi hỏi phải có lượng vốn lớn đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng, các công trình mang tầm chiến lược quốc gia các ngành, các vùng kinh tế trọng điểm. Trong những năm qua ngân sách nhà nước ta đã dành tỷ lệ thích đáng cho đầu tư phát triển. Mọi chi tiêu ngân sách nhà nước phải được tổ chức quản lý và kiểm soát chặt chẽ để tìm cách ngăn ngừa những sai phạm thiếu sót xảy ra như: các hiện tượng sai phạm, biến thủ công quỹ, tham ô, lãng phí... mà các cơ quan sử dụng ngân sách thường vi phạm.

Kiểm soát TTVĐT từ quỹ ngân sách Nhà nước phải được đặc biệt lưu ý tới với những lý do sau:

- Quỹ NSNN được hình thành chủ yếu từ lợi tức của nhân dân, của những người chịu thuế, của những người phải đóng góp hay là tiền tiết kiệm của nhân dân. Hiện nay một phần đáng kể số chi đầu tư phát triển còn được bù đắp bằng nguồn

thu từ việc khai thác dầu khí, tài nguyên rừng, thu cấp quyền sử dụng đất, tài trợ quốc tế...Tài nguyên quốc gia hiện có đã được tích lũy từ bao thế hệ và có giới hạn nhất định, đồng thời các khoản tài trợ của quốc tế lại kèm theo nhiều ràng buộc khác nhau đối với nước tiếp nhận. Ngày nay do sự tài trợ có hoàn lại chiếm tỷ trọng lớn nên nhà nước cần phải đặt chi tiêu đúng, hợp lý và kiểm soát chặt chẽ đúng pháp luật quy định để tránh tình trạng lãng phí. Tất cả những người có trách nhiệm tham gia hoạch định các nguyên tắc hoặc trực tiếp quản lý chi tiêu ngân sách nói chung và chi đầu tư phát triển nói riêng phải tổ chức quản lý và kiểm soát thanh toán một cách công minh, tiết kiệm và chính xác.

- Trong lĩnh vực ngân sách không có công cụ nào để từ đó có thể đem lại một sự quản lý khách quan chính xác, sự chi tiêu công quỹ có hiệu quả, tiết kiệm ngoài việc xây dựng một cơ chế tổ chức quản lý chi và kiểm soát chi hữu hiệu. Xây dựng cơ chế quản lý vốn đầu tư nhằm tạo hàng lang pháp lý đối với những người được Nhà nước giao nhiệm vụ quản lý sử dụng công quỹ Nhà nước có hiệu quả. Xây dựng cơ chế kiểm soát chi nhằm kiểm tra việc quản lý và sử dụng công quỹ của các chủ đầu tư đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng.

- Về phương diện tài chính công, sự kiểm soát chi đầu tư phát triển là điều cần thiết, vì tỷ trọng chi đầu tư ở nước ta chiếm từ 30-40% so với chi NSNN. Tuy vậy, nhiều nhu cầu cần thiết, bức bách vẫn chưa được giải quyết thỏa đáng như: phát triển nguồn nhân lực (giáo dục, y tế) xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội, hiện đại hoá các công sở, đảm bảo an ninh quốc phòng trong điều kiện thế giới hiện nay...

Nếu tiết kiệm chi đầu tư các dự án bằng cách giảm chi phí của các dự án nhưng vẫn đảm bảo chất lượng và năng lực tăng thêm phục vụ sản xuất xã hội như dự kiến thì có thể tăng thêm năng lực cho những nhu cầu cần thiết về tăng cường cơ sở vật chất của nền kinh tế, mức sống của dân chúng được tăng lên nhờ thụ hưởng được các dịch vụ y tế, giáo dục, giao thông công cộng tốt hơn...Đồng thời người dân đóng thuế thấy được rằng, số tiền họ trích nộp cho Nhà nước đã được sử dụng một cách cần kiệm và hiệu quả, những tài sản và dịch vụ mà nhà nước đầu tư mua vào là thiết thực.

Ý nghĩa, tầm quan trọng của các công trình XDCB và tính chất phức tạp về mặt kỹ thuật, mang tính tổng hợp của đa ngành, đa đối tượng của sản phẩm XDCB đặt ra yêu cầu quản lý và kiểm soát chặt chẽ đối với nguồn vốn này.

Tóm lại, công tác kiểm soát chi TTVĐT là cần thiết do tính chất và ý nghĩa quan trọng của nó trong quản lý công quỹ quốc gia.

1.9.2. Nhiệm vụ của các chủ thể trong công tác quản lý kiểm soát TTVĐT thuộc ngân sách nhà nước

Trong nền kinh tế thị trường quản lý giám sát tài chính là một trong những yếu tố tạo thành hệ thống quản lý kinh tế, nó đảm bảo cho sự vận hành hệ thống tài chính và thực hiện chính sách tài chính cũng như đấu tranh chống tiêu cực. Luật NSNN được Quốc hội nước Cộng hoà XHCN Việt Nam khoá XI kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 16/12/2002 và có hiệu lực từ năm ngân sách 2004. Đã quy định

nhiệm vụ của các chủ thể trong sử dụng NS rõ ràng minh bạch bao gồm: Bốn chủ thể tham gia vào quản lý kiểm soát chi NSNN đó là:

* **Cơ quan Tài chính các cấp:** Có trách nhiệm thẩm tra việc phân bổ dự toán ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách, đảm bảo tổng số dự toán mà các bộ ngành chính quyền địa phương giao cho các đơn vị trực thuộc không vượt quá dự toán được cấp có thẩm quyền giao cả về tổng mức và chi tiết.

- Kiểm tra giám sát việc thực hiện chi tiêu và sử dụng ngân sách ở cơ quan và đơn vị sử dụng ngân sách. Cụ thể là: Tại điều 21 luật NSNN[26] quy định nhiệm vụ quyền hạn của Bộ Tài Chính, tại mục 7 quy định nhiệm vụ quản lý quỹ NSNN là “Quản lý quỹ Ngân sách nhà nước, quỹ dự trữ nhà nước và các quỹ khác của nhà nước theo quy định của pháp luật” Và điều này được cụ thể hoá tại điều 52 Nghị định số 60/NĐ-CP [10] ngày 6/6/2003 của Chính Phủ về trách nhiệm quản lý chi là:

- + Thẩm tra việc phân bổ dự toán ngân sách cho các đơn vị sử dụng quy định.
- + Bố trí nguồn để đáp ứng các nhu cầu chi, trường hợp các đơn vị sử dụng ngân sách chi vượt quá khả năng thu và huy động của quỹ ngân sách thì cơ quan Tài chính phải chủ động thực hiện các biện pháp vay tạm thời theo quy định để đảm bảo nguồn vốn.

+ Kiểm tra giám sát việc thực hiện chi tiêu và sử dụng ngân sách ở các cơ quan đơn vị sử dụng ngân sách. Trường hợp phát hiện các khoản chi vượt nguồn cho phép, sai chính sách chế độ, hoặc đơn vị không chấp hành chế độ báo cáo thì có quyền yêu cầu kho bạc Nhà nước tạm dừng thanh toán. Trường hợp phát hiện việc chấp hành dự toán của các đơn vị sử dụng ngân sách chậm hoặc không phù hợp làm ảnh hưởng đến kết quả nhiệm vụ, thì có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước và đơn vị dự toán cấp trên có giải pháp kịp thời hoặc điều chỉnh nhiệm vụ, dự toán chi của các cơ quan đơn vị trực thuộc để bảo đảm thực hiện ngân sách theo mục tiêu và tiến độ quy định.

Ngày 01/7/2003 Chính Phủ ra nghị định số 77/2003/NĐ-CP [11] quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ tài chính. Tại điều 2 mục 7 về quản lý quỹ ngân sách, quỹ dự trữ nhà nước và các quỹ tài chính tài chính khác của nhà nước:

+ Thống nhất quản lý chỉ đạo, kiểm tra và chịu trách nhiệm đối với quỹ ngân sách nhà nước được quản lý tại KBNN; quản lý quỹ dự trữ nhà nước và các quỹ khác của nhà nước theo quy định của pháp luật;

+ Tổ chức thực hiện chi ngân sách nhà nước theo đúng dự toán được giao và có đủ điều kiện theo quy định của luật NSNN;

+ Thực hiện kiểm soát thanh toán, chi trả, quyết toán các khoản chi từ NSNN qua hệ thống kho bạc theo đúng quy định;

* **Kho bạc Nhà nước:** Điều 56, điều 58 Luật NSNN [26] quy định trách nhiệm của cơ quan Kho bạc Nhà nước và thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách trong việc quản lý chi ngân sách và được hướng dẫn cụ thể tại mục 2 điều 52 Nghị định 60 ngày 6/6/2003 của Chính phủ [10] như sau:

- Thực hiện việc thanh toán chi trả các khoản chi ngân sách nhà nước căn cứ vào dự toán được giao, quyết định chi của thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách và tính hợp pháp của các tài liệu cần thiết khác được quy định là:

1/ Có trong dự toán Ngân sách nhà nước giao.

2/ Đúng chế độ tiêu chuẩn định mức do cấp có thẩm quyền quy định.

3/ Đã được thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách quyết định chi.

4/ Ngoài các điều kiện quy định tại các khoản 1,2,3 điều này trường hợp sử dụng vốn kinh phí ngân sách nhà nước để đầu tư XD CB, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc và các công việc khác phải qua đấu thầu hoặc thẩm định giá theo quy định của pháp luật.

- Có quyền từ chối các khoản chi ngân sách không đủ điều kiện chi quy định nói trên hoặc tạm dừng thanh toán theo yêu cầu của cơ quan tài chính đối với các trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 điều này.

- Thủ trưởng cơ quan Kho bạc Nhà nước chịu trách nhiệm về các quyết định thanh toán, chi ngân sách hoặc từ chối thanh toán chi ngân sách quy định tại điểm a và điểm b nói trên.

*** Cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương**

Hướng dẫn theo dõi, kiểm tra việc sử dụng ngân sách thuộc ngành, lĩnh vực do cơ quan quản lý và của các đơn vị trực thuộc; định kỳ báo cáo tình hình thực hiện thu chi ngân sách và các báo cáo tài chính khác theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm về những sai phạm của các đơn vị, tổ chức trực thuộc.

*** Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách**

- Quyết định chi đúng chế độ tiêu chuẩn, định mức và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao;
- Quản lý sử dụng ngân sách và tài sản nhà nước theo đúng chế độ tiêu chuẩn định mức, đúng mục đích tiết kiệm có hiệu quả. Trường hợp vi phạm, tùy theo tính chất mức độ, sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Ở đây rõ ràng vai trò thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách rất quan trọng, chịu hoàn toàn bộ trách nhiệm về các khoản chi tiêu của mình trước pháp luật.

Với chức năng nhiệm vụ được Luật NSNN quy định như trên, ngày 26/8/2009 Chính phủ có Quyết định số 108/2009/QĐ-TTg [32] quy định chức năng nhiệm vụ,

quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Kho Bạc Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính. Với nội dung cụ thể quy định công tác quản lý quỹ NSNN như sau: Tại điều 1 vị trí

chức năng: KBNN là tổ chức thuộc Bộ Tài chính, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quỹ NSNN, các quỹ tài chính nhà nước, và các quỹ khác của nhà nước được giao theo quy định của pháp luật.

Tại điều 2 nhiệm vụ và quyền hạn: Mục 5: Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về quản lý quỹ NSNN, quỹ tài chính nhà nước và các quỹ khác của nhà nước được giao theo quy định của pháp luật, bao gồm: Tổ chức thực hiện chi NSNN, kiểm soát, thanh toán, chi trả các khoản chi từ NSNN theo quy định của pháp luật.

Mục 6 KBNN có quyền từ chối thanh toán, chi trả các khoản chi không đúng, không đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Quỹ NSNN được xác định tại điều 7 Luật NSNN [26] “Quỹ NSNN là toàn bộ khoản tiền của nhà nước kể cả tiền vay có trên tài khoản của NSNN các cấp. Quỹ NSNN được quản lý tại KBNN”.

Như vậy với những quy định trên chúng ta có thể nói rằng nhiệm vụ của ngành tài chính nói chung và cụ thể là hệ thống KBNN nói riêng là thực hiện nhiệm vụ quản lý quỹ NSNN mà trong đó nguồn vốn dành cho đầu tư phát triển chiếm tỷ trọng khoảng 35 - 40% ngân sách hàng năm, ngoài ra nguồn vốn đầu tư thuộc KBNN chịu trách nhiệm quản lý còn bao gồm phần vốn vay nợ trong nước và nước ngoài cho đầu tư phát triển

1.9.3. Nhiệm vụ của hệ thống KBNN trong quản lý TTVĐT XDCB

Trên cơ sở Luật NSNN, Luật Xây dựng và Nghị định 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Thông tư 27/2007/TT-BTC ngày 03/4/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn, chúng ta có thể khái quát nhiệm vụ của hệ thống KBNN trong quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn NSNN như sau:

- KBNN quy định quy trình TTVĐT để thực hiện trong cả nước.
- Hướng dẫn chủ đầu tư mở tài khoản để tạm ứng và thanh toán vốn.

- Kiểm soát thanh toán vốn kịp thời đầy đủ cho dự án khi có đầy đủ điều kiện và đúng thời gian quy định

- Có ý kiến rõ ràng bằng văn bản cho chủ đầu tư đối với những khoản giảm thanh toán hoặc từ chối thanh toán, trả lời các vướng mắc của chủ đầu tư trong việc thanh toán vốn.

- Trường hợp phát hiện quyết định của cấp có thẩm quyền trái với quy định hiện hành phải có văn bản đề nghị xem xét lại và nêu rõ ý kiến đề xuất. Nếu quá thời gian quy định mà không được trả lời thì giải quyết theo đề xuất của mình; nếu trả lời không thoả đáng thì vẫn phải giải quyết nhưng được đề nghị lên cơ quan cao hơn để xử lý.

- Thực hiện chế độ thông tin báo cáo và quyết toán sử dụng vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn NSNN theo quy định của luật NSNN và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

- Được quyền yêu cầu chủ đầu tư cung cấp tài liệu hồ sơ, thông tin cần thiết theo chế độ quy định để phục vụ công tác kiểm soát thanh toán VĐT.

- Được phép tạm ngừng thanh toán hoặc thu hồi số vốn mà chủ đầu tư sử dụng sai mục đích, không đúng đối tượng hoặc trái với chế độ chính sách của nhà nước, đồng thời báo cáo Bộ Tài chính để xử lý.

- Không tham gia vào các hội đồng nghiệm thu khối lượng XD CB hoàn thành.

- Tổ chức công tác kiểm soát, TTVĐT theo quy trình nghiệp vụ thống nhất đơn giản thủ tục hành chính nhưng đảm bảo chặt chẽ, thanh toán kịp thời đầy đủ cho chủ đầu tư.

- Hết năm kế hoạch xác nhận số thanh toán trong năm, lũy kế số thanh toán từ khởi công đến hết niên độ NSNN quy định cho từng dự án, nhận xét về chấp hành trình tự XD CB, chấp hành định mức đơn giá, các chế độ chính sách theo quy định.

- Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Tài chính và pháp luật của nhà nước về việc nhận và sử dụng vốn thanh toán trong đầu tư xây dựng.

Với những nhiệm vụ trên thì tính chất công việc của người cán bộ kho bạc là:

- Đối với khách hàng, nhân dân phải phục vụ đầy đủ kịp thời chính xác với tinh thần thái độ văn minh văn hoá.

- Đối với Nhà nước phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định, quy trình với ý thức cao trong việc thực hiện nhiệm vụ là người “kiểm soát” cuối cùng trong các

bước của quy trình quản lý đầu tư XD CB, và chịu trách nhiệm thông tin báo cáo trung thực, đầy đủ.

1.10. ĐÁNH GIÁ TÍNH HIỆU QUẢ CỦA CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHI VỐN ĐẦU TƯ QUA KBNN

Trong nghiên cứu này, qua thực tế công tác, tác giả đưa ra các tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác kiểm soát chi vốn đầu tư qua KBNN như sau:

1.10.1. Thanh toán khối lượng đúng thủ tục, đúng trình tự, đúng quy trình về thanh toán vốn XD CB

Thuật ngữ “thủ tục” trong đầu tư và xây dựng được hiểu là những công việc làm theo một trật tự quy định hay thứ tự quy tắc làm việc. Như vậy, các hồ sơ tài liệu được ban hành theo thứ tự qui tắc làm việc mới được xem là hợp lệ hợp thức. Ví dụ, hợp đồng xây lắp chỉ được ký kết sau khi có quyết định công nhận kết quả đấu thầu hoặc chỉ định thầu.

Tất cả các dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN đều phải lần lượt thực hiện 3 giai đoạn theo trình tự quy định và đan xen với toàn bộ các giai đoạn đó là một hệ thống các quy định pháp lý của các cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền.

Sau khi có chủ trương đầu tư, chủ dự án phải tiến hành công tác chuẩn bị đầu tư. ở giai đoạn này, vấn đề pháp lý thể hiện ở văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép tiến hành chuẩn bị đầu tư và dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Kết thúc giai đoạn chuẩn bị đầu tư, toàn bộ hồ sơ dự án được gửi đến cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư để xem xét và quyết định. Quyết định đầu tư là văn bản pháp lý cơ bản, có phạm vi điều chỉnh rất rộng và hầu như nó điều chỉnh mọi nội dung của dự án đầu tư. Nói một cách khác, quyết định đầu tư là cơ sở pháp lý cho hầu hết các quy định pháp lý tiếp theo như: Quyết định giao nhiệm vụ chủ đầu tư, thành lập ban quản lý dự án, quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán, quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu hay chỉ định thầu, quyết định bố trí vốn đầu tư hàng năm.

Các hồ sơ thanh toán khi đến thanh toán tại KBNN phải chứng minh đã thực

hiện các bước quy định trong XDCB. Hay nói cách khác là các dự án phải đảm bảo tuân thủ thực hiện đúng theo Luật xây dựng, Luật đấu thầu hiện hành.

Ngoài ra, người cán bộ kiểm soát khi thực thi nhiệm vụ cũng phải tuân thủ các quy trình kiểm soát chi của ngành KBNN ban hành.

Quy trình kiểm soát chi là việc cụ thể hoá các công tác kiểm soát chi theo từng công đoạn, có xác định thời gian giải quyết cho từng công đoạn và có phân chia theo từng đối tượng công việc cụ thể và phương thức giải quyết cho từng công việc đó.

1.10.2. Thực hiện kiểm tra chính xác mức vốn đầu tư phải thanh toán

Kiểm soát thanh toán XDCB là việc kiểm tra, soát xét, đối chiếu, xác nhận khối lượng công tác đã thực hiện cho người thi hành nghĩa vụ (nhà thầu) theo các điều khoản đã ký kết giao ước theo đề nghị của cơ quan thay mặt nhà nước thực hiện (Chủ đầu tư) của cơ quan kiểm soát chi .

Khái niệm khối lượng công tác đã thực hiện và đã hoàn thành được quy định như sau:

- Đối với khối lượng xây lắp

Khối lượng xây lắp hoàn thành được thanh toán là khối lượng xây dựng thực hiện đã được nghiệm thu theo hợp đồng, có trong kế hoạch đầu tư được giao. Trong trường hợp chỉ định thầu thì còn phải đúng với thiết kế và dự toán chi tiết được duyệt, đúng định mức, đơn giá Nhà nước.

- Đối với thiết bị

Khối lượng thiết bị hoàn thành được thanh toán là khối lượng thiết bị đã nhập kho chủ đầu tư (đối với thiết bị không cần lắp) hoặc đã lắp đặt xong và được nghiệm thu phù hợp với danh mục trong quyết định đầu tư, có trong kế hoạch đầu tư được giao và hợp đồng giao ước được ký kết.

- Đối với khối lượng công tác khác có liên quan

Khối lượng công tác khác có liên quan hoàn thành được thanh toán là khối lượng thực hiện được nghiệm thu hoặc có đủ các chứng từ chứng minh công việc đã thực hiện, phù hợp với hợp đồng hoặc phương án và dự toán chi tiết được duyệt, có trong kế hoạch đầu tư được giao.

Một văn bản chứng minh khối lượng công tác hoàn thành được coi là bất hợp pháp khi các văn bản đó không dựa trên cơ sở pháp lý của nhà nước hoặc do người không có thẩm quyền quyết định. Ví dụ : biên bản nghiệm thu không đúng thành phần quy định, khối lượng công tác hoàn thành nằm ngoài kế hoạch đầu tư được giao hay không có trong thiết kế dự toán được duyệt hoặc được bổ sung (nếu có); danh tính trong văn bản phê duyệt kết quả đấu thầu không đúng với danh tính trong hợp đồng kinh tế...

Giai đoạn cuối cùng của quy trình kiểm soát TTVĐT là yêu cầu xác định chính xác số nợ mà nhà nước phải trả cho người cung cấp hoặc nhà thầu xây dựng.

Việc xác định số tiền phải trả cho người thụ hưởng là nhiệm vụ có ý nghĩa quan trọng đối với nhân viên kiểm soát TTVĐT. Sự kiểm soát này không chỉ xác định số nợ mà chủ thể đầu tư phải trả cho chủ nợ mà còn tiến hành tái thẩm việc thực hiện các quyết định đầu tư và các văn bản chứng minh khối lượng công tác thực hiện và thực sự hoàn thành, để từ đó xác định được các chi phí đã bỏ ra của công tác đầu tư hay công trình và xác nhận nguồn lực tài chính sử dụng đã được dùng đúng vào mục tiêu của dự án.

1.10.3. Đạt được mục tiêu nâng cao chất lượng phục vụ trên cơ sở nền tảng thực hiện cải cách nền hành chính công

Nhiệm vụ kiểm soát chi của KBNN đã được quy định tại các văn bản nhà nước. Nó gắn liền với công tác rà soát, kiểm tra quá trình thực hiện trình tự, thủ tục XD CB. Quá trình này có thể rất dễ rơi vào cách thức thực hiện áp đặt máy móc, rập khuôn đối với cán bộ làm nhiệm vụ kiểm soát chi và rất dễ tạo ra tâm lý, thái độ phản ứng từ phía các chủ đầu tư.

Với mục tiêu cải cách nền hành chính công trong công cuộc cải cách nền hành chính quốc gia nói chung và trong ngành KBNN nói riêng, công tác kiểm soát chi vốn đầu tư XD CB của KBNN đang hướng tới thực hiện nâng cao chất lượng kiểm soát chi với các tiêu chí như sau:

- Rút ngắn thời gian thực hiện quy trình: bao gồm các bước tiếp nhận hồ sơ, giải quyết hồ sơ, thanh toán chuyển tiền.

- Phương thức kiểm soát đảm bảo theo quy định nhưng vẫn nhanh chóng, thuận lợi cho khách hàng.
- Cập nhật kịp thời các văn bản, chế độ về XD CB hiện hành nhằm giải đáp đầy đủ, nhanh chóng các thắc mắc và hướng dẫn tận tình, chu đáo cho các chủ đầu tư.

1.11. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHI VỐN ĐẦU TƯ XD CB QUA KBNN

Thứ nhất là, về các quy định, chế độ về đầu tư xây dựng.

Công tác kiểm soát chi vốn đầu tư là một phần trong chức năng, nhiệm vụ kiểm soát chi của KBNN. Công tác kiểm soát chi bao giờ cũng gắn liền với các văn bản quy định vì các nội dung chi của thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách phải đảm bảo chính sách, chế độ, tiêu chuẩn và dự toán được giao [26, 72-73].

Vốn đầu tư từ nguồn vốn NSNN ngoài việc chấp hành Luật Ngân sách còn là đối tượng điều chỉnh bởi các Luật xây dựng, Luật đấu thầu và các văn bản dưới Luật.

Công tác kiểm soát chi của KBNN là xem xét việc thực hiện các dự án có thực hiện theo đúng các văn bản pháp quy của Nhà nước hay không. Vì vậy, công tác xây dựng cơ chế kiểm soát chi vốn đầu tư cũng tuân thủ theo các văn bản về đầu tư xây dựng của Nhà nước. Đồng thời, việc cập nhật các văn bản chế độ về đầu tư xây dựng của cán bộ kiểm soát chi là vô cùng quan trọng.

Như vậy, việc ban hành các văn bản, quy định của Nhà nước và các văn bản dưới Luật của các Bộ ngành kịp thời, đồng bộ là môi trường thuận lợi cho công tác kiểm soát chi vốn đầu tư qua KBNN.

Thứ hai là, sự phối hợp của các Ban ngành, sự chỉ đạo của chính quyền địa phương.

Để thực hiện một dự án đầu tư, chủ đầu tư phải thực hiện nhiều bước, nhiều giai đoạn, từ bước nghiên cứu khả thi đến khi dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng. Trong đó việc tham gia các ngành các cấp là rất quan trọng. Đối với công tác kiểm soát chi của KBNN, sự phối hợp của các ngành và sự chỉ đạo của chính quyền các cấp trong việc tháo gỡ các vướng mắc về thủ tục của các dự án đã góp phần đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn cho dự án.

Thứ ba là, năng lực hoạt động của Chủ đầu tư được xem xét dưới góc độ am hiểu, nắm bắt các quy định về đầu tư XD CB.

Hồ sơ thanh toán của các Chủ đầu tư khi đến thanh toán tại KBNN là sự thể hiện quá trình chấp hành các trình tự về đầu tư XD CB. Các các trình tự, bước đi, các nội dung thực hiện trong XD CB là bắt buộc và nhất quán. Nếu không am hiểu, nắm bắt kịp thời các quy định về đầu tư, xây dựng thì rất khó khăn trong khâu giải thích của cán bộ làm nhiệm vụ kiểm soát chi KBNN. Điều này, thường gặp nhiều phản ứng gay gắt từ phía chủ đầu tư nếu bị từ chối các khoản chi không đúng hay các hồ sơ thiếu, sai trình tự đầu tư của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án.

Thứ tư là, trình độ, khả năng và phẩm chất của cán bộ làm công tác kiểm soát chi KBNN.

Như đã phân tích ở trên, đầu tư XD CB là lĩnh vực có tính đặc thù. Để làm tốt công tác kiểm soát chi, cán bộ trong lĩnh vực cũng phải am hiểu các kiến thức cơ bản về đầu tư xây dựng. Từ đó, có thể hướng dẫn cho khách hàng hiểu rõ các nội dung thủ tục đầu tư. Mặt khác, vẫn có hiện tượng tiêu cực ở một số cán bộ làm nhiệm vụ kiểm soát chi, có tác động xấu đến công tác kiểm soát chi vốn đầu tư KBNN.

1.12. TỔ CHỨC KIỂM SÁT CHI VỐN ĐẦU TƯ XD CB QUA KBNN

1.12.1. Những quy định và nguyên tắc chung về quản lý cấp phát, thanh toán vốn đầu tư XD CB thuộc NSNN qua hệ thống KBNN

a. Những quy định chung

- Vốn NSNN (bao gồm vốn trong nước của các cấp NSNN, vốn vay nợ nước ngoài của Chính phủ và vốn viện trợ của nước ngoài cho Chính phủ, các cấp chính quyền và các cơ quan nhà nước) chỉ thanh toán cho các dự án đầu tư thuộc đối tượng được sử dụng vốn NSNN theo quy định của Luật NSNN và Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng.

- Các dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN phải có đủ thủ tục đầu tư và xây dựng, được bố trí vào kế hoạch đầu tư hàng năm của Nhà nước và có đủ điều kiện thanh toán vốn theo Quy chế quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước.

- Cơ quan KBNN có trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các khâu trong quá trình thanh toán, đảm bảo thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ, đúng chế độ cho các dự án đã đủ điều kiện thanh toán vốn; nếu phát hiện chủ đầu tư sử dụng vốn sai mục đích, sai chế độ gây lãng phí thất thoát tiền vốn của nhà nước phải có biện pháp ngăn chặn và xử lý kịp thời.

b. Những nguyên tắc cơ bản về quản lý cấp phát vốn XDCB thuộc

NSNN

- Cấp phát vốn đầu tư phải dựa trên cơ sở thực hiện nghiêm chỉnh trình tự đầu tư và xây dựng, đảm bảo đầy đủ các tài liệu thiết kế kỹ thuật-dự toán, tổng dự toán và các thủ tục đầu tư XDCB khác theo quy định của Nhà nước.

Theo quy chế quản lý đầu tư hiện hành của nhà nước, trình tự đầu tư xây dựng bao gồm 3 giai đoạn: Chuẩn bị đầu tư; thực hiện đầu tư; kết thúc xây dựng và đưa công trình vào khai thác sử dụng. Ở mỗi giai đoạn có những nội dung công việc cụ thể, những thủ tục, văn bản quyết định đầu tư, các tài liệu thiết kế kỹ thuật-dự toán, tổng dự toán; các quyết định phê duyệt thiết kế-dự toán của cấp có thẩm quyền; biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện từng phần, từng hạng mục công trình; biên bản nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng v.v. .

Việc tuân thủ nguyên tắc này đảm bảo tiền vốn cấp ra đúng quy trình đầu tư, đúng chủ trương đầu tư của Nhà nước và đảm bảo việc sử dụng vốn có hiệu quả.

- Cấp phát vốn đầu tư XDCB phải đảm bảo đúng mục đích, đúng kế hoạch. Nguyên tắc này đòi hỏi chỉ được cấp vốn cho những dự án, công trình, hạng

mục đã được ghi trong kế hoạch đầu tư XDCB của Nhà nước. Mặc khác, vốn đầu tư XDCB không được sử dụng cho những mục đích khác, cho những nhu cầu hoạt động kinh doanh.

- Việc cấp phát vốn đầu tư XDCB chỉ được thực hiện theo mức độ thực tế hoàn thành kế hoạch, trong phạm vi giá dự toán được duyệt.

Sản phẩm XDCHB được thực hiện bởi các đơn vị thi công xây lắp theo hợp đồng kinh tế giữa chủ đầu tư và đơn vị nhận thầu thi công xây lắp. Các đơn vị nhận thầu tiến hành thi công xây lắp tạo ra khối lượng sản phẩm XDCHB hoàn thành bằng

vốn sản xuất kinh doanh của mình. Khối lượng XDCB hoàn thành đủ điều kiện chi trong hợp đồng sẽ được nghiệm thu, bàn giao giữa chủ đầu tư và đơn vị nhận thầu. Đến lúc này thì chủ đầu tư mới cần tiền để thanh toán. Nhà nước sẽ tiến hành cấp phát cho chủ đầu tư (thanh toán trực tiếp cho đơn vị nhận thầu thi công xây lắp) theo mức độ khối lượng hoàn thành và trong phạm vi giá dự toán được duyệt.

- Cấp phát vốn đầu tư XDCB phải được thực hiện kiểm tra bằng đồng tiền đối với việc sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả vốn đầu tư.

Kiểm tra bằng đồng tiền đối với việc sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả vốn đầu tư là yếu tố cấu thành cơ bản của hệ thống cấp phát vốn đầu tư XCDB của Nhà nước. Kiểm tra bằng đồng tiền bao trùm toàn bộ chu kỳ đầu tư, bắt đầu từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư và kết thúc bằng việc đưa công trình vào sử dụng, được thực hiện trên cơ sở các nguyên tắc khác của quá trình cấp phát vốn đầu tư XDCB.

c. Những điều kiện cấp phát vốn XDCB

Để đảm bảo cho công tác cấp phát vốn đầu tư XDCB đảm bảo đúng trình tự, đảm bảo các nguyên tắc cấp phát vốn đầu tư XCBD, các dự án đầu tư thuộc đối tượng cấp phát vốn của NSNN phải có đủ các điều kiện sau:

- Phải có đầy đủ các hồ sơ, thủ tục đầu tư và xây dựng.

Chỉ khi nào đã hoàn tất các hồ sơ, thủ tục đầu tư xây dựng như: quyết định của cấp có thẩm quyền cho phép tiến hành công tác chuẩn bị đầu tư; báo cáo nghiên cứu khả thi và quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền; thiết kế kỹ thuật-dự toán, tổng dự toán được duyệt . . .thì mới được phép ghi vào kế hoạch đầu tư.

- Dự án đầu tư phải được ghi vào kế hoạch vốn đầu tư XDCB hàng năm do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Phải có ban quản lý công trình, dự án (chủ dự án) được thành lập theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Đã tổ chức đấu thầu tuyển chọn đơn vị nhận thầu mua sắm vật tư, thiết bị, thi công xây lắp theo quy định của chế độ đấu thầu.Trường hợp chỉ định thầu thì phải có quyết định chỉ định thầu của cấp có thẩm quyền.

- Các dự án đầu tư chỉ được cấp phát khi có khối lượng XD/CB hoàn thành đủ điều kiện được cấp vốn thanh toán hoặc đủ điều kiện được cấp vốn tạm ứng.
- Chủ đầu tư phải mở tài khoản tại KBNN nơi thuận tiện cho việc kiểm soát cấp phát, thanh toán và giao dịch với chủ đầu tư theo quy định[3], [4].

1.12.2. Quy trình kiểm soát chi vốn đầu tư trong nước qua KBNN

(Quy trình 686/QĐ-KBNN ngày 18/8/2009 của KBNN về việc ban hành quy trình kiểm soát thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư trong nước qua hệ thống KBNN)

a. Nguyên tắc kiểm soát thanh toán -Nguyên tắc chung:

Trên cơ sở hồ sơ đề nghị của Chủ đầu tư, *KBNN căn cứ vào các điều khoản thanh toán được quy định trong hợp đồng*(số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán và các điều kiện thanh toán) để thanh toán theo đề nghị chủ đầu tư. Chủ đầu tư tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng thực hiện, định mức đơn giá, dự toán của các loại công việc, chất lượng công trình, KBNN không chịu trách nhiệm về các vấn đề này. *KBNN căn cứ vào hồ sơ thanh toán và thực hiện thanh toán theo hợp đồng.*

-Quy định cụ thể:

KBNN thực hiện thanh toán trước, kiểm soát sau đối với từng lần thanh toán của công việc, hợp đồng thanh toán nhiều lần và kiểm soát trước, thanh toán sau đối với công việc, hợp đồng thanh toán 1 lần và lần thanh toán cuối cùng của công việc, hợp đồng thanh toán nhiều lần.

b. Đối với tài liệu, hồ sơ chứng từ thanh toán chủ đầu tư gửi KBNN được quy định như sau:

- Những loại tài liệu gửi một lần (bao gồm cả trường hợp bổ sung, điều chỉnh), tài liệu gửi bổ sung hàng năm phải là bản chính hoặc bản sao y bản chính. Riêng hợp đồng kinh tế giữa chủ đầu tư và nhà thầu, quyết định phê duyệt dự toán phải là bản chính.

- Những chứng từ gửi từng lần tạm ứng, thanh toán:

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

+ Đối với giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư (3 liên): chủ đầu tư lập theo mẫu in sẵn hoặc có thể lập trên máy vi tính nhưng phải đảm bảo theo đúng mẫu do Bộ Tài chính và KBNN qui định.

+ Đối với giấy rút vốn đầu tư (Mẫu số C3-01/NS) (4 liên) ; giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư (Mẫu số C3-02/NS) (3 liên); giấy nộp trả vốn đầu tư (Mẫu số C3-03/NS) được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 120/2008/QĐ-BTC ngày 22/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán ngân sách nhà nước và hoạt động nghiệp vụ KBNN.

+ Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng phải là bản chính.

c. Điều kiện thanh toán các dự án, công trình

- Số vốn thanh toán cho dự án trong năm (bao gồm vốn tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) không được vượt kế hoạch vốn cả năm đã bố trí cho dự án.

Số vốn thanh toán (bao gồm vốn tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) cho từng công việc, hạng mục công trình, công trình không được vượt dự toán hoặc giá trúng thầu, tổng dự toán của dự án (đối với chi phí nằm trong tổng dự toán). Tổng số vốn thanh toán cho dự án không được vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt

Trường hợp số vốn thanh toán vượt kế hoạch vốn cả năm đã được bố trí (do điều chỉnh kế hoạch, do dự án phân bổ không đúng quy định, Bộ Tài chính có ý kiến dừng thanh toán), KBNN phải phối hợp với chủ đầu tư để thu hồi số vốn đã thanh toán vượt kế hoạch.

- Các khoản chi bằng tiền mặt được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 33/2006/TT-BTC ngày 17/4/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý thu, chi tiền mặt qua hệ thống KBNN và hướng dẫn của KBNN.

Cụ thể một số khoản chi sau được chi bằng tiền mặt qua KBNN:

+ Chi cho công tác đền bù giải phóng mặt bằng, bao gồm các khoản chi cho hội đồng giải phóng mặt bằng, các khoản chi đền bù cho người dân, cho các tổ chức, các đơn vị không có tài khoản

+ Đối với chi phí ban quản lý dự án, ngoài các khoản chi mua sắm bằng hợp đồng, các khoản mua sắm hàng hóa dịch vụ thanh toán chuyển khoản trực tiếp cho nhà cung cấp, các khoản chi phí thanh toán cho cá nhân và chi phí thường xuyên nhỏ lẻ được chi bằng tiền mặt.

+ Chi phí tư vấn cho các cá nhân không có tài khoản

+ Chi xây dựng các công trình của xã do dân được phép tự làm, chi mua sắm một số vật tư do nhân dân khai thác và cung ứng được chính quyền địa phương và chủ đầu tư chấp thuận (bao gồm các khoản chi mua vật tư do chủ đầu tư mua của dân để cấp cho đơn vị thi công).

d. Tài liệu làm căn cứ kiểm soát, thanh toán

Trong quá trình thanh toán, chủ đầu tư gửi đến KBNN các hồ sơ tài liệu theo tính chất phát sinh trong quá trình thực hiện dự án như sau:

+ Tài liệu gửi 1 lần

Tài liệu do chủ đầu tư gửi đến KBNN (phòng Thanh toán vốn đầu tư hoặc bộ phận Thanh toán vốn đầu tư KBNN quận, huyện, thành phố thuộc tỉnh sau đây gọi chung là phòng Thanh toán VĐT) và chỉ gửi một lần cho cả quá trình thực hiện dự án trừ trường hợp có bổ sung, điều chỉnh:

- Tài liệu để mở tài khoản, bao gồm : quyết định giao nhiệm vụ chủ đầu tư (trường hợp trong quyết định đầu tư không nêu); quyết định thành lập Ban quản lý dự án; quyết định bổ nhiệm chức vụ của chủ tài khoản (thủ trưởng đơn vị), kế toán trưởng (hoặc người phụ trách kế toán); giấy đề nghị mở tài khoản; bản đăng ký mẫu dấu, chữ ký;

- Văn bản phê duyệt dự toán chi phí công tác chuẩn bị đầu tư kèm theo dự toán được duyệt;

- Văn bản lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;

- Hợp đồng giữa chủ đầu tư với đơn vị nhận thầu.

Trường hợp chủ đầu tư tự thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư: văn bản cho phép tự thực hiện của cấp có thẩm quyền, dự toán chi phí công tác chuẩn bị đầu tư được duyệt, văn bản giao việc hoặc hợp đồng nội bộ.

+ Tài liệu bổ sung hàng năm

- Kế hoạch vốn đầu tư hàng năm do KBNN thông báo (đối với các dự án do Trung ương quản lý).

- Kế hoạch vốn đầu tư của UBND tỉnh, huyện (đối với các dự án do địa phương quản lý).

1.12.3. Trình tự giải quyết thủ tục, hồ sơ và luân chuyển chứng từ vốn đầu tư trong thanh toán vốn đầu tư XDCB qua KBNN

Theo Quyết định 686/QĐ-KBNN ngày 18/8/2009 của KBNN về việc ban hành quy trình kiểm soát thanh toán vốn đầu tư XDCB, trình tự các bước công việc và thời gian kiểm soát vốn đầu tư XDCB có thể tóm tắt thành 2 loại hồ sơ thanh toán như sau:

a. Đối với loại công việc, hợp đồng thanh toán nhiều lần (và tạm ứng)

Trong thời hạn 4 ngày làm việc kể từ khi cán bộ tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả nhận được đầy đủ hồ sơ của chủ đầu tư, KB các cấp hoàn thành thủ tục thanh toán, tạm ứng, chuyển tiền cho đơn vị thụ hưởng. Trình tự kiểm soát tạm ứng được thực hiện như sau :

Bước 1: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả chuyển hồ sơ của chủ đầu tư cho cán bộ thanh toán trong ngày nhận hồ sơ của chủ đầu tư.

Bước 2 : Cán bộ thanh toán căn cứ hồ sơ đề nghị thanh toán tạm ứng của chủ đầu tư thực hiện kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ, tài liệu (bao gồm cả việc kiểm tra mẫu dấu, chữ ký), sự phù hợp mã đơn vị sử dụng ngân sách, nguồn vốn, niên độ kế hoạch vốn; việc lựa chọn nhà thầu theo quy định (thuộc đối tượng chỉ định thầu, đấu thầu hay các hình thức lựa chọn nhà thầu khác); đối chiếu mức vốn đề nghị tạm ứng với các điều khoản thoả thuận trong hợp đồng.

Căn cứ vào kết quả kiểm tra và kế hoạch vốn năm, cán bộ thanh toán xác định số vốn chấp nhận thanh toán tạm ứng, tên, tài khoản đơn vị được hưởng, ghi đầy đủ vào các chỉ tiêu và ký vào Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư, Giấy rút vốn đầu tư, đồng thời lập tờ trình lãnh đạo, trình trưởng phòng KSC ký tờ trình lãnh đạo KBNN phụ trách.

Trường hợp số chấp nhận thanh toán tạm ứng có sự chênh lệch so với số đề nghị của chủ đầu tư, cán bộ thanh toán dự thảo văn bản (theo mẫu số 02/TTVĐT)

và báo cáo trưởng phòng KSC trình lãnh đạo KBNN ký gửi chủ đầu tư thông qua cán bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả về kết quả chấp nhận tạm ứng.

Bước 3: Trưởng phòng KSC kiểm tra hồ sơ, ký tờ trình lãnh đạo KBNN, giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư, giấy rút vốn đầu tư, sau đó chuyển lại hồ sơ cho cán bộ thanh toán.

Trường hợp trưởng phòng KSC chấp nhận thanh toán tạm ứng số khác so với số cán bộ thanh toán trình, trưởng phòng KSC ghi lại số chấp nhận tạm ứng trên tờ trình lãnh đạo và yêu cầu cán bộ thanh toán dự thảo văn bản (theo mẫu số 02/TTVĐT) trình lãnh đạo KBNN ký gửi chủ đầu tư thông qua cán bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả về kết quả chấp nhận tạm ứng.

Bước 4: Cán bộ thanh toán chuyển toàn bộ hồ sơ và chứng từ đã được Trưởng phòng KSC ký duyệt cho phòng Kế toán.

(Thời gian thực hiện các bước 1, 2, 3, 4 là 02 ngày làm việc)

Bước 5: Kế toán viên thực hiện kiểm tra mẫu dấu, chữ ký, tính hợp lệ, hợp pháp của chứng từ kế toán, hạch toán và ký trên chứng từ giấy, sau đó trình tế toán trưởng. Kế toán trưởng kiểm tra và ký chứng từ giấy, sau đó trình lãnh đạo KBNN phụ trách về thanh toán VĐT xem xét hồ sơ, ký duyệt chứng từ .

Nếu phát hiện sai sót hoặc chứng từ kế toán không hợp lệ, hợp pháp, phòng Kế toán thông báo lý do và chuyển trả hồ sơ phòng Thanh toán VĐT để xử lý.

Bước 6: Lãnh đạo KBNN phụ trách thanh toán VĐT xem xét, ký duyệt tờ trình lãnh đạo của phòng thanh toán vốn đầu tư và các chứng từ, bao gồm: giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư và giấy rút vốn đầu tư; sau đó chuyển trả hồ sơ phòng Kế toán.

Trường hợp lãnh đạo KBNN yêu cầu làm rõ hồ sơ tạm ứng thì phòng KSC có trách nhiệm giải trình.

Trường hợp lãnh đạo KBNN phê duyệt khác với số đề nghị chấp nhận tạm ứng của phòng KSC thì sau khi lãnh đạo trả hồ sơ về, cán bộ thanh toán dự thảo văn bản (theo mẫu số 02/TTVĐT) và báo cáo trưởng phòng KSC trình lãnh đạo KBNN ký gửi chủ đầu tư thông qua cán bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả về kết quả chấp nhận tạm ứng.

Bước 7: Phòng Kế toán nhập các thông tin liên quan vào chương trình máy và ký trên chương trình máy, thực hiện các thủ tục chuyển tiền cho đơn vị thụ hưởng.

Đối với những khoản thanh toán có giá trị cao theo quy định của quy trình thanh toán điện tử thì phòng Kế toán trình Lãnh đạo phụ trách kế toán ký duyệt trên máy.

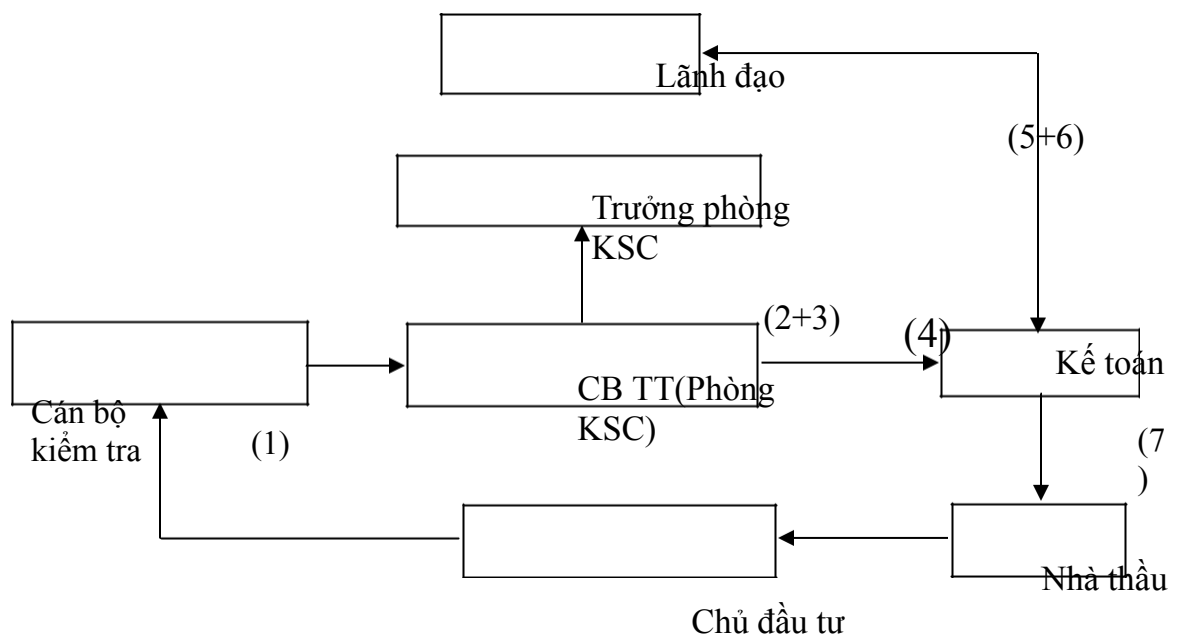
Phòng Kế toán lưu 01 liên Giấy rút vốn đầu tư, hồ sơ còn lại chuyển lại phòng KSC để lưu hồ sơ và trả chủ đầu tư thông qua cán bộ tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả.

Trường hợp chủ đầu tư lĩnh tiền mặt thì phòng Kế toán chuyển các liên Giấy rút vốn đầu tư kiêm lĩnh tiền mặt sang bộ phận Kho quỹ để chi tiền cho đơn vị thụ hưởng và thực hiện luân chuyển chứng từ theo quy định của KBNN.

(Thời gian thực hiện các bước 5, 6, 7 là 02 ngày làm việc)

- Trường hợp chủ đầu tư đề nghị tạm ứng nhiều lần theo quy định của hợp đồng, cán bộ thanh toán phải theo dõi lũy kế số vốn đã tạm ứng, đảm bảo không vượt kế hoạch vốn hàng năm của dự án. Nếu kế hoạch vốn hàng năm bố trí không đủ theo mức vốn tạm ứng của hợp đồng thì tiếp tục tạm ứng trong kế hoạch năm sau cho đủ mức tạm ứng của hợp đồng.

Quy trình kiểm soát và luân chuyển chứng từ thanh toán được thực hiện theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.3: Quy trình kiểm soát đối với loại công việc, hợp đồng thanh toán nhiều lần

b. Đối với loại công việc, hợp đồng thanh toán 1 lần và lần thanh toán cuối cùng của công việc, hợp đồng thanh toán nhiều lần

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi cán bộ tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả nhận được đầy đủ hồ sơ của chủ đầu tư, KBNN các cấp hoàn thành thủ tục

thanh toán, chuyển tiền cho đơn vị thụ hưởng theo nguyên tắc kiểm soát trước, thanh toán sau. Trình tự kiểm soát thanh toán được thực hiện như sau:

Bước 1: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả chuyển hồ sơ của chủ đầu tư cho cán bộ thanh toán trong ngày nhận hồ sơ của chủ đầu tư.

Bước 2: Cán bộ thanh toán căn cứ hồ sơ đề nghị thanh toán của chủ đầu tư thực hiện:

- Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ, tài liệu (bao gồm cả việc kiểm tra mẫu dấu, chữ ký), sự phù hợp mã đơn vị sử dụng ngân sách.

- Kiểm tra nguồn vốn, niên độ kế hoạch vốn và kế hoạch vốn năm của dự án.

- Kiểm tra việc lựa chọn nhà thầu theo quy định (thuộc đối tượng chỉ định thầu, đấu thầu hay các hình thức lựa chọn nhà thầu khác).

- Đối với các công việc thực hiện theo hợp đồng : Kiểm tra khối lượng hoàn thành ghi tại bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo phụ lục số 02 hoặc phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư 06/2007/TT-BXD để đảm bảo giá trị khối lượng hoàn thành được thanh toán theo hợp đồng kinh tế được ký kết và dự toán được duyệt (trường hợp chỉ định thầu và thanh toán theo dự toán cho phí được duyệt hoặc trường hợp tự thực hiện hoặc phát sinh khối lượng ngoài hợp đồng); phù hợp với từng loại hợp đồng, giá hợp đồng và các điều kiện trong hợp đồng.

- Đối với các công việc thực hiện không theo hợp đồng: Kiểm tra khối lượng hoàn thành ghi tại giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư để đảm bảo khối lượng hoàn thành được thanh toán theo dự toán được duyệt.

Căn cứ vào kết quả kiểm tra, cán bộ thanh toán xác định số vốn thanh toán, số vốn tạm ứng cần phải thu hồi (nếu có); tên, tài khoản đơn vị được hưởng lập tờ trình lãnh đạo trình trưởng Phòng thanh toán VĐT.

Bước 3: Trưởng phòng KSC kiểm tra hồ sơ (gồm toàn bộ hồ sơ thanh toán khối lượng hoàn thành), ký vào tờ trình và trình lãnh đạo KBNN phụ trách.

Trường hợp trưởng phòng KSC chấp nhận thanh toán số khác so với số cán bộ thanh toán trình, trưởng phòng KSC ghi lại số chấp nhận thanh toán trên tờ trình lãnh đạo và yêu cầu cán bộ thanh toán dự thảo văn bản (theo mẫu số 02/TTVĐT) trình lãnh đạo KBNN ký gửi chủ đầu tư thông qua cán bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả về kết quả chấp nhận thanh toán trước.

Bước 4: Lãnh đạo KBNN phụ trách xem xét, ký duyệt tờ trình lãnh đạo của phòng thanh toán vốn đầu tư và chuyển trả tờ trình và hồ sơ phòng Thanh toán VĐT.

Trường hợp lãnh đạo KBNN phê duyệt khác với số đề nghị thanh toán của chủ đầu tư thì sau khi lãnh đạo trả hồ sơ về, cán bộ thanh toán dự thảo văn bản (theo mẫu số 02/TTVĐT) trình lãnh đạo KBNN phụ trách ký gửi chủ đầu tư thông qua bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả về kết quả chấp nhận thanh toán.

(Thời gian thực hiện các bước 1, 2, 3, 4 là 03 ngày làm việc)

Bước 5: Cán bộ thanh toán căn cứ tờ trình lãnh đạo đã được phê duyệt ghi đầy đủ vào các chỉ tiêu và ký vào giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư, giấy rút vốn đầu tư, giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư (nếu có), trình trưởng Phòng thanh toán VĐT.

Bước 6: Trưởng phòng KSC kiểm tra, ký giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư, giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư (nếu có), giấy rút vốn đầu tư và chuyển lại hồ sơ cho cán bộ thanh toán.

Bước 7: Cán bộ Thanh toán chuyển tờ trình lãnh đạo đã được phê duyệt và giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư, giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư (trường hợp có thanh toán tạm ứng), giấy rút vốn đầu tư đã được trưởng phòng KSC ký duyệt cho phòng Kế toán.

(Thời gian thực hiện các bước 5, 6, 7 là 02 ngày làm việc)

Bước 8: Kế toán viên thực hiện kiểm tra mẫu dấu, chữ ký, tính hợp lệ, hợp pháp của chứng từ, hạch toán và ký trên chứng từ giấy, sau đó trình kế toán trưởng. Kế toán trưởng kiểm tra và ký chứng từ giấy, sau đó trình Lãnh đạo KBNN phụ trách về thanh toán VĐT xem xét hồ sơ, ký duyệt chứng từ.

Nếu phát hiện sai sót hoặc chứng từ kế toán không hợp lệ, hợp pháp, phòng Kế toán thông báo lý do và chuyển trả hồ sơ phòng KSC để xử lý.

Bước 9: Lãnh đạo KBNN phụ trách ký giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư, giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư (trường hợp có thanh toán tạm ứng), giấy rút vốn đầu tư và chuyển trả hồ sơ phòng Kế toán.

Bước 10: Phòng Kế toán nhập các thông tin liên quan vào chương trình máy và ký trên chương trình máy, thực hiện các thủ tục chuyển tiền cho đơn vị thụ hưởng.

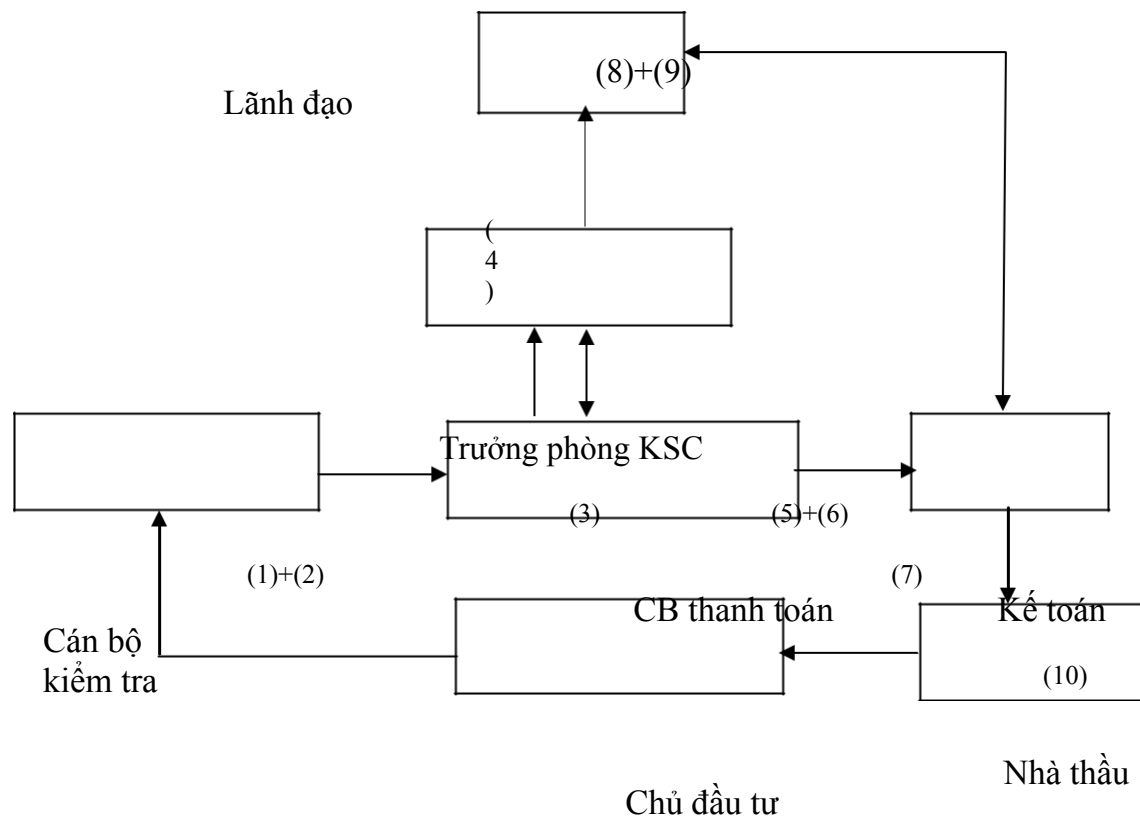
Đối với những khoản thanh toán có giá trị cao theo quy định của quy trình thanh toán điện tử thì phòng Kế toán trình lãnh đạo phụ trách kế toán ký duyệt trên máy.

Phòng Kế toán lưu 01 liên giấy rút vốn đầu tư, giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư (trường hợp có thanh toán tạm ứng), hồ sơ còn lại chuyển lại phòng KSC để lưu hồ sơ và trả chủ đầu tư thông qua cán bộ tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả.

Trường hợp chủ đầu tư lĩnh tiền mặt thì phòng Kế toán chuyển các liên giấy rút vốn đầu tư kiêm lĩnh tiền mặt sang bộ phận Kho quỹ để chi tiền cho đơn vị thụ hưởng và thực hiện luân chuyển chứng từ theo quy định của KBNN.

(Thời gian thực hiện các bước 8, 9, 10 là 02 ngày làm việc)

Quy trình kiểm soát và luân chuyển chứng từ thanh toán được thực hiện theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.4: Quy trình kiểm soát đối với loại công việc, hợp đồng thanh toán 1 lần và lần thanh toán cuối cùng của công việc, hợp đồng thanh toán nhiều lần

Quy trình 686/QĐ-KBNN ngày 18/8/2009 cũng được kết cấu, phân chia theo nội dung vốn thanh toán: Vốn chuẩn bị đầu tư, vốn thực hiện đầu tư, vốn đền bù giải phóng mặt bằng và tái định cư.

CHƯƠNG 2: ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHI VỐN ĐẦU TƯ XDCB QUA KBNN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ THỜI GIAN QUA

2.1. MỘT SỐ KẾT QUẢ CHỦ YẾU ĐẠT ĐƯỢC TRONG CÔNG TÁC THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ XDCB CỦA THỪA THIÊN HUẾ GIAI ĐOẠN 2004-2008

Trong các năm qua, KBNN Thừa Thiên Huế đã có có nhiều nỗ lực trong việc giải ngân các nguồn vốn cho đầu tư phát triển góp phần cùng tỉnh nhà hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế xã hội.

Nhiều công trình có quy mô lớn được đầu tư như nhà máy xi măng Đồng Lâm, công suất 1,4 triệu tấn năm đã được xây dựng. Thủy điện A Lưới công suất 130MW với tổng mức đầu tư 2.500.000 triệu đồng.

Hệ thống giao thông được phát triển, đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế xã hội thông qua việc tăng cường trao đổi hàng hoá, vật tư ... giữa các vùng miền trong địa phương, góp phần thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn, vùng sâu vùng xa và thành thị. Nhà nước đã tập trung đầu tư từ ngân sách, vốn phát hành trái phiếu chính phủ cho ngành giao thông vận tải, cho xây dựng đường bộ, chủ yếu đầu tư cho nâng cấp cải tạo các tuyến đường quốc lộ huyết mạch, ngoài ra cũng dành một phần vốn đáng kể cho các dự án giao thông nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Riêng tỉnh Thừa Thiên Huế đã có nhiều dự án lớn đầu tư cho ngành giao thông như dự án cầu cảng Chân Mây, tổng mức đầu tư 1.200.000 triệu đồng, có thể đáp ứng cho tàu hàng 5 vạn tấn; dự án nâng cấp sân bay Phú Bài, công suất 500.000 lượt người/năm với tổng mức đầu tư 592.000 triệu đồng. Các công trình xây dựng đường giao thông lớn nối với các vùng theo phát triển quy hoạch của Tỉnh, các đường giao thông tuyến liên xã, liên huyện...

2.2. CÔNG TÁC XÂY DỰNG CƠ CHẾ QUẢN LÝ KIỂM SOÁT TTVĐT VÀ PHỐI HỢP THỰC HIỆN

Cơ chế về quản lý đầu tư là điều kiện cần để thực thi nhiệm vụ. Trên cơ sở đặc điểm cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng thường xuyên thay đổi và hoàn thiện đòi hỏi ngành KBNN thường xuyên nghiên cứu chế độ mới về đầu tư XD CB; kịp thời nắm bắt thực tiễn quá trình triển khai thực hiện các dự án đầu tư và những vướng mắc phát sinh trong quá trình kiểm soát TTVĐT để tham mưu, đề xuất cho các ngành, các Bộ có sự bổ sung, sửa đổi kịp thời.

Đến nay, Kho bạc Nhà nước đã có hệ thống văn bản hướng dẫn, cụ thể hoá vào các hoạt động nghiệp vụ như quy trình kiểm soát TTVĐT trong nước, quy trình kiểm soát TTVĐT ngoài nước, cẩm nang kiểm soát T VĐ , hướng dẫn cách lập phiếu giá thanh toán, hướng dẫn chế độ thông tin báo cáo, điện báo, hướng dẫn xử lý những phát sinh vướng mắc trong quá trình kiểm soát TTVĐT . . . đáp ứng yêu cầu quản lý của Kho bạc Nhà nước trong kiểm soát TTVĐT.

Hệ thống Kho bạc Nhà nước đã chủ động nắm bắt tình hình thực hiện của các dự án để tham mưu cho chính quyền địa phương, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư để tháo gỡ, giải quyết những khó khăn vướng mắc phát sinh trong triển khai thực hiện đầu tư, trong quá trình TTVĐT. Cụ thể : xử lý những trường hợp hồ sơ thủ tục đầu tư thiếu, chậm, chất lượng chưa cao; vướng mắc về đơn giá, định mức, về đấu thầu, chỉ định thầu, về giải phóng mặt bằng. Đặc biệt, để đẩy nhanh khâu giải phóng mặt bằng, nếu chủ đầu tư có yêu cầu, KBNN có thể đến chi trả ngay tại địa phương. Tại địa phương, Kho bạc Nhà nước Tỉnh, Huyện, Thị xã, Thành phố đã phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, các phòng ban chức năng của Huyện , Thị xã, Thành phố tháo gỡ giải quyết khó khăn vướng mắc trong TTVĐT, đề xuất việc giao kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư hàng năm; quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành. Những việc làm trên góp phần không nhỏ thúc đẩy tiến độ giải ngân vốn đầu tư XD CB được nhanh hơn.

Tuy nhiên, việc thực hiện nhiệm vụ kiểm soát chi các năm qua cho thấy việc ban hành cơ chế chính sách còn nhiều bất cập, chưa kịp thời; đó là:

- Việc ban hành các văn bản hướng dẫn dưới Luật về XDCB của các Bộ còn chậm, thậm chí còn chồng chéo, gây khó khăn không nhỏ trong thực thi nhiệm vụ kiểm soát chi của KBNN.

- KBNN Trung ương đã kịp thời xây dựng quy trình kiểm soát chi vốn đầu tư phù hợp các quy định đầu tư nhưng nội dung quy trình nhiều điểm nội dung còn chưa sâu sát thực tế.

- Sự phối hợp các ngành Kế hoạch đầu tư, Tài chính, KBNN còn chưa kịp thời, đồng bộ.

2.3. KẾT QUẢ KIỂM SOÁT CHI QUA KBNN THỪA THIÊN HUẾ TỪ 2004-2008

Bảng 2.1: Thống kê số liệu cấp phát vốn đầu tư XDCB qua KBNN Thừa Thiên Huế

Đơn vị :
Triệu đồng.

STT	KBNN	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	2004-2008	Cộng
1.	Văn phòng	Huyện Phú Vang	740.599	4.689	497.529			
2.	KBNN Tỉnh	Huyện Hương Thủy	78.814	5.916	60.381			
3.	TP Huế	Huyện Phú Lộc	9.197		7.892			
4.	Huyện Hương Trà	Huyện Phú Lộc	11.381		11.002			
5.	Huyện Phong Điền	Huyện Nam Đông	12.678		17.017			
6.		Huyện Quảng Điền	8.312		16.302			
7.	Huyện Quảng Trị	Huyện A Lưới	24.886		26.830			
8.			6.096		17.846			

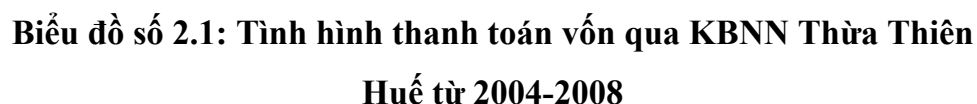
	5.397	618.731	803.951	747.999
				3.408.809
	4.054	49.355	94.239	168.735
		8.868	11.977	451.724
		13.469	21.140	18.538
		15.657	24.629	56.473
		17.261	24.629	40.120
		22.653	23.676	97.112
				34.130
		21.386	21.050	104.003
		17.048	20.400	24.937
		6.617	5.863	91.741
				28.879
				126.924
				29.877
				96.255
				31.563
				79.297
				9.270
				31.720

	Tổng cộng:	902.768
--	------------	---------

	664.850
--	---------

	791.045	1.051.446
		1.133.949
		4.544.058

(Nguồn: KBNN Thừa Thiên Huế)



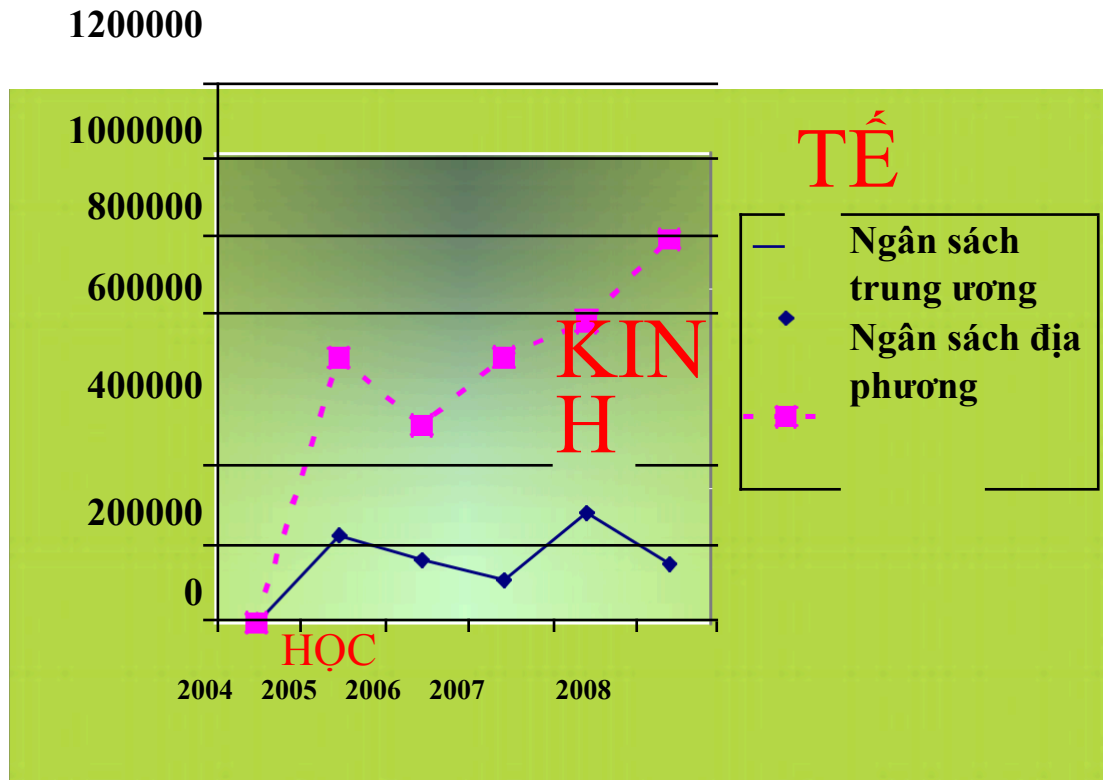
Bảng 2.2: Thống kê số liệu cấp phát vốn đầu tư XDCB qua KBNN Thừa Thiên Huế theo cấp ngân sách từ năm 2004-2008

							Đơn vị : Triệu đồng.	
STT	Cấp Ngân sách	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Cộng 2003-2008	
I.	<u>Ngân sách Trung ương</u>	<u>224.879</u>	<u>160.731</u>	<u>110.239</u>	<u>282.728</u>	<u>151.588</u>	<u>8 930.165</u>	
II.	<u>Ngân sách địa phương</u>	<u>677.889</u>	<u>504.119</u>	<u>680.806</u>	<u>768.718</u>	<u>982.361</u>	<u>3.613.893</u>	
Trong đó:								
	-Ngân sách Tỉnh -Ngân sách Huyện -Ngân sách xã						Tổng cộng	

515.720	336.798	508.492	521.22	902.768	664.850	791.045	1.051.446
140.322	138.336	124.530	197.11				
21.847	28.985	47.784	50.38				

(Nguồn: KBNN Thừa Thiên Huế)

Qua hai bảng trên ta nhận thấy: Khối lượng kiểm soát chi vốn đầu tư qua KBNN Thừa Thiên Huế có xu hướng tăng đều qua các năm, tập trung chủ yếu tại văn phòng KBNN Tỉnh và vùng đồng bằng lớn hơn vùng núi. Ngoài ra, nguồn vốn trung ương có xu hướng giảm do chủ trương phân cấp mạnh mẽ về các địa phương quản lý của các Bộ (bằng trợ cấp cân đối cho ngân sách địa phương).



Biểu đồ số 2.2: Tình hình thanh toán vốn qua KBNN Thừa Thiên Huế từ 2004-2008 theo cấp ngân sách

2.4.CÔNG ĐẠI TÁC KIỂM SOÁT CHI VỐN ĐẦU TƯ XDCB QUA KBNN TRONG CÁC NĂM QUA

2.4.1. Về tổ chức bộ máy quản lý, phân công nhiệm vụ kiểm soát TTVĐT và ứng dụng công nghệ thông tin

+Về tổ chức bộ máy quản lý, phân công nhiệm vụ

Thực thi nhiệm vụ quản lý, kiểm soát TTVĐT XDCB từ ngân sách Nhà nước từ ngày 01/01/2000. Kho bạc Nhà nước phải tổ chức bộ máy điều hành thực hiện phù hợp, kiện toàn từ Trung ương đến địa phương tạo thành một hệ thống thống nhất từ Trung ương đến địa phương đáp ứng yêu cầu thanh toán vốn cho các dự án

đầy đủ, kịp thời, đúng tiến độ. đó là: Tại Kho bạc Nhà nước có Vụ TTVĐT và Phòng TTVĐT công trình liên tỉnh, tại Kho bạc Nhà nước tỉnh thành lập Phòng TTVĐT, tại Kho bạc Nhà nước huyện việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTVĐT do bộ phận kế hoạch tổng hợp thực hiện.

Tại KBNN Thừa Thiên Huế: Đội ngũ cán bộ nhận từ hệ thống Cục Đầu tư phát triển 12 cán bộ. Đến nay số lượng cán bộ làm nhiệm vụ kiểm soát TTVĐT là 32 cán bộ (chưa kể các cán bộ kế toán làm công tác kế toán TTVĐT), để thực hiện nhiệm vụ quản lý, kiểm soát TTVĐT ở cả 3 cấp Trung ương, tỉnh, huyện. Trong số 32 cán bộ làm nhiệm vụ kiểm soát TTVĐT có 19 cán bộ là nam giới và 13 cán bộ là nữ giới; phân loại theo trình độ chuyên môn gồm: 02 cán bộ có trình độ thạc sĩ (6%), 28 cán bộ có trình độ đại học(87%) [16].

Để không ngừng nâng cao chất lượng công tác kiểm soát TTVĐT, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và phát triển ngành ngày một lớn mạnh đòi hỏi từng cán bộ làm công tác kiểm soát TTVĐT phải không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, cập nhật kiến thức, chế độ mới; đồng thời Kho bạc Nhà nước thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, tập huấn về nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác kiểm soát TTVĐT. KBNN đã tổ chức nhiều đợt tập huấn cho lãnh đạo và 100% cán bộ làm công tác kiểm soát TTVĐT cấp quận, huyện. Lãnh đạo Kho bạc Nhà nước các cấp chỉ đạo bộ phận TTVĐT thường xuyên tổ chức các buổi học tập, nghiên cứu chính sách chế độ mới liên quan đến công tác quản lý đầu tư và xây dựng. Tuy nhiên, các cuộc tập huấn chỉ dừng lại ở chỗ triển khai các văn bản hiện hành, chưa có các cuộc tập huấn chuyên sâu về XD CB. Về phía khách hàng là các chủ đầu tư, các ban quản lý, chưa có những hội nghị khách hàng nhằm trao đổi thông tin, các ý kiến, các vướng mắc trong khâu thanh toán vốn.

Qua các lớp bồi dưỡng tập huấn nghiệp vụ, có thể thấy chất lượng công tác kiểm soát TTVĐT đã được nâng cao một cách rõ rệt, thể hiện ở khối lượng công việc ngày càng lớn nhưng Kho bạc Nhà nước vẫn đảm bảo thanh toán kịp thời, chặt chẽ, đúng chế độ. Đặc biệt là ở tuyến huyện hiện nay có thể đảm nhận kiểm soát thanh toán những dự án phức tạp hơn như những dự án ODA, dự án của Trung ương thực hiện trên địa bàn.

Về phân cấp: Trước đây chỉ tập trung kiểm soát thanh toán ở cấp tỉnh và một số ít dự án được kiểm soát, thanh toán trực tiếp tại Trung ương. Đến nay Kho bạc Nhà nước đã tổ chức triển khai phân cấp quản lý, kiểm soát TTVĐT ở 3 cấp Trung ương, tỉnh, huyện cho tất cả các nguồn vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước phù hợp trình độ quản lý, qui mô của các dự án đầu tư và theo yêu cầu của nhà tài trợ đối với từng dự án ODA, trong đó có một số Kho bạc Nhà nước còn phân cấp cho Kho bạc Nhà nước quận, huyện thực hiện kiểm soát thanh toán cho các dự án Trung ương trên địa bàn nhằm rút ngắn thời gian giải ngân, tạo điều kiện thúc đẩy tiến độ thực hiện dự án. Đồng thời cũng thiết lập mối quan hệ chỉ đạo, điều hành, hỗ trợ về chuyên môn nghiệp vụ, cập nhật và phản ánh thông tin kịp thời, chính xác, chặt chẽ trong hệ thống Kho bạc Nhà nước. Qua 10 năm thực hiện đã khẳng định tính đúng đắn, hợp lý của mô hình Kho bạc Nhà nước thực hiện nhiệm vụ quản lý, kiểm soát TTVĐT, ở đâu có công trình ở đó có Kho bạc nhà nước phục vụ kiểm soát TTVĐT kịp thời, chặt chẽ.

Hiện tại, tổ chức bộ máy kiểm soát chi TTVĐT của KBNN theo Quyết định định 108/2009/NĐ-CP ngày 26/8/2009 của Chính phủ về quy định chức năng quyền hạn cơ cấu tổ chức của KBNN trực thuộc Bộ Tài Chính. Hệ thống Kho bạc Nhà nước được tổ chức bộ máy theo hệ thống ngành dọc từ trung ương đến địa phương. Riêng bộ máy TTVĐT ở Kho bạc Nhà nước có Vụ kiểm soát chi; tại Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc TW có các Phòng kiểm soát chi ngân sách nhà nước; tại Kho bạc Nhà nước các quận, huyện có bộ phận làm nhiệm vụ TTVĐT thuộc tổ tổng hợp-hành chính. Như vậy cả hệ thống, từ Trung ương đến tỉnh, huyện đều có tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTVĐT: Vụ kiểm soát chi ngân sách nhà nước, chỉ đạo hướng dẫn nghiệp vụ, tổng hợp báo cáo; thuộc Sở giao dịch trực thuộc KBNN thực hiện nhiệm vụ TTVĐT các dự án lớn liên quan đến nhiều tỉnh; Các kiểm soát chi ngân sách nhà nước tại các tỉnh thực hiện kiểm soát TTVĐT các dự án do Trung ương quản lý và dự án do tỉnh quản lý trên địa bàn; Tổ tổng hợp-hành chính tại các huyện kiểm soát TTVĐT các dự án do huyện, xã quản lý và kiểm soát TTVĐT một số dự án nhóm C nguồn vốn ngân sách tỉnh do KBNN tỉnh uỷ quyền cho KBNN quận, huyện.

Theo cơ cấu tổ chức này, việc tổ chức TTVĐT được thuận lợi, nhanh, gọn và về cơ bản đã đảm bảo nguyên tắc là dự án, công trình phát sinh ở đâu thanh toán ở đó (trừ những dự án thực hiện trên nhiều tỉnh, việc kiểm soát thanh toán được thực hiện tại KBNN do Sở giao dịch đảm nhiệm).

Vụ kiểm soát chi ngân sách nhà nước làm chức năng tham mưu toàn diện cho lãnh đạo KBNN trong lĩnh vực quản lý vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư và xây dựng. Ban TTVĐT có nhiệm vụ và quyền hạn:

- Nghiên cứu, xây dựng dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản hướng dẫn của KBNN về kiểm soát thanh toán, quyết toán vốn đầu tư, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư và xây dựng thuộc nguồn vốn ngân sách các cấp,

- Tham gia ý kiến với các đơn vị liên quan trong việc xây dựng các chính sách, chế độ về quản lý tài chính trong lĩnh vực đầu tư và xây dựng.

- Chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra các đơn vị KBNN trong việc thực hiện chế độ kiểm soát thanh toán, quyết toán vốn đầu tư, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư và xây dựng thuộc nguồn vốn ngân sách các cấp.

- Thông báo kế hoạch TTVĐT XDCB vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư và xây dựng cho KBNN các tỉnh.

- Lập kế hoạch nhu cầu TTVĐT báo cáo Bộ Tài chính, và chuyển vốn đầu tư XDCB vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư và xây dựng cho KBNN các tỉnh.

- Tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình thực hiện kiểm soát TTVĐT, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư và xây dựng thuộc nguồn vốn ngân sách các cấp.

- Tổng hợp quyết toán vốn đầu tư, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư và xây dựng thuộc nguồn vốn ngân sách các cấp.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc KBNN giao.

Sở giao dịch có nhiệm vụ: Trực tiếp thực hiện công tác kiểm soát TTVĐT, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư và xây dựng thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước.

- Thực hiện công tác thông tin, tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất. Thực hiện quyết toán vốn đầu tư theo quy định.

Phòng kiểm soát chi ngân sách nhà nước thuộc KBNN Tỉnh làm chức năng tham mưu cho lãnh đạo KBNN tỉnh trong lĩnh vực quản lý vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư và xây dựng. Phòng kiểm soát chi ngân sách nhà nước có nhiệm vụ và quyền hạn:

- Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác kiểm soát TTVĐT, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư và xây dựng thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước các cấp đối với KBNN huyện trực thuộc.

Tham gia ý kiến với cơ quan chức năng ở địa phương trong việc hoạch định chính sách đầu tư, các chương trình dự án trên địa bàn.

- Trực tiếp thực hiện công tác kiểm soát TTVĐT, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư, vốn chương trình mục tiêu và xây dựng thuộc nguồn vốn ngân sách các cấp tại cơ quan KBNN tỉnh.

- Lập nhu cầu TTVĐT gửi Sở Tài chính, KBNN. Thông báo kế hoạch TTVĐT cho các đơn vị cấp dưới.

- Thông báo kế hoạch vốn đầu tư cho BNN huyện trực thuộc.

- Tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình TTVĐT, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư và xây dựng thuộc nguồn vốn ngân sách các cấp.

- Thực hiện quyết toán vốn đầu tư, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư và xây dựng thuộc nguồn vốn ngân sách các cấp với KBNN và cơ quan Tài chính địa phương.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc KBNN tỉnh giao.

+ Thực hiện giao nhận, xử lý chứng từ qua giao dịch “Một cửa”

Theo chủ trương của Chính phủ, trong thực thi nhiệm vụ kiểm soát chi, ngành Kho bạc đã ban hành kịp thời quy chế giao dịch “Một cửa” nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng trong khâu thanh toán. Đồng thời, tách bạch giữa cán bộ tiếp nhận hồ sơ và giải quyết hồ sơ. Mục tiêu của giao dịch “Một cửa” là rút ngắn thời gian giải ngân vốn đầu tư và ngăn ngừa hiện tượng tiêu cực của một số cán bộ và bộ phận.

Qua thực tế thực hiện, tác giả luận văn nhận thấy rằng:

-Thời gian xử lý bình quân cho một hồ sơ chậm hơn. Do chứng từ phải từ cán bộ tiếp nhận hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ khách hàng, xem xét các yếu tố hợp lý, hợp pháp của chứng từ và giao trả chứng từ cho cán bộ xử lý hồ sơ. Cán bộ thanh toán sau khi xem xét hồ sơ, ký kiểm soát trên chứng từ, nhập chứng từ vào chương trình ứng dụng DAUTU-LAN, trình lãnh đạo phòng ký và giao toàn bộ chứng từ (bao gồm chứng từ thanh toán là giấy đề nghị thanh toán, giấy rút vốn đầu tư và hồ sơ của công trình) cho cán bộ kế toán. Cán bộ kế toán trình Lãnh đạo phòng và Lãnh đạo KBNN ký duyệt trước khi hạch toán. Như vậy, chứng từ thanh toán phải qua nhiều khâu, mất rất nhiều công sức, thời gian.

- Quá trình quản lý hồ sơ dự án là một quá trình theo dõi liên tục, từ bước chuẩn bị đầu tư cho đến khi công trình hoàn thành, quyết toán. Vì vậy, nhiều thông tin dự án mà chỉ có chính cán bộ chuyên quản mới nắm bắt được. Dẫn đến nhiều dự án, cán bộ giao dịch “Một cửa” tiếp nhận hồ sơ, sau kiểm tra các hồ sơ, tiếp nhận và viết giấy giao hẹn hồ sơ cho khách hàng, nhưng sau đó cũng phải bổ sung hồ sơ do không nắm hết thông tin dự án , gây rất nhiều phiền hà cho khách hàng.

-Nếu vì để tách bạch cán bộ tiếp nhận hồ sơ và cán bộ chuyên quản mà các thông tin về dự án của cán bộ tiếp nhận hồ sơ không nắm rõ để thông báo khách hàng ngay từ đầu thì tác dụng của giao dịch “ một cửa” không cao.

- Để tổ chức bộ máy giao dịch “Một cửa”, các KBNN Huyện và ngay cả văn phòng KBNN Tỉnh phải bố trí ít nhất 01 cán bộ. Trong khi đó, bộ phận thanh toán vốn đầu tư của thường khoảng 02 người nên giao dịch “một cửa” là việc giao hồ sơ qua lại của 02 người trong một bộ phận. Tại văn phòng KBNN Tỉnh thì khối lượng rất nhiều, công việc tiếp nhận hồ sơ “một cửa” được luân chuyển giữa các cán bộ nên rất khó khăn trong bố trí nhân sự.

Tóm lại, trong thời gian vừa qua, ngành KBNN đã có nhiều cố gắng để tổ chức mô hình “ một cửa”, nhưng quá trình thực hiện còn nhiều lúng túng, vướng mắc, có nhiều phản ứng từ phía khách hàng.

+Chứng từ thanh toán và luân chuyển chứng từ

Hiện nay đề TTVĐT tại hệ thống KBNN chủ đầu tư phải sử dụng các loại chứng từ sau:

- Giấy đề nghị thanh toán khối lượng hoàn thành vốn XD CB
- Giấy rút vốn đầu tư
- Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng.

Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư hiện nay là một bước cải cách rất lớn trong thủ tục TTVĐT trong hệ thống KBNN. Trước đây, chủ đầu tư khi thanh toán khối lượng XD CB phải lập phiếu giá khối lượng XD CB(hiện nay là giấy đề nghị TTVĐT) trong trường hợp thanh toán và giấy đề nghị tạm ứng trong trường hợp tạm ứng. Trên cơ sở số vốn đã được KBNN chấp nhận, chủ đầu tư sẽ lập giấy rút vốn đầu tư để thanh toán chuyển tiền cho nhà thầu, đơn vị thụ hưởng.

Tuy vậy, chủ đầu tư bao giờ cũng lập song hành 2 loại chứng từ này. Thực tế này đặt ra vấn đề cần cải cách hơn nữa loại chứng từ này.

Cũng xuất phát từ việc thay đổi về phương thức thông báo kế hoạch vốn cần đồng nhất “thuật ngữ” rút vốn đầu tư với “thuật ngữ” rút dự toán, các chủ đầu tư khi thanh toán vốn công trình sử dụng giấy rút vốn nên sử dụng chứng từ giấy rút dự toán như các vốn chi thường xuyên khác để đơn giản thủ tục cho các chủ đầu tư, chỉ cần bổ sung hình thức thanh toán là thanh toán vốn đầu tư.

+ Về ứng dụng công nghệ tin học

Cùng với chủ trương hiện đại hoá công việc, giảm thời gian tác nghiệp cho cán bộ, nâng cao tính chính xác kịp thời của thông tin. Ngành Kho bạc Nhà nước đã nghiên cứu và đưa vào triển khai, đưa vào ứng dụng thành công chương trình quản lý kiểm soát TTVĐT trên mạng máy tính ĐTKB/LAN, cập nhật số liệu thanh toán của toàn bộ các dự án từ năm 2000, đưa công tác quản lý, kiểm soát TTVĐT vào nền nếp, theo dõi một cách khoa học, chặt chẽ, hạn chế những sai sót có thể xảy ra trong quá trình theo dõi thủ công trước đây. Các Kho bạc Nhà nước địa phương về cơ bản đã quản lý, kết xuất được các thông tin báo cáo trong kiểm soát TTVĐT. Đây thật sự là bước đột phá, là cuộc cách mạng trong quản lý kiểm soát TTVĐT, nhờ vậy số liệu liên quan đến các dự án đầu tư được quản lý chặt chẽ hơn theo quy trình thống nhất, chất lượng công tác kiểm soát TTVĐT cũng được nâng lên một cách rõ rệt. Về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu cung cấp thông tin nhanh, chính

xác, kịp thời, cũng như giảm bớt công tác tổng hợp báo cáo, giảm bớt công việc sự vụ. Kho bạc Nhà nước đã làm tốt công tác thông tin báo cáo cho lãnh đạo các cấp phục vụ tốt cho công tác chỉ đạo và điều hành trong lĩnh vực đầu tư và xây dựng.

Tuy nhiên, việc ứng dụng chương trình DAUTU-LAN chưa được đầu tư nhiều trong các năm qua. Chương trình được nâng cấp từ chương trình sử dụng KBNN Tây Ninh. Hàng năm, trung tâm tin học KBNN Trung ương đều có bổ sung, chỉnh sửa theo thực tế nhưng chương trình vẫn không ổn định, khó sử dụng, chưa đồng bộ với chương trình kế toán .

2.4.2. Tình hình thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTVĐT

+ Về triển khai nhiệm vụ:

Theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng, để được TTVĐT thì chủ dự án, công trình phải đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định như phải mở tài khoản thanh toán tại Kho bạc Nhà nước, được thông báo kế hoạch vốn và phải có đầy đủ thủ tục đầu tư và xây dựng theo quy định. Căn cứ vào quy định của Nhà nước, Kho bạc Nhà nước tổ chức chỉ đạo toàn hệ thống thực hiện thống nhất về kiểm soát TTVĐT thể hiện qua các mặt:

- Quy định cụ thể về điều kiện và thủ tục mở tài khoản TTVĐT, chủ đầu tư được mở tài khoản TTVĐT tại KBNN nơi thuận tiện cho việc kiểm soát thanh toán của Kho bạc và thuận tiện cho việc giao dịch của chủ đầu tư.

- Công khai, hướng dẫn quy trình kiểm soát TTVĐT trong nước, ngoài nước, quy trình thanh toán vốn cho các dự án huyện xã, trong đó quy định cụ thể về các tài liệu chủ đầu tư phải gửi đến cơ quan Kho bạc Nhà nước; trình tự và thủ tục giải quyết công việc, quy trình luân chuyển chứng từ; thời gian giải quyết công việc, trách nhiệm của cơ quan Kho bạc Nhà nước trong kiểm soát TTVĐT. Thực hiện chỉ đạo toàn hệ thống thực hiện kiểm soát thanh toán theo đúng quy trình và các quy định hiện hành một cách thống nhất;

- Hướng dẫn chế độ hạch toán kế toán thanh toán vốn, tất toán tài khoản cho các dự án đầu tư xây dựng;

- Thực hiện quy chế một cửa trong công tác kiểm soát TTVĐT, chủ đầu tư chỉ giao dịch với bộ phận kiểm soát TTVĐT;

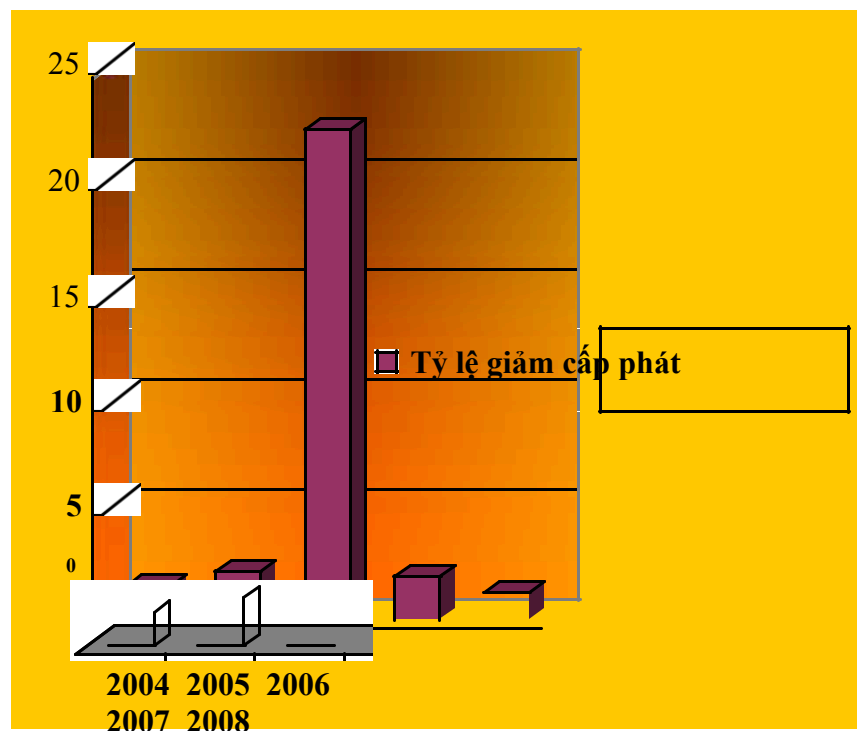
- Giải đáp đầy đủ, kịp thời những thắc mắc, khiếu nại của các chủ đầu tư liên quan đến nội dung kiểm soát thanh toán của Kho bạc Nhà nước;
- Hướng dẫn kịp thời những vướng mắc phát sinh trong quá trình TTVĐT làm căn cứ để Kho bạc Nhà nước địa phương giải quyết các trường hợp thanh toán cụ thể;
- Chủ động phối hợp với các Bộ, ngành, UBND các cấp, các Sở có liên quan để tháo gỡ, giải quyết những khó khăn vướng mắc phát sinh trong triển khai thực hiện, trong quá trình thanh toán vốn. Báo cáo kịp thời tình hình kiểm soát TTVĐT để phục vụ cho việc chỉ đạo, điều hành của các cấp lãnh đạo nhằm đẩy nhanh tiến độ TTVĐT;
- Làm việc trực tiếp với một số chủ đầu tư, KBNN các cấp để đánh giá tình hình thực hiện vốn đầu tư, những khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư, trong giải ngân vốn đầu tư, những nguyên nhân ảnh hưởng tới quá trình triển khai thực hiện, từ đó đề ra giải pháp để đảm bảo đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư.

+ Về tình hình TTVĐT thời gian qua:

- Thực tiễn TTVĐT các năm qua cho thấy, thường các tháng đầu năm tỷ lệ thanh toán đạt rất thấp, nhưng nhìn chung năm sau đều cao hơn năm trước. Nguyên nhân của việc thanh toán đạt tỷ lệ thấp vào đầu năm do: vì ngoài việc thanh toán vốn cho kế hoạch năm nay còn phải thanh toán cho kế hoạch năm trước kéo dài. Chủ yếu xuất phát từ những nguyên nhân khách quan dẫn đến tiến độ TTVĐT chậm, như do cơ chế chính sách, do quá trình hoàn thiện hồ sơ thủ tục đầu tư và xây dựng phải kéo dài và qua nhiều khâu, nhiều cấp mất khá nhiều thời gian, do khâu đền bù giải phóng mặt bằng...một phần cũng do nguyên nhân mang tính chủ quan xuất phát từ phía chủ đầu tư, như lúng túng trong việc tổ chức đấu thầu, chỉ định thầu, hoàn thiện hồ sơ thanh toán, chậm tổ chức nghiệm thu khi có khối lượng hoàn thành...
- Công tác kiểm soát vốn đầu tư qua KBNN Thừa Thiên Huế trong các năm qua, một mặt đáp ứng việc thanh toán kịp thời các khoản chi cho các công trình dự án, một mặt đảm bảo các khoản chi đúng thủ tục, đúng chế về XDCB.

Số lượng phiếu giá	Giá trị A-B đề nghị thanh toán	Giá trị sau kiểm tra	Ch Tổng số giảm
3	4	5	6
203	119.813	117.174	2.640
6	6.499	6.400	99
20	22.557	22.066	491
32	2.879	2.237	642
66	44.816	43.939	878
79	43.062	42.532	530

(Nguồn: KBNN Thừa
Thiên Huế)



Biểu đồ số 2.3 : Tỷ lệ giảm cấp phát từ 2004-2008

**Bảng 2.4: Phân tích nguyên nhân giảm chi trong kiểm soát chi vốn đầu tư
XD B từ 2004-2008**

Đơn vị : Triệu đồng.

STT	Nội dung giảm chi	Số tiền	Tỷ lệ (%)
1	Sai số học	667	25,3
2	Đề nghị thanh toán vượt kế hoạch	570	21,6
3	Đề nghị thanh toán vượt dự toán	582	22,0
4	ề nghị thanh toán sai đơn giá được duyệt	351	13,3
5	Đề nghị thanh toán trùng lắp khối lượng	470	17,8
Tổng cộng:		2.640	100,0

(Nguồn: KBNN Thừa Thiên Huế)

Qua bảng 2.3 trên ta thấy, số vốn từ chối thanh toán tuy không lớn so với tổng số vốn thanh toán (chiếm 2,2% so với số đề nghị thanh toán) nhưng phản ánh

sự đóng góp tích cực của KBNN Thừa Thiên Huế trong việc góp phần vào việc

chấn chỉnh việc thực hiện các thủ tục trong đầu tư XDCB, phòng chống sai sót, ngăn chặn lãng phí, lành mạnh hoá nền tài chính quốc gia.

Qua bảng 3.3 cũng nhận thấy, có thể phân thành 2 loại sai phạm:

Về nguyên nhân khách quan: trình độ một số chủ đầu tư còn yếu kém, chưa bám sát vào các tổng mức đầu tư được duyệt và đơn giá định mức nên dẫn đến các nguyên nhân đề nghị thanh toán sai số học, vượt kế hoạch, vượt dự toán (chiếm 68,8% trong tổng số vốn giảm chi).

Về nguyên nhân chủ quan: Một số chủ đầu tư cố tình khai không khối lượng thanh toán (Dự án xây dựng trường tiểu học Hương Hồ do KBNN Hương trà kiểm soát). Hoặc một số cố tình đưa sai định mức đơn giá do Nhà nước quy định.

Các trường hợp trên, KBNN đã có văn bản từ chối và đề nghị các đơn vị thanh toán điều chỉnh lại số thanh toán và theo văn bản hiện hành thì chưa có biện pháp nào để xử lý các trường hợp cố tình làm sai trên.

2.5. QUY TRÌNH QUẢN LÝ KIỂM SOÁT, TTVĐT HIỆN NAY CỦA HỆ THỐNG KBNN

Quy trình kiểm soát thanh toán vốn đầu tư của KBNN trong những năm qua được ban hành trên cơ sở các quy định về quản lý vốn đầu tư XDCB. Cơ chế quản lý vốn đầu tư của nước ta thay đổi liên tục. Các chế độ, văn bản liên quan đến nhiều Bộ, nhiều ngành, đan xen và đôi khi chồng chéo.

Để xây dựng một quy trình hoàn chỉnh trong một bối cảnh như vậy là hết sức khó khăn. Không thể chi tiết hoá tất cả các trường hợp, đối tượng thanh toán cũng như rất khó khái quát hoá như một chuẩn mực đơn giản, dễ hiểu cho cán bộ quản lý vốn và khách hàng giao dịch.

Quy trình kiểm soát chi vốn đầu tư ban hành theo Quyết định số 686/QĐ-KBNN ngày 18/8/2009 của Kho bạc Nhà nước là một quá trình cải cách, đổi mới trong việc xây dựng một quy chuẩn chung nhất các loại vốn thanh toán.

Quy trình đã phân chia hồ sơ thanh toán theo các tiêu thức như sau:

-Theo tính chất loại vốn: Chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư và đền bù tái định cư giải phóng mặt bằng.

-Theo tính chất thanh toán: Vốn tạm ứng và vốn thanh toán khối lượng hoàn thành.

Phương thức kiểm soát cũng được phân thành:

- Hợp đồng, công việc thanh toán 1 lần hoặc thanh toán lần cuối.
- Hợp đồng, công việc thanh toán nhiều lần.

Về thời gian quy định thanh toán, giải quyết chứng từ cũng phân theo tính chất thanh toán và phương thức kiểm soát.

Tuy nhiên, quy trình này còn nhiều vấn đề cần xem xét. Nên xây dựng quy trình đơn giản, dễ hiểu cho khách hàng và ngay cả cho cán bộ kiểm soát.

2.6. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHI CỦA KBNN THỪA THIÊN HUẾ QUA KHẢO SÁT CHỦ ĐẦU TƯ (BAN QUẢN LÝ)

Ngoài số liệu thu thập tại các đơn vị, các cơ quan, để phục vụ cho nghiên cứu này, tác giả đã tiến hành thu thập số liệu điều tra các chủ đầu tư (Ban quản lý). Đối tượng điều tra là cán bộ lãnh đạo, kế toán trưởng, kế toán viên các Ban quản lý có quan hệ giao dịch với KBNN. Công tác điều tra đã tiến hành lựa chọn 80 mẫu (bao gồm các chủ đầu tư, các ban quản lý trên các địa bàn tỉnh). Phiếu điều tra được chia làm 3 phần: phần thứ nhất là thông tin về người điều tra nhằm thu thập số năm công tác, kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực XD CB. Phần thứ hai là phần khảo sát đánh giá của chủ đầu tư, ban quản lý về công tác kiểm soát chi của KBNN trong các năm vừa qua. Phần cuối cùng đưa ra các câu hỏi mở để người được phỏng vấn có thể nêu lên các ý kiến nhằm phản ánh các tồn tại của công tác kiểm soát chi vốn đầu tư XD CB của KBNN.

2.6.1. Thông tin chung về người được phỏng vấn

Qua phiếu tra, chúng ta có thể thấy được một số thông tin về người được điều tra như sau:

- Về giới tính: tỷ lệ nam là 77.5%, nữ là 22.5%.
- Về độ tuổi: tỷ lệ độ tuổi chiếm cao nhất là từ 45-55(42.5%), thấp nhất là độ tuổi trên 55, chiếm 1.3%.

-Về trình độ: đại đa số là trình độ đại học, chiếm tỷ lệ 60%.

-Về vị trí đang công tác: có 21 người là giám đốc, phó giám đốc ban quản lý chiếm 26,3%, 18 người là kế toán trưởng chiếm 22,5%, 41 người là kế toán viên chiếm 51,3%.

-Về số năm công tác: chiếm lớn nhất là từ 1-5 năm (61,3%), tiếp đến là từ 6-10 năm có 21 người chiếm 26,3%.

-Về phân cấp ban quản lý: có 7,5% ban quản lý thuộc trung ương quản lý, 57,5% ban quản lý cấp tỉnh và 35 % ban quản lý cấp huyện.

2.6.2. Kiểm định độ tin cậy của thang đo và đánh giá nội dung điều tra

Để có thông tin từ người được phỏng vấn, trong nghiên cứu này thang chia độ Likert gồm có 7 mức để chọn người được phỏng vấn lựa chọn. Với thang điểm Likert này thì điểm 1 là điểm thấp nhất thể hiện những vấn đề còn tồn tại trong công tác kiểm soát chi vốn đầu tư của KBNN. Còn điểm 7 là điểm hoàn thiện nhất trong công tác này.

Bảng 2.5: Kiểm định độ tin cậy thang đo

	N		Mean	Std. Error of Mean	Std.
	Valid	Missing			
Thông tin quy trình	80	0	4,90	,124	
Quy trình nhận trả hồ sơ Thủ tục mở tài khoản	80	0	5,38	,112	
Thanh toán vốn Chuẩn bị đầu tư	80	0	5,50	,152	
Thanh toán vốn đền bù	80	0	5,34	,128	
Đánh giá phương thức thanh toán trước, kiểm soát sau	80	0	5,06	,109	
Thái độ giao tiếp	80	0	4,43	,119	
Đáp ứng thắc mắc Thời gian chuyển tiền	80	0	5,35	,155	
Đối chiếu số liệu và tất toán tài khoản	80	0	5,43	,090	
	80	0	5,16	,132	
	80	0	5,48	,117	

(Nguồn từ số liệu điều tra và xử lý bằng SPSS)

+ Đánh giá tỷ lệ các ý kiến người được điều tra như sau:

Qua số liệu điều tra các câu hỏi từ phía các chủ đầu tư và ban quản lý về các nội dung về quy trình kiểm soát vốn đầu tư và chất lượng phục vụ của cơ quan KBNN, có thể mô tả theo bảng sau:

- Về việc tiếp nhận thông tin quy trình kiểm soát của KBNN: có 72,6% trên mức hài lòng, có 18,8% chưa hài lòng. Điều này chứng tỏ có một số các ban quản lý vẫn chưa nắm bắt được nội dung quy trình kiểm soát chi KBNN.

- Về quy trình tiếp nhận và giao trả hồ sơ hiện tại: phần lớn các ban quản lý đồng ý với việc giao nhận hồ sơ qua giao dịch hiện tại. Tuy nhiên, có 11,1% các ban quản lý chưa đồng tình với việc giao hồ sơ tại cán bộ giao dịch một cửa vì nhiều thông tin dự án cán bộ giao dịch một cửa không nắm được dẫn đến nhiều trường hợp dù hồ sơ đã được nhận nhưng đến khi cán bộ xem xét các hồ sơ lại có sai sót cần điều chỉnh bổ sung.

- Các nội dung thủ tục mở tài khoản, thanh toán vốn chuẩn bị đầu tư, thanh toán vốn đền bù, giải phóng mặt bằng đa số chủ đầu tư, ban quản lý đều đồng ý.

- Đánh giá phương thức thanh toán trước, kiểm soát sau: phương thức này cho phép cán bộ kiểm soát chi thanh toán ngay không rà soát khối lượng theo đơn giá dự toán được duyệt và thời gian giải quyết hồ sơ cho đến khi đơn vị nhận được tiền là 4 ngày thay vì 7 ngày. Nhưng thực tế vẫn có 15 % đơn vị chưa đồng ý với lý do đơn vị muốn đảm bảo khối lượng đã chắc chắn được chấp nhận thông qua kiểm soát chi.

- Về thái độ giao tiếp với khách hàng: vẫn có trên 10% các chủ đầu tư chưa hài lòng với phong cách, thái độ giao tiếp của một số cán bộ, một số bộ phận làm công tác kiểm soát chi. Như vậy, cần có những giải pháp để hoàn chỉnh vấn đề này.

- Các ý kiến cũng lưu ý đến khả năng giải đáp thắc mắc của cán bộ làm công tác kiểm soát chi và thời gian chuyển tiền tại bộ phận kế toán còn chậm.

2.6.3. Những vấn đề tồn tại trong kiểm soát chi

Các thông tin trong các câu hỏi mở đã đặt ra cho thấy có 5 vấn đề còn tồn tại trong tác kiểm soát chi của KBNN. Nhìn vào bảng 2.4, các kiểm định Chi-square

cho các vấn đề đều có ý nghĩa. Có 25% ý kiến cho rằng cần cải tiến cơ chế “Một cửa” vì còn nhiều vấn đề trong luân chuyển hồ sơ và xử lý hồ sơ nếu có thiếu sót. Có đến 30% đề nghị cải tiến quy trình vì chưa đơn giản, dễ hiểu. Có 31% mong muốn chứng từ thanh toán đơn giản hơn bằng cách chỉ sử dụng một chứng từ giấy rút vốn đầu tư là đủ. Có 13% cho rằng cần cải thiện thời gian chuyển tiền do hiện tại có 2 kênh thanh toán, đó là thanh toán điện tử giữa các ngân hàng (KBNN phải trả phí) và qua hình thức Liên Kho bạc(thanh toán bù trừ trong hệ thống KBNN). Hình thức thanh toán Liên kho bạc phải chuyển sang một KBNN có hệ thống ngân hàng của đơn vị thụ hưởng, sau đó KBNN này sẽ gom bằng kê rồi mới chuyển thanh toán sang ngân hàng đơn vị thụ hưởng nên thời gian kéo dài.

Đáng lưu ý là có 11% có ý kiến về thái độ giao dịch chưa tốt của một số bộ phận, một số cán bộ làm công tác kiểm soát chi. Do đó, cần lưu ý rất nhiều đến công tác cán bộ.

Bảng 2.6: Thống kê mô tả các vấn đề tồn tại trong công tác kiểm soát chi của BNN

Các vấn đề tồn tại trong công tác kiểm soát chi	Số quan sát		Tỷ lệ (%)	Chi-Square(a)
	5.Thái độ giao dịch			
	20		25	20.000
	24		30	12.800
1.Cải tiến cơ chế 1 cửa	25		31	11.250
2.Đơn giản quy trình	10		13	45.000
3.Đơn giản chứng từ thanh toán	9		11	48.050
4.Cải thiện thời gian chuyển tiền				

CHƯƠNG 3: PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHI VỐN ĐẦU TƯ XDCB QUA KBNN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ TRONG THỜI GIAN TỚI

3.1. QUAN ĐIỂM VÀ ĐỊNH HƯỚNG TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHI VỐN ĐẦU TƯ XDCB QUA KBNN

Với mục tiêu chung là xây dựng hệ thống KBNN hiện đại, hoạt động an toàn, hiệu quả và phát triển ổn định, vững chắc trên cơ sở cải cách thể chế chính sách, hoàn thiện tổ chức bộ máy, gắn với hiện đại hoá công nghệ và phát triển nguồn nhân lực để thực hiện tốt các chức năng, ngành KBNN đang nỗ lực hướng tới hoàn thiện công tác kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB theo các nội dung:

- Xây dựng cơ chế, quy trình quản lý, kiểm soát thanh toán các khoản chi NSNN qua KBNN phù hợp thông lệ quốc tế, chuyển dần việc kiểm soát chi theo yếu tố đầu vào sang kiểm soát chi theo yếu tố đầu ra, theo nhiệm vụ chi và chương trình ngân sách. Phân loại các khoản chi theo nội dung và giá trị để xây dựng quy trình kiểm soát chi hiệu quả trên nguyên tắc quản lý theo rủi ro.

- Tăng cường cải cách hành chính trong công tác kiểm soát chi, đảm bảo đơn giản, rõ ràng, minh bạch về hồ sơ chứng từ, nội dung kiểm soát...

- Từng bước xây dựng và áp dụng thí điểm quy trình, thủ tục kiểm soát chi điện tử [31,10-11].

Để thực hiện tốt các mục tiêu chung trên đây, ngành KBNN cần thực hiện tốt các mục tiêu cụ thể sau:

3.1.1. Mục tiêu công tác kiểm soát TTVĐT

Bám sát mục tiêu “Duy trì ổn định, hoàn thiện chức năng, hiện đại hoá công nghệ, phát triển nguồn nhân lực” của ngành Kho bạc Nhà nước. Với phương châm: “ổn định tổ chức, giữ vững đoàn kết, tập trung trí lực”, toàn hệ thống Kho bạc Nhà nước tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt, khắc phục những mặt còn tồn tại, xác định rõ mục tiêu trong công tác kiểm soát TTVĐT:

- Chỉ đạo, điều hành công tác kiểm soát TTVĐT thống nhất toàn hệ thống theo đúng quy định hiện hành, phân đầu hoàn thành và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

- củng cố và tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức, phân công phân cấp thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTVĐT và hoàn thiện cơ chế kiểm soát TTVĐT.

- Nâng cao chất lượng công tác kiểm soát TTVĐT, đảm bảo thanh toán vốn đúng, đủ, kịp thời theo quy định của Nhà nước, chống thất thoát lãng phí trong đầu tư xây dựng.

- Từng bước nâng cao vai trò và vị thế của Kho bạc Nhà nước với tư cách là cơ quan tham mưu cho cấp có thẩm quyền trong quản lý đầu tư và xây dựng.

- Tiếp tục hoàn thiện và triển khai mạnh mẽ việc ứng dụng công nghệ tin học trong quản lý kiểm soát TTVĐT; đảm bảo quản lý chặt chẽ, khoa học, cung cấp thông tin chính xác, kịp thời phục vụ tốt cho chỉ đạo và điều hành của lãnh đạo trong lĩnh vực đầu tư và xây dựng.

Để đạt được các mục tiêu trên, ngành BNN đã đề ra các định hướng cụ thể sau:

3.1.2. Định hướng thực hiện

Một là: Chủ động hướng dẫn hoặc phối hợp với các đơn vị trong và ngoài hệ thống Kho bạc Nhà nước hướng dẫn kịp thời các quy định mới về quản lý đầu tư và xây dựng đảm bảo thực hiện thống nhất toàn hệ thống. Phản ánh kịp thời những thực tiễn phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTVĐT tới các cấp có thẩm quyền để nghiên cứu, điều chỉnh, bổ sung quy định trong quản lý đầu tư và xây dựng đảm bảo tính đồng bộ, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước trong từng giai đoạn. Thường xuyên cập nhật và cung cấp các văn bản chế độ mới về quản lý đầu tư và xây dựng đến từng đơn vị Kho bạc Nhà nước để nghiên cứu, triển khai thực hiện.

Hai là: Nghiên cứu kiện toàn mô hình tổ chức kiểm soát TTVĐT trên cơ sở xác định rõ vai trò của công tác kiểm tra trong TTVĐT; của bộ phận TTVĐT tại Kho bạc Nhà nước tỉnh, huyện và quy định về phân cấp thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTVĐT. Thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực kiểm soát

TTVĐT theo hướng giảm bớt các thủ tục, hồ sơ tài liệu không cần thiết, rút ngắn thời gian kiểm soát, thực hiện các hình thức công khai quy trình kiểm soát thanh toán vốn, thực hiện chế độ một cửa trong kiểm soát thanh toán vốn với mục tiêu đảm bảo vốn đầu tư thanh toán kịp thời, đúng chế độ và hạn chế tối đa những thất thoát, tiêu cực trong đầu tư và xây dựng.

Ba là: Tập trung chỉ đạo toàn hệ thống thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý, kiểm soát TTVĐT.

Tổ chức tốt công tác tiếp nhận và thông báo kế hoạch TTVĐT, đổi mới công tác điều hành nguồn vốn theo hướng ứng dụng công nghệ tin học, sử dụng chứng từ điện tử, tập trung quản lý và điều hành các nguồn vốn thanh toán kịp thời, linh hoạt. Chỉ đạo toàn hệ thống thực hiện kiểm soát TTVĐT theo đúng quy trình và các chế độ quản lý hiện hành của Nhà nước.

Nâng cao chất lượng công tác kiểm soát TTVĐT tại các đơn vị Kho bạc Nhà nước củng cố đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm soát TTVĐT; thông qua bố trí phân công cán bộ theo dõi hướng dẫn về nghiệp vụ đối với các Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh, Kho bạc Nhà nước cấp huyện.

Thường xuyên nắm bắt thực tiễn để có hướng dẫn đầy đủ, kịp thời những vướng mắc phát sinh trong quá trình kiểm soát TTVĐT. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ nhằm phát hiện uốn nắn kịp thời những sai sót trong quản trị quản lý, kiểm soát TTVĐT.

Bốn là: Nghiên cứu cải tiến chế độ thông tin báo cáo trong lĩnh vực kiểm soát TTVĐT theo hướng giảm bớt các chỉ tiêu trùng lặp, các mẫu biểu không cần thiết nhưng đồng thời đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin phục vụ cho chỉ đạo điều hành của các cấp lãnh đạo.

Từng bước nghiên cứu hoàn thiện chương trình quản lý kiểm soát TTVĐT trên mạng máy tính và triển khai áp dụng trong toàn hệ thống đảm bảo quản lý chặt chẽ, khoa học và nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát TTVĐT.

Năm là: Chủ động phối hợp với các đơn vị có liên quan của Bộ Tài chính nghiên cứu trình Bộ Tài chính ban hành quy định về quyết toán tình hình nhận và sử dụng vốn đầu tư hàng năm của Kho bạc Nhà nước. Hàng năm có hướng dẫn các

đơn vị Kho bạc Nhà nước lập báo cáo quyết toán cụ thể tình hình nhận và sử dụng vốn đảm bảo quyết toán đúng, đủ, chính xác số vốn đã nhận, số vốn đã sử dụng, số vốn còn tồn.

Sáu là: Xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, tập huấn cho các cán bộ làm công tác kiểm soát TTVĐT. Từng đơn vị Kho bạc Nhà nước chủ động thường xuyên tổ chức các buổi học tập, nghiên cứu chính sách chế độ mới liên quan đến công tác quản lý đầu tư và xây dựng.

Bảy là: Phối hợp chặt chẽ với các chủ đầu tư, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư và các cơ quan quản lý có liên quan định kỳ đánh giá tình hình TTVĐT, những khó khăn vướng mắc trong triển khai thực hiện, từ đó đề ra biện pháp phù hợp nhằm đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư. Đồng thời thông qua công tác kiểm soát TTVĐT, phát huy có hiệu quả vai trò tham mưu trong lĩnh vực quản lý đầu tư và xây dựng của Kho bạc Nhà nước.

Tám là: Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Kho bạc Nhà nước trong quản lý đầu tư và xây dựng nhằm tăng cường vai trò của Kho bạc Nhà nước trong lập và bố trí kế hoạch vốn đầu tư hàng năm, kiểm soát TTVĐT, quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành. Trên cơ sở đó hoàn thiện quy trình kiểm soát TTVĐT theo hướng nâng cao vai trò của KBNN trong kiểm tra, kiểm soát trước khi TTVĐT.

Chín là: Thường xuyên nâng cao đạo đức phẩm chất năng lực cán bộ theo hướng văn minh văn hoá nghề kho bạc. Cán bộ công chức toàn ngành xác định được nhiệm vụ của mình vừa làm nhiệm vụ quản lý nhà nước, vừa làm nhiệm vụ phục vụ nhân dân vì vậy thường xuyên trau dồi phẩm chất theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Cần kiệm, liêm chính, chí công, vô tư”[16].

3.2. GIẢI PHÁP GÓP PHẦN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHI VỐN ĐẦU TƯ XDCB QUA KBNN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ TRONG THỜI GIAN TỚI

3.2.1. Hoàn thiện cơ chế quản lý, thanh toán vốn đầu tư XDCB

Như đã đề cập ở trên, công tác kiểm soát chi của KBNN bao giờ cũng gắn liền với các chính sách, chế độ về XDCB của Nhà nước ban hành. Việc các chính sách

chế độ có tính hoàn thiện và ổn định sẽ có tác động rất lớn trong tổ chức công tác kiểm soát chi vốn đầu tư XD CB.

Vì vậy, tác giả đề nghị cần có sự nghiên cứu xây dựng các quy định, chuẩn mực có tính ổn định lâu dài. Tránh tình trạng thay đổi quá nhiều và quá nhanh các văn bản về XD CB như các năm qua, làm cho người thực hiện quản lý về công tác xây dựng rất lúng túng và ngay cả công tác kiểm soát chi của ngành KBNN cũng gặp rất nhiều khó khăn.

Theo người viết luận văn, công tác thực hiện kiểm soát chi đầu tư XD CB phải theo hướng đơn giản, nhanh chóng, thuận lợi và có hiệu quả. Tăng tính tự chủ của chủ đầu tư, nhà nước chỉ quan tâm với kết quả đầu ra, đơn giản hoá thủ tục hành chính. Cụ thể là:

- Bố trí vốn cho công trình: tuân thủ theo phân khai vốn đã ghi trong quyết định phê duyệt dự án. Xem đây là cơ sở thanh toán hàng năm, là “cam kết chi” của nhà nước đối với công trình. Cơ quan kế hoạch đầu tư chỉ tổng hợp trên cơ sở các quyết định cấp có thẩm quyền phê duyệt (ngoại trừ vốn chuẩn bị đầu tư).

- Giá của các công trình: là giá thanh toán không thay đổi các công trình đã có tính hệ số trượt giá (kể cả công trình đấu thầu và chỉ định thầu). Giá của công trình là giá mà Nhà nước thoả thuận “mua” của nhà thầu. Như vậy, khuyến khích và tiến tới chỉ áp dụng thức hợp đồng trọn gói cho công trình chỉ định thầu.

Qua thực tiễn công tác kiểm soát chi vốn đầu tư, người viết luận văn cũng có một số đề xuất cụ thể sau:

- Quy định chế độ bảo lãnh tạm ứng:

Theo quy định điều 55 của Luật đấu thầu, nhà thầu phải nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng “tối đa bằng 10% giá hợp đồng; trường hợp để phòng ngừa rủi ro cao thì giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng phải cao hơn nhưng không quá 30% giá hợp đồng và phải được người có thẩm quyền cho phép”. Tuy nhiên, theo quy định của Nghị định số 99/2007/NĐ-CP[12] ngày 13/6/2007, nhà thầu có thể tạm ứng như sau:

“ Đối với hợp đồng tư vấn, mức tạm ứng vốn tối thiểu là 25% giá hợp đồng;

Đối với hợp đồng thi công xây dựng, mức tạm ứng vốn tối thiểu là 10% giá

hợp đồng đối với hợp đồng có giá trị từ 50 tỷ đồng trở lên; tối thiểu 15% đối với

hợp đồng có giá trị từ 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng và tối thiểu 20% đối với các hợp đồng có giá trị dưới 10 tỷ đồng;”

Như vậy, các nhà thầu được tạm ứng các gói thầu ở mức tối thiểu mà không chế mức tối đa. Số tiền này có thể lên đến 100% giá trị hợp đồng. Như vậy, mức tạm ứng này chứa đựng nhiều rủi ro. Đồng thời, qua thực tiễn người viết luận văn thấy rằng có rất ít hoặc không có trường hợp chủ đầu tư cho tạm ứng ở mức 100% giá trị hợp đồng.

Cần thiết yêu cầu nhà thầu nộp bảo lãnh tạm ứng vì nhiều khoản tạm ứng rất lớn nhưng không có đảm bảo, hết hạn bảo lãnh phải gia hạn hoặc thu hồi tạm ứng để tránh rủi ro[33].

Đồng thời người viết nhận thấy có sự mâu thuẫn về quy định tạm ứng của Chính phủ, tại điều số 25 Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 23/6/2007 [12] , quy định “Việc thu hồi vốn tạm ứng được bắt đầu ngay khi thanh toán lần đầu và kết thúc khi khối lượng đã thanh toán đạt 80% giá trị hợp đồng”, nhưng mức tạm ứng được quy định là “tối thiểu” nên qua thực tế thực hiện , thấy rằng vẫn có trường hợp tạm ứng ở mức cao hơn 80%. Khi nghiệm thu thanh toán, giá trị khối lượng trên 80% nhưng vẫn không đủ hoàn trả tạm ứng. Như vậy, quy định mức tạm ứng “tối thiểu” là chưa hợp lý. Vì vậy, người viết đề nghị quy định sử dụng mức tạm ứng “tối đa” là 80%.

- Một số dự án đầu tư khi thực hiện hình thức chỉ định thầu thường bỏ qua bước lập hồ sơ yêu cầu đã được ghi trong điều 35, điểm 2, Luật đấu thầu [28] nhưng theo quy định của quy định tại Thông tư 27/TT-BTC ngày 03/04/2007 của Bộ Tài chính về hướng dẫn về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước không quy định nội dung này. Vì vậy, trong quá trình kiểm soát chi, cơ quan KBNN không thể đề nghị chủ đầu tư cung cấp hồ sơ này. Đây là một trường hợp thực hiện không thực hiện đầy đủ trình tự đầu tư đã ghi trong Luật. Do đó, người viết luận văn cũng đề nghị bổ sung thủ tục quyết định phê duyệt hồ sơ yêu cầu của chủ đầu tư trong hình thức chỉ định thầu tại Thông tư 27 của Bộ Tài chính.

- Xem xét lại việc đưa vào phụ lục 02 tại Thông tư 06/2007/TT-BXD để thủ tục XDCB đơn giản và khoa học. Qua thực tiễn kiểm soát chi, người viết luận văn này thấy rằng Phụ lục 02 được ban hành thay hồ sơ biên bản nghiệm thu trong thanh toán có nhiều điều bất cập. Cán bộ thay toán cần đối chiếu để xem xét thanh toán các chi phí tỷ lệ thì phải căn cứ trên dự toán chứ không thể căn cứ vào phụ lục 02, mà trước đây chỉ cần dựa trên bảng tổng hợp giá trị nghiệm thu trong biên bản nghiệm thu là đủ.

Hồ sơ thanh toán cần có biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng để có căn cứ đối chiếu hợp đồng và đơn đốc công tác quyết toán hoàn thành.

Người viết cũng đề xuất bổ sung các biện pháp chế tài, các biện pháp xử lý vào các văn bản pháp quy như Luật Ngân sách, Luật Xây dựng nhằm có tác dụng răn đe các trường hợp cố tình thanh toán khống, thanh toán sai khối lượng thực tế nhằm tăng hiệu quả công tác kiểm soát chi vốn đầu tư, ngăn ngừa các hành vi tham ô công quỹ Nhà nước.

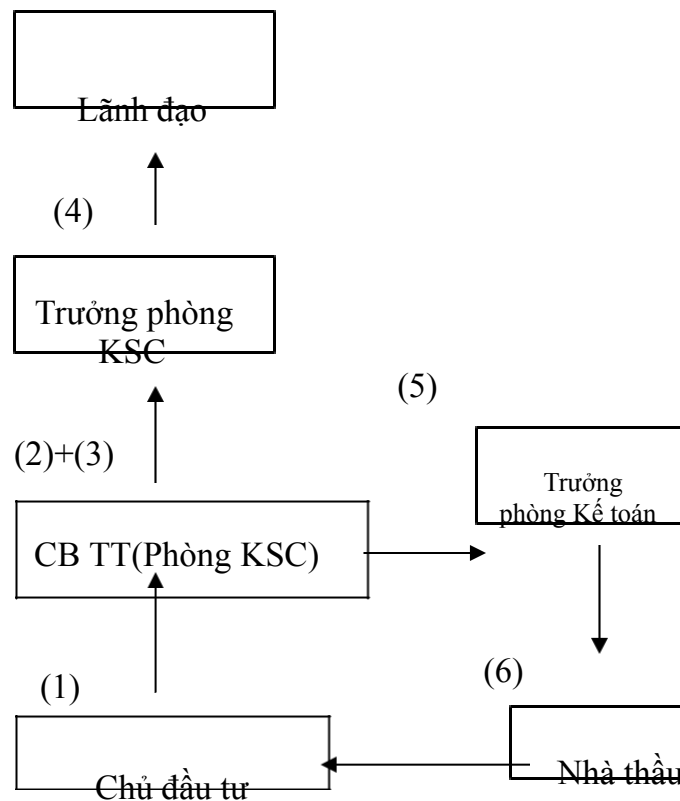
3.2.2. Hoàn chỉnh bộ máy kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB

Tổ chức hệ thống KBNN là một thể thống nhất, cùng thực hiện chức năng là kiểm soát chi ngân sách Nhà nước và các quỹ tài chính khác trong đó có chi đầu tư XDCB theo luật NSNN. Vì vậy, vấn đề đặt ra là phải tổ chức toàn hệ thống thực thi công vụ theo một cơ chế thống nhất trong toàn quốc. Đồng thời, thực hiện nhiệm vụ một cách đồng bộ trên cơ sở cải cách hành chính, giao dịch một cửa một bộ phận khoa học hơn với phương châm “Thuận lợi-chặt chẽ-nhanh chóng-tận tình”. Người viết luận văn này đề nghị phòng kiểm soát chi tập trung tất cả các đầu mối kiểm soát chi NSNN và phân thành 2 bộ phận : kiểm soát chi vốn đầu tư và kiểm soát chi vốn dự toán do có cơ chế kiểm soát khác nhau để phân định rõ ràng trong thi hiện nhiệm vụ và thuận lợi cho khách hàng.

Nghiên cứu mô hình cán bộ kiểm soát chi vừa nhận hồ sơ, giải quyết hồ sơ và hạch toán chứng từ trên máy, trình lãnh đạo ký duyệt và chuyển sang bộ phận thanh toán điện tử chuyển tiền ngay để rút ngắn thời gian chuyển tiền.

3.2.3. Hoàn chỉnh quy trình nghiệp vụ kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB

- Cần thiết xây dựng quy trình đơn giản, dễ hiểu. Qua thực tế thực hiện kiểm soát chi, người viết luận văn này thấy rằng, không cần thiết phải phân chia các nội dung thanh toán tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành, hình thức hồ sơ thanh toán từng lần và thanh toán lần cuối. Đồng thời, việc lượng hoá thời gian giải quyết một chứng từ thanh toán vốn XDCB cũng mang tính chất tương đối, bởi nó phụ thuộc nhiều yếu tố khách quan như quy mô, tính phức tạp của dự án, trình độ của Chủ đầu tư, lượng chứng từ tại thời điểm mà cán bộ chuyên quản xử lý. Do đó, người viết luận văn này đề nghị thống nhất thời gian giải quyết các loại hồ sơ, thủ tục là 5 ngày và cán bộ thanh toán là người trực tiếp nhận hồ sơ, kiểm soát hồ sơ, hạch toán chứng từ và chuyển bộ phận kế toán(kế toán trưởng) ký duyệt và chuyển tiền cho nhà thầu. Có thể biểu diễn quy trình đề nghị thay đổi theo sơ đồ:



Sơ đồ 3.1 :Quy trình kiểm soát chi đề nghị sửa đổi.

(1): Chủ đầu tư giao chứng từ cho CB thanh toán.

(2): CB thanh toán kiểm tra hồ sơ, lập tờ trình, trình trưởng phòng KSC ký duyệt.

(3)+(4): CB thanh toán căn cứ tờ trình phê duyệt, ký trên giấy đề nghị thanh toán, giấy rút vốn đầu tư chuyển lãnh đạo KBNN ký duyệt.

(5): CB thanh toán hạch toán trên máy, đồng thời chuyển bộ phận kế toán.

(6): Trưởng phòng kế toán ký duyệt và chuyển tiền cho nhà thầu.

- Đề nghị bổ sung phương thức kiểm soát theo hợp đồng bằng phương thức kiểm soát theo hợp đồng kết hợp kiểm soát thanh toán theo đơn giá dự toán. Nghiên cứu áp dụng kiểm soát theo phương thức kiểm soát theo “mức độ rủi ro”, đã được thực hiện ở nhiều nước, tức là chỉ kiểm soát với các hợp đồng, các khối lượng công việc có mức vốn lớn. Mức vốn này, theo các chuyên gia tài chính, tương đương khoảng trên 500 triệu đồng. Với phương thức này, sẽ đẩy nhanh thời gian kiểm soát chi vốn đầu tư qua KBNN.

- Đề nghị đơn giản hoá chứng từ thanh toán vốn đầu tư bằng cách gộp 2 loại giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư và giấy rút vốn đầu tư thành giấy rút dự toán đầu tư.

- Đề nghị chấn chỉnh lại tổ chức giao dịch “Một cửa” trên cơ sở 1 cán bộ vừa nhận hồ sơ, vừa kiểm soát hồ sơ và phụ trách khâu hạch toán kế toán.

3.2.4. Ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý

Thực hiện đầu tư có hiệu quả vào chương trình quản lý vốn đầu tư máy vi tính nhằm đảm bảo chương trình ứng dụng thông suốt, có thể kết nối giữa bộ phận kế toán và từ các KBNN các cấp, cung cấp kịp thời thông tin, báo cáo cho các cấp các ngành.

Để có thể giám sát thực thi nhiệm vụ của nhân viên làm nhiệm vụ kiểm soát chi, nên đưa các dữ liệu: ngày tháng tiếp nhận và nội dung tiếp nhận hồ sơ vào chương trình quản lý thanh toán vốn đầu tư trên máy vi tính. Trên chương trình này có áp dụng thang chấm điểm về thời gian thanh toán, chất lượng kiểm tra hồ sơ của nhân viên và kết nối với bộ phận kế toán để theo dõi được thời gian thanh toán của chứng từ thanh toán. Nếu thời gian xử lý hồ sơ chậm so với quy định, chương trình tự động chuyển hồ sơ lên các cấp lãnh đạo và nhân viên phải giải trình về tình trạng chậm xử lý hồ sơ. Định kỳ, có thể theo dõi được chất lượng thanh toán của từng nhân viên, đồng thời, tìm ra nguyên nhân khắc phục kịp thời nhằm nâng cao chất lượng công tác kiểm soát chi vốn đầu tư.

3.2.5. Tăng cường công tác cán bộ, công tác giáo dục chính trị tư tưởng

- Đào tạo cán bộ gắn liền với chức danh tiêu chuẩn hoá cán bộ và công việc được đảm nhận. Tuyển chọn cán bộ phải có chiến lược cho tương lai.

Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay đội ngũ cán bộ làm công tác TTVĐT cần phải được rà soát sắp xếp đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ cũng như nâng cao phẩm chất đạo đức nghề nghiệp. Cần chú trọng đào tạo đội ngũ làm công tác TTVĐT ở các Kho bạc Huyện.

Để đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ kiểm soát TTVĐT, cán bộ phải được đào tạo và bồi dưỡng trên cả hai phương diện đó là: Có trình độ chuyên môn về quản lý tài chính, hiểu biết về kỹ thuật xây dựng cơ bản; Đồng thời bồi dưỡng phẩm chất đạo đức, phong cách làm việc giao tiếp văn minh - văn hóa nghề Kho Bạc. Những năm qua với đội ngũ cán bộ hiện có hệ thống KBNN chủ yếu kiểm soát vốn đầu tư mới chỉ ở khía cạnh quản lý về mặt tài chính và kiểm soát chấp hành trình tự xây dựng cơ bản theo quy định. Trong tương lai muốn nâng cao vị trí KBNN trong xã hội, chất lượng kiểm soát được nâng cao hỏi cán bộ công chức phải nâng cao trình độ am hiểu về kiến thức kinh tế tài chính và kỹ thuật xây dựng.

Thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu về XDCHB. Cán bộ làm công tác giao dịch phải có trình độ chuyên môn sâu về nghiệp vụ kho bạc, kiến thức TTVĐT. Sẵn sàng hướng dẫn và giải đáp mọi thắc mắc của khách hàng để góp phần thực hiện đúng các quy định về đầu tư XDCHB.

Nên xây dựng trung tâm đào tạo có đủ tiêu chuẩn về cơ sở vật chất phục vụ, đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn uyên bác có khả năng sư phạm cho các lớp đào tạo, các đợt tập huấn. Hàng năm nên xây dựng các chương trình bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ với các nội dung khác nhau. Đồng thời, thường xuyên có các lớp cập nhật các chính sách, chế độ của Nhà nước về quản lý xây dựng cho cán bộ làm công tác kiểm soát chi vốn đầu tư.

Trong tương lai các trung tâm đào tạo nên có kế hoạch đào tạo lại đội ngũ công chức làm công tác trực tiếp TTVĐT tìm hiểu kiến thức về kỹ thuật xây dựng để

ngày càng hoàn thiện, chất lượng được nâng cao đáp ứng nhu cầu và hạn chế tối thiểu thất thoát lãng phí trong đầu tư xây dựng cơ bản.

Để hạn chế tình trạng sách nhiễu, tiêu cực của một số cán bộ cần tăng cường khâu kiểm tra, giám sát kết hợp thực luân phiên luân chuyển cán bộ.

- Tăng cường giáo dục, làm tốt công tác tư tưởng đối với cán bộ để nâng cao chất lượng phục vụ đối công tác kiểm soát chi KBNN. Cán bộ giao dịch phải có tinh thần thái độ phục vụ văn minh, văn hoá, đạo đức nghề nghiệp tốt, ý thức tinh thần trách nhiệm làm việc của cán bộ kho bạc phải hết sức trách nhiệm, phối hợp nhịp nhàng giữa các phòng, các bộ phận để hoàn thành tốt nhiệm vụ theo tinh thần cải cách hành chính.

- Thường xuyên và định kỳ tổ chức các hội nghị khách hàng nhằm phổ biến quy trình, các văn bản mới về XDCB và tháo gỡ các vướng mắc của các chủ đầu tư và ban quản lý.

+ Công tác phối hợp giữa các ngành

Như đã phân tích ở trên, công tác quản lý vốn đầu tư XDCB là sự tổng hợp thực hiện của nhiều ngành, nhiều cơ quan. Vì vậy, việc phối hợp các ngành trong việc giải quyết các vướng mắc về thủ tục của các dự án cũng như về cơ chế quản lý vốn, với mục đích đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn là vô cùng quan trọng. Thường xuyên tổ chức các hội nghị giao liên ngành ban giữa các Sở Kế hoạch, Sở Tài chính, KBNN để có sự phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ và có các đề xuất, tham mưu cho Ủy ban Nhân dân Tỉnh trong điều hành công tác quản lý vốn đầu tư.

PHẦN III: KIẾN NGHỊ VÀ KẾT LUẬN

1. PHẦN KIẾN NGHỊ

+ Đối với Chính phủ:

- Bổ sung các biện pháp chế tài và xử lý hành chính trong Luật Xây dựng, Luật đấu thầu nhằm có tác dụng ngăn ngừa hiện tượng cố tình thanh toán sai khối lượng trong XD CB và tăng cường hiệu quả công tác kiểm soát chi vốn đầu tư XD CB.

- Nghiên cứu thay đổi quy định “Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán công trình”. Bởi các lý do sau:

Chủ đầu tư có thể chịu trách nhiệm về khối lượng và giá trị công trình thông qua việc nghiệm thu thanh toán không nhất thiết phải tự phê duyệt thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán công trình.

Việc Chủ đầu tư tự phê duyệt thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán công trình, trong thực tế có nhiều trường hợp chủ đầu tư tự thay đổi thiết kế làm thay đổi công năng của công trình; Dẫn đến, làm ảnh hưởng đến thẩm mỹ bên trong và nhiều bất hợp lý trong quá trình sử dụng.

Một số chủ đầu tư chưa đủ năng lực để xem xét, thẩm tra thiết kế dự toán của công trình nên dẫn đến nhiều sai sót của đơn vị tư vấn thiết kế mà chủ đầu tư không phát hiện ra từ đầu làm công trình phải thay đổi dự toán thiết kế nhiều lần trong quá trình thi công.

Tính khách quan trong việc thẩm tra phê duyệt thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán công trình là không có nếu chủ đầu tư tự phê duyệt.

+ Đối với Bộ Xây dựng:

- Nghiên cứu bãi bỏ quy định lập các biểu phụ lục 01,02,03,04 trong nghiệm thu công trình, bởi các lý do sau:

Khó kiểm tra trong kiểm soát chi: Khối lượng nào trong dự toán, ngoài dự toán để đưa vào các phụ lục thích hợp, từ đó có thể đề nghị Chủ đầu tư thực hiện thiết kế và phê duyệt theo đúng quy định của XD CB. Trong quá trình kiểm soát các

công trình chỉ định thầu nhất là các công trình tu bổ, sửa chữa, đặc biệt các công trình trùng tu văn hoá do tính chất đặc thù của công trình, thiết kế ban đầu chỉ mang tính chất sơ bộ nên việc thi công thay đổi so với thiết kế ban đầu rất nhiều. Do đó, việc chủ đầu tư không đưa vào khối lượng phát sinh thì việc kiểm soát chỉ chỉ dựa vào các phụ lục là không thể biết được.

+ Đối với Bộ Tài chính:

Đề nghị bổ sung nội dung các hồ sơ chủ đầu tư gửi đến KBNN: quyết định phê duyệt hồ sơ yêu cầu đối với hình thức chỉ định thầu tại Thông tư số 27/TT-BTC ngày 03/04/2007 nhằm đảm bảo các chủ đầu tư thực hiện đầy đủ trình tự đầu tư.

+ Đối với Kho bạc Nhà nước (trung ương):

Đề nghị bổ sung vào Phần I, điểm 10 tại Quyết định số 686 /QĐ-KBNN ngày 18/8/2009 về việc ban hành quy trình kiểm soát vốn đầu tư qua KBNN như sau: “ Nguyên tắc kiểm soát thanh toán là trên cơ sở hồ sơ đề nghị thanh toán của chủ đầu tư và đơn giá dự toán đã được phê duyệt”, nhằm tăng cường kiểm soát các khối lượng vượt dự toán trong quá trình thanh toán.

+ Đối với chính quyền địa phương:

Tăng cường chỉ đạo điều hành của Ủy ban Nhân dân Tỉnh, Huyện trong công tác quản lý vốn đầu tư XD CB trên địa bàn. Điều hành để thực hiện tốt 3 khâu chính trong quản lý vốn đầu tư XD CB là phân bổ vốn, kiểm soát thanh toán và quyết toán tất toán vốn thành một hệ thống liên hoàn trong quá trình quản lý vốn.

UBND các cấp cần có biện pháp quyết liệt hơn đối với các chủ đầu tư, ban quản lý chậm quyết toán vốn công trình.

Khẩn trương sắp xếp lại bộ máy ban quản lý dự án, chủ đầu tư, loại bỏ Ban quản lý yếu kém. Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho các Ban quản lý, chủ đầu tư để nâng cao năng lực quản lý.

2. PHẦN KẾT LUẬN

Nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát chi vốn đầu tư qua hệ thống KBNN nói chung và tại KBNN Thừa Thiên Huế nói riêng là một nhiệm vụ hết sức cần thiết và cấp bách trong giai đoạn hiện nay. Nhiệm vụ đó, xuất phát từ đòi hỏi của công

cuộc cải cách hành chính hiện nay và mục tiêu xây dựng ngành kho bạc “đổi mới và hiện đại”.

Luận văn đã đi sâu nghiên cứu, đánh giá công tác kiểm soát chi vốn đầu tư tại KBNN Thừa Thiên Huế và tập trung đề xuất các giải pháp chủ yếu sau:

- Về mặt phương thức kiểm soát: thực hiện kiểm soát theo hợp đồng kết hợp đơn gia dự toán được duyệt. Đồng thời, áp dụng phương thức kiểm soát theo “mức độ rủi ro”.

- Về tổ chức bộ máy: Tập trung đầu mối chỉ đạo thông suốt trong hệ thống; Cải tiến giao dịch “một cửa”, tiến tới thực hiện một cán bộ giao dịch; rút ngắn thời gian luân chuyển chứng từ; thanh toán chuyển tiền nhanh chóng, đảm bảo thuận lợi cho khách hàng.

- Về công tác cán bộ: Có chiến lược về nâng cao chất lượng cán bộ, chuyên môn hoá cán bộ; Thực thi công việc đúng chức năng.

Các giải pháp được đưa ra trong luận văn là các vấn đề rất thực tiễn, với mong muốn góp phần hoàn thiện công tác kiểm soát chi vốn đầu tư XD CB qua KBNN Thừa Thiên Huế nói riêng và hệ thống KBNN nói chung. Tuy nhiên, trong giới hạn về khả năng, chắc chắn không tránh phần thiếu sót. Rất mong sự đóng góp của các nhà khoa học, các nhà quản lý, các độc giả để luận văn có thể hoàn thiện hơn./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo quyết toán vốn đầu tư XD CB và cân đối tài khoản kế toán các KBNN Huyện, Thành phố trực thuộc KBNN Thừa Thiên Huế (2004-2008).
2. Bộ Tài chính (2007), Quyết định số 3873/QĐ-BTC ngày 12/12/2007 về việc ban hành Danh mục các đề án và cơ chế chính sách thực hiện chiến lược phát triển KBNN đến năm 2020.
3. Bộ Tài chính (2007), Thông tư số 130/2007/TT-BTC ngày 02/11/2007-Sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư 27/2007/TT-B C của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về quản lý thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn NSNN.
4. Bộ Tài chính (2007), Thông tư số 27/2007/TT-BTC ngày 03/4/2007-Hướng dẫn về quản lý thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn NSNN.
5. Bộ Tài chính (2008), Quyết định số 120/2008/QĐ-BTC ngày 22/12/2008 về việc ban hành chế độ kế toán KBNN.
6. Bộ Xây dựng (2007), Thông tư số 05/2007/TT-BXD ngày 25/7/2007 về hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.
7. Ths.Nguyễn Thanh Cai (01/2002), “Những giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý Ngân sách Nhà nước qua KBNN Thừa Thiên Huế”, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp ngành.
8. Cẩm nang kiểm soát thanh toán vốn đầu tư qua KBNN(2001), Nhà xuất bản Tài chính.
9. Chiến lược phát triển KBNN đến năm 2020(2008), Nhà xuất bản Tài chính.
10. Chính phủ (2003), Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6/6/2003 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách.

11. Chính Phủ (2003), *Nghị định số 77/2003/NĐ-CP về quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài Chính.*

12. Chính phủ (2007), *Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 về việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.*
13. Đề án chi tiết “*Chiến lược phát triển Kho bạc Nhà nước đến năm 2020*”(2008), Nhà xuất bản Tài chính.
14. *Giáo trình quản lý dự án đầu tư*(2008), Nhà xuất bản Lao động-Xã hội.
15. Ths.Lê Quốc Hùng (07/2005), “*Một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý và kiểm soát thanh toán vốn đầu tư XD CB qua hệ thống KBNN*”, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp ngành.
16. KBNN Thừa Thiên Huế (2009), *Báo cáo tổng kết hoạt động KBNN Thừa Thiên Huế (2006-2009).*
17. KBNN Thừa Thiên Huế (2007), *Quyết định 75/QĐ-KB TH ngày 10/9/2007 về việc ban hành quy trình luân chuyển hồ sơ giao dịch một cửa.*
18. KBNN Việt Nam, *quá trình xây dựng và phát triển*(2000), Nhà xuất bản Tài chính.
19. Kho bạc Nhà nước (2007), *Quyết định số 297/QĐ-KBNN ngày 18/05/2007 về việc ban hành quy trình kiểm soát thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư trong nước qua hệ thống KBNN.*
20. Kho bạc Nhà nước (2007)-*Quyết định số 1539/QĐ-KBNN ngày 11/12/2007 về việc sửa đổi quy trình kiểm soát thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư trong nước qua hệ thống KBNN.*
21. Kho bạc Nhà nước (2009), *Quyết định số 686/QĐ-KBNN ngày 18/08/2009 về việc ban hành quy trình kiểm soát thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư trong nước qua hệ thống KBNN.*
22. *Khoa học quản lý* -Học viện chính trị Quốc gia-Nhà xuất bản chính trị quốc gia 2004.
23. PGS.TS Nguyễn Bạch Nguyệt và TS.Từ Quang Phương(2007), *Giáo trình kinh tế đầu tư*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

24. *Niên giám thống kê 2008 (2009)*, Cục thống kê Thừa Thiên Huế.

25. TS.Từ Quang Phương (2005), *Giáo trình quản lý dự án đầu tư*, NXB Lao động xã hội.
26. Quốc hội (2002), *Luật Ngân sách*.
27. Quốc hội (2003), *Luật Xây dựng*.
28. Quốc hội (2005), *Luật Đấu thầu*.
29. Nguyễn Hải Sản (2007), *Khoa học quản lý*, NXB thống kê.
30. Nguyễn Quốc Ân, Phạm Thị Hà, Phan Thị Thu Hương, Nguyễn Quang Thu (2006), *Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư*, Nhà xuất bản thống kê.
31. Thủ tướng Chính phủ (2007), *Quyết định số 138/2007/QĐ-TTg ngày 21/8/2007 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển KBNN đến năm 2020*.
32. Thủ tướng Chính phủ (2009), *Quyết định số 108/2009/QĐ-TTg quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Kho Bạc nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính*.
33. Ths.Phan Đình Tý (06/2009), *Đổi mới, hoàn thiện quản lý vốn đầu tư XD CB ở KBNN cấp tỉnh*, Tạp chí quản lý ngân quỹ quốc gia.

PHỤ LỤC

Phụ lục số 1:

PHIẾU ĐIỀU TRA VỀ QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ

Trước hết, xin gửi lời chào trân trọng đến Quý Ông(Bà)!

Tôi tên là Trần Kiên Phú, là học viên Cao học Khoá 8, chuyên ngành quản trị kinh doanh, trường Đại học Kinh tế Huế.

Hiện nay, tôi đang nghiên cứu đề tài Luận văn thạc sỹ: "**Giải pháp hoàn thiện công tác kiểm soát chi vốn đầu tư xây dựng cơ bản qua Kho bạc Nhà nước Thừa Thiên Huế**". Để có cơ sở thực tiễn cho đề tài, chúng tôi rất mong muốn sự tham gia ý kiến của Quý Ông(Bà) vào các nội dung của phiếu điều tra dưới đây. Chúng tôi nghĩ rằng: Những nội dung, ý kiến từ những kiến thức, kinh nghiệm quý báu của Quý Ông(Bà) sẽ giúp đỡ cho chúng tôi hoàn thiện rất nhiều đến công tác kiểm soát chi vốn đầu tư qua Kho bạc Nhà nước nói chung và hoàn thành đề tài nói riêng.

Chúng tôi xin cam kết rằng các nội dung của công tác điều tra sẽ hoàn toàn giữ bí mật, không sử dụng cho mục đích khác, chỉ dùng cho mục đích nghiên cứu đề tài Luận văn thạc sỹ khoa học kinh tế.

Xin trân trọng cảm ơn Quý Ông(Bà)!

Quý Ông(Bà) làm ơn điền vào các nội dung sau:

Câu hỏi 1: Xin vui lòng cho biết một số thông tin cá nhân

-Độ tuổi: Dưới 18 ☐ 18-24 ☐ 25-34 ☐ 35-44 ☐ 45-55 ☐ Trên 55 ☐

- Giới tính: Nam

☐

Nữ ☐

- Trình độ chuyên môn:

Công nhân kỹ thuật ☐

Trung cấp ☐

Đại học ☐

Trên Đại học ☐

Câu hỏi 2: Đơn vị công

tác:.....

Cấp trực thuộc : Trung ương ☐ Tỉnh ☐ Huyện ☐

Câu hỏi 3: Chức vụ:.....

Câu hỏi 4: Số năm công tác trong lĩnh vực đầu tư XDCB:.....năm.

Câu hỏi 5: Công trình XDCB mà Ông(Bà) đã và đang thực hiện trong 3 năm gần đây:

-Công trình 1:.....Thuộc nhóm:.....

-Công trình 2:.....Thuộc nhóm:.....

-Công trình 3:.....Thuộc nhóm:.....

Câu hỏi 6: Đánh giá quy trình, thủ tục giải ngân vốn đầu tư XDCB tại KBNN:

Xin Ông(Bà) cho biết ý kiến của mình bằng cách khoanh tròn con số mà Ông (Bà) cho rằng thích hợp nhất.

Stt	Các nội dung chủ yếu	Ông(bà) làm ơn khoanh tròn vào số lựa chọn
		1= số điểm thấp nhất cho vấn đề đặt ra 7= số điểm cao nhất cho vấn đề đặt ra
		I. Đánh giá về quy trình kiểm soát chi vốn đầu tư
1.		XDCB của KBNN:
2.		Ông(Bà) được thông tin đầy đủ các nội dung về quy trình kiểm soát vốn đầu tư XDCB qua KBNN
3.		
4.		

Đánh giá quy trình tiếp nhận và trả hồ sơ đối	
với quy trình thanh toán vốn đầu tư hiện nay	1 2 3 4 5 6 7
Đánh giá thủ tục mở tài khoản thanh toán vốn đầu tư tại KBNN	1 2 3 4 5 6 7
Đánh giá thủ tục thanh toán vốn chuẩn bị đầu tư và thực hiện đầu tư tại KBNN	1 2 3 4 5 6 7

5.	Đánh giá thủ tục thanh toán vốn đền bù, giải phóng mặt bằng và tái định cư tại KBNN	1 2 3 4 5 6 7
6.	Đánh giá phương thức “thanh toán trước, kiểm soát sau”(chỉ kiểm soát lần cuối cùng khi công trình(dự án) hoàn thành), phương thức kiểm soát theo hợp đồng của KBNN	1 2 3 4 5 6 7
II.Đánh giá về chất lượng phục vụ thanh toán vốn đầu tư của cơ quan KBNN:		
7.	Thái độ giao tiếp, ứng xử của cán bộ thanh toán tại cơ quan KBNN hiện nay	1 2 3 4 5 6 7
8.	Đánh giá khả năng đáp ứng các thắc mắc của khách hàng của cán bộ thanh toán của KBNN hiện nay	1 2 3 4 5 6 7
9.	Đánh giá chất lượng và thời gian chuyển tiền thanh toán của bộ phận kế toán	
10.	Đánh giá công tác đối chiếu số liệu và tất toán tài khoản dự án hoàn thành của KBNN	

Câu hỏi 7: Ông (Bà) xin cho biết 3 tồn tại hay vướng mắc mà ông (bà) cho là cần lưu ý nhất trong công tác kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB qua KBNN trong những năm qua:

Tồn tại 1:	-----

Tồn tại 2:	-----

Tồn tại 3:	-----

Câu hỏi 8: Theo Ông(Bà) cần phải thực hiện những giải pháp nào để nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB qua KBNN.

Giải pháp 1:	-----

Giải pháp 2:	-----

Giải	-----
pháp	-----
3:	-----

Người lĩnh tiền mặt (Ký, ghi họ tên)	KBNN A ghi số và trả tiền ngày.....			KBNN B, NH B ghi số ngày.....		
	Thủ quỹ Giám đốc	Kế toán	Kế toán trưởng	Kế toán	Kế toán trưởng	Giám đốc

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Phần kho bạc nhà nước ghi

Đồng ý thanh toán số tiền:

.....

Số tiền ghi bằng chữ:

.....

.....

Bộ phận kiểm soát của Kho bạc

Ngày..... tháng..... năm.....

..

Kiểm soát

Phụ trách

Kế toán

Ngày..... tháng..... năm.....

Kế toán trưởng

Giám đốc KBNN

Nợ	
TK	
Có	
TK	
.....	
Mã quỹ:	Mã ĐBHC:
.....	
Mã KBNN:	

Vốn ngoài nước (bằng số):.....

+ Số trả đơn vị thụ hưởng (bằng số):.....

Vốn trong nước (bằng số):.....

Vốn ngoài nước (bằng số):.....

Tên đơn vị thụ hưởng:

Số tài khoản đơn vị thụ hưởng:.....Tại:.....

. . . . , ngày tháng năm

Kế toán trưởng

(ký, ghi rõ họ tên)

Chủ đầu tư

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Đơn vị sử dụng ngân sách

Người nhận tiền
(Ký và ghi rõ họ
tên)

KBNN A ghi sổ và thanh toán ngày ..
Thủ quỹ Kế toán Kế toán trưởng

Ngày tháng năm

KBNN B, NH B ghi sổ ngày/..../....

Kế toán Kế toán trưởng Giám đốc

Kiểm soát

Phụ trách
trưởng đơn vị

Kế toán trưởng Thủ

Phụ lục số 6: Thông tin mô tả

Frequencies

Statistics				
	do_tuoi	gioiti	trinh_do	cap_bql
N	80			
Mean	0			80
Std. Error of Mean	3,881,23			0
Std. Deviation	,131,047			0
Minimum				2,65
Maximum	1,173	,4		2,28
Sum	2			,059
	6			,530
	310			,595
				2
				1
				4
				3
				212
				182
				180

Frequency Table

		Tren 55	1
		Total	80
		Frequency	
Valid	18-24		13
	25-34		20
	35-44		12
	45-55		34

do tuoi		
Percent	Valid Percent	
16,3	16,3	C u m u l t i p l i c a t i o n e
25,0	25,0	
15,0	15,0	
42,5	42,5	
1,3	1,3	
100,0	100,0	
		P e r c e n t
		1 6 , 3
		4 1 , 3
		5 6 , 3
		9 8 , 8
		1 0 0 , 0
	Valid	nam
		nu
	Total	
		Frequency

62					
18	gioitinh				
80		Percent	Valid Percent	Cumulative	
		77,5	77,5	77,5	
		22,5	22,5	22,5	
		100,0	100,0	100,0	
				Percent	
				77,5	
				22,5	
				100,0	

trinh_do

		Frequency		Percent	Valid Percent		Cumulative Percent
Valid	"Tru		30	37,5		37,5	37,5
	"Dai						7,5
	"Tre						5
	Tota		48		60,0		60,0
							9
			2		2,5		7,5
							5
			80		100,0		100,0
							100,0

cap_bql

		Frequency		Percent	Valid Percent		Cumulative Percent
Valid	"Tru		6		7,5		7,5
	"Tinl						7,5
	"Huy						5
	Tota		46		57,5		57,5
							6
			28		35,0		35,0
							5
			80		100,0		100,0
							100,0

vi tri

Valid	Lanl	Tota	Frequency
	Ke t		
	ke t		

	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
21			
18		26,3	26,3
41		22,5	22,5
80		51,3	51,3
		100,0	100,0
			26,3
			48,8
			100,0

Phụ lục số 7:Kiểm định thang đo

Reliability

Notes		
Output Created		25-MAY-2010 22:30:47
Comments		E:\Luan van tot nghiep\Luan van\Xu ly
Input	Data	so lieu 2\Dieu tra ban quan ly.sav
	DataSet1	
	Active Dataset	
	Filter	<none>
	Weight	<none>
	Split File	<none>
	N of Rows in Working	80
	Data File	User-defined missing values are treated as missing.
Missing Value	Definition of Missing	Statistics are based on all cases with valid data for all variables in the procedure.
	Handling	
Syntax	Cases Used	RELIABILITY
		/VARIABLES=z_1 z_2 z_3 z_4 z_5
		z_6 s_1 s_2 s_3 s_4
		/SCALE('ALL VARIABLES')
Resources	Elapsed Time	ALL/MODEL=ALPHA
		/STATISTICS=DESCRIPTIVE
		SCALE CORR
		/SUMMARY=TOTAL CORR .

		0:00:00.00
	Memory Available	
	Largest Contiguous Area	
	Workspace Required	786944 bytes
	Processor Time	786944 bytes
		1568 bytes
		0:00:00.00

Scale: ALL VARIABLES

Case Processing Summary

		N	%
Cases	Valid	80	100.0
	Excluded(	0	.0
a)			
Total		80	100.0

a Listwise deletion based on all variables in the procedure.

Reliability Statistics

		Cronbach's Alpha	Cronbach's Alpha Based on Standardized Items	N of Items
Thong tin quy trinh		.899	.900	10
Quy trinh nhan tra ho so				
Thu tuc mo tai khoan				
Thanh toan von CBDT				
Thanh toan von den bu				
Danh gia phuong thuc thanh toan truoc, kiem soat sau				
Doi chieu SL va tat toan TK				
Thai do giao tiep				
Dap ung thac mac				
Thoi gian chuyen tien				

Item Statistics

Mean	Std. Deviation	N
4.90	1.109	
5.38	.998	
5.50	1.359	8
5.34	1.147	0
5.06	.972	
4.43	1.065	8
		0
5.35	1.388	8
		0
5.43	.808	
5.16	1.185	8
5.48	1.043	0
		8
		0
		8
		0
		8
		0
		8
		0

	Danh gia	phuong	thuc thanh	toan Thai	truoc, do kiem soat giao	sau	tiep	Dap Thoi	ung gian thac chuyen	mac tien	TK	Doi chieu	SL va tat toan
Thong tin quy trinh	1.000	.389	.714					.062	.109		.260		
Quy trinh nhan tra ho so								.389	1.000	.653	.496	.614	.467 .635
Thu tuc mo tai khoa n		.714	.653	.516				.704	.300		.216		
Thanh toan von CBD T		.644	.496					.728	.390		.118		
Thanh toan von den bu Dan h gia		.569	.614	.451				.556	.288		.464		

Summary Item Statistics

		Mean	Variance	N of Items
Inter-Item Correlations		.474	.028	10

Item-Total Statistics

	Minimum	Maximum	Range
	.062	.784	.721
			12.606

	Doi chieu SL va tat toan	Scale Mean if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Squared Multiple Correlation
TK		47.11		.603
Thông tin quy trình		46.64		.579
		46.51		.579
		46.68	.558	
Quy trình nhan tra ho so Thu tuc mo tai		46.95		.820
		47.59	.701	
khoan Thanh toan von		46.66	.790	.756
		46.59		.629
CBDT Thanh toan von den		46.85	.710	
bu Danh gia phuong thuc thanh toan		46.54	.736	.487
			.642	.752
truoc, kiem soat sau			.767	.595
			.533	.668
Thai do giao tiap				.707
			.470	
Dap ung thac mac				.621
Thoi gian chuyen tien				

Cronbach's		.885	.890
Alpha if Item	.886		.901
Deleted		.885	.891
	.879		.896
.895			
Scale Statistics			
Mean	Variance	Std. Deviation	N of Items
52.01	65.759	8.109	10

Phụ lục số 8:Kiểm định Chi-square câu hỏi mở

Frequencies

1.Cai tien co che 1 cua				
		Obs	Exp	Residual
		erve	ecte	
		d N	d N	
khong		60	40.0	20.0
co		20	40.0	-20.0
Total		80		

2.Đơn gian

		Residual
khong co		16.0
Total		-16.0

3.Đơn gian chung tu t

		Residual
khong co		15.0
Total		-15.0

		Expect	ed N	Residual
khong co				30.0
Total			40.0	-30.0
			40.0	

5.Thai đo giao dịch

			Obs erve d N	Exp ecte d N	Residual
khong co			71	40.0	31.0
Total			9	40.0	-31.0
			80		

a. 0 cells (.0%) have expected frequencies less than 5. The minimum expected cell frequency is 40.0.

b. Based on 10000 sampled tables with starting seed 1310155034.

Số quan sát		Tỷ lệ	Chi-Square(a)	df
1.Cai tien co che 1 cua	20	25%	20.000	
2.Don gian quy trinh	24	30%	12.800	

Asymp. Sig.	Monte Carlo Sig.	95% Inter
0.000	.000(b)	0
0.000	.000(b)	0

3 . Dong gian chung tu	25	31%	11.250	1
4 . Cai thien thoig	10	13%	45.000	1
5 . Thaidogiaodich	9	11%	48.050	1

0.001 .001(b)	0.000
0.000 .000(b)	0.000
0.000 .000(b)	0.000

0.001

0.000

0.000

Phụ lục 9: Phụ lục 02 theo Thông tư 06/2007/TT-BXD ngày 25/7/2007

Phụ lục 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2007/TT-BXD ngày 25/7/2007 của Bộ Xây dựng)

Bảng xác định giá trị khối lượng công việc

hoàn thành theo hợp đồng

Số ngày tháng năm

Tên/số hợp đồng xây dựng:

Tên Bên giao thầu:

Tên Bên nhận thầu:

Công trình:

Hạng mục:

Giai đoạn thanh toán / lần thanh toán

số:

Căn cứ xác định:

Bảng chữ:

		Đơn vị	Khối lư- ợng		Đơn giá thanh toán	Thành tiền
Số TT		tính		Đã thực		Đã thực
Tên công việc			Theo HD	hiện		Theo HD hiện

Ghi chú

Đại diện Bên giao thầu hoặc đại

diện Nhà tư vấn (nếu có)

(Ký, ghi rõ họ và tên,

chức vụ)

Đại diện Bên nhận

thầu

(Ký, ghi rõ họ và tên,

chức vụ)

2. Đề nghị : Trong vòng 05 ngày nếu chủ đầu tư không có ý kiến coi như chấp nhận nội dung văn bản này.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận :

(Ký tên, đóng dấu)

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan rằng, tất cả các nguồn số liệu được sử dụng trong phạm vi nội dung nghiên cứu của đề tài là trung thực và chưa từng được dùng để bảo vệ một học vị khoa học nào. Các thông tin trích dẫn trong luận văn đều đã được chỉ rõ nguồn gốc và mọi sự giúp đỡ cho việc hoàn thành luận văn đã được cảm ơn đầy đủ.

Tác giả luận văn

Trần Kiên Phú

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin chân thành bày tỏ lòng cảm ơn sâu sắc đến tất cả các cá nhân, đơn vị đã giúp đỡ và tạo điều kiện cho tôi hoàn thành luận văn này.

Lời cảm ơn đầu tiên xin gửi đến Thầy TS.Hoàng Văn Liêm, người đã trực tiếp hướng dẫn, giúp đỡ tận tình tôi trong suốt thời gian làm luận văn.

Tôi cũng xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến Ban lãnh đạo cơ quan Kho bạc Nhà nước Thừa Thiên Huế đã tạo điều kiện cho tôi trong suốt thời gian học tập lớp Cao học.

Tôi xin cảm ơn đến các đồng nghiệp trong ngành Kho bạc Nhà nước, các Ban quản lý, các Chủ đầu tư đã tham gia nhiều ý kiến quý báu cho đề tài nghiên cứu này.

Cuối cùng, tôi xin cảm ơn đến gia đình, bạn bè, những người thân đã động viên, chia sẻ và tạo điều kiện cho tôi vượt qua nhiều khó khăn để học tập và hoàn thành luận văn này./.

Trần Kiên Phú

TÓM LƯỢC LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC KINH TẾ

Họ và tên học viên: **Trần Kiêm Phú**

Chuyên ngành : **Quản trị kinh doanh** Niên khóa: **2007-2010**

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Hoàng Văn Liêm**

Tên đề tài: : ***“Giải pháp hoàn thiện công tác kiểm soát chi vốn đầu tư xây dựng cơ bản qua Kho bạc Nhà nước Thừa Thiên Huế”.***

1. Tính cấp thiết của đề tài

KBNN Thừa Thiên Huế , với chức năng nhiệm vụ quản lý quỹ NSNN trên địa bàn, trong những năm qua, đã có nhiều tiến triển rõ rệt, đã góp phần đảm bảo công tác thanh toán vốn đầu tư XDCH đúng chính sách, đúng chế độ .Tuy nhiên, công tác kiểm soát chi vốn đầu tư XDCH trong những năm qua vẫn còn nhiều hạn chế, còn nhiều điểm bất cập, chưa thống nhất; Cơ chế quản lý chi vốn đầu tư XDCH qua KBNN vẫn còn nhiều vấn đề chưa hoàn chỉnh. Thực tế đó đòi hỏi cần phải đi sâu nghiên cứu, khảo sát thực tiễn để đánh giá những mặt đạt được, những điểm còn tồn tại trong công tác kiểm soát chi vốn đầu tư XDCH qua KBNN trên địa bàn tỉnh trong những năm qua và từ đó, tìm ra giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác kiểm soát chi vốn đầu tư XDCH qua KBNN.

2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp luận duy vật biện chứng. Phương pháp thống kê, điều tra, phỏng vấn, khảo sát thực tiễn; Phương pháp tổng hợp và phân tích (trên cơ sở sử dụng phần mềm excel và SPSS...);Phương pháp đối chiếu, so sánh.v.v.

3. Kết quả nghiên cứu và những đóng góp khoa học của luận văn

♦ Hoàn thiện cơ chế quản lý, thanh toán vốn đầu tư XDCH. ♦

Hoàn chỉnh bộ máy kiểm soát chi vốn đầu tư XDCH.

♦ Hoàn chỉnh quy trình nghiệp vụ kiểm soát chi vốn đầu tư XDCH. ♦

Ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý.

♦ Tăng cường công tác cán bộ, công tác giáo dục chính trị tư tưởng.

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	VIẾT TẮT	NGHĨA
1.	BQL	Ban quản lý
2.	CB	Cán bộ
3.	DA	Dự án
4.	ĐP	Địa phương
5.	FDI	Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài
6.	GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
7.	ICOR	Tỷ số gia tăng của vốn so với sản lượng
8.	KBNN	Kho bạc Nhà nước
9.	KHTH	Kế hoạch tổng hợp
10.	KSC	Kiểm soát chi
11.	NSNN	Ngân sách nhà nước
12.	NXB	Nhà xuất bản
13.	ODA	Viện trợ phát triển chính thức
14.	ODF	Tài trợ phát triển chính thức
15.	TU	Trung ương
16.	TTVĐT	Thanh toán vốn đầu tư
17.	UBND	Ủy ban nhân dân
18.	VĐT	Vốn đầu tư
19.	XDCB	Xây dựng cơ bản
20.	XHCN	Xã hội Chủ nghĩa

DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1:	Chu trình giải ngân vốn đối với các dự án đầu tư bằng nguồn vốn trong nước	27
Sơ đồ 1.2:	Chu trình giải ngân vốn đối với các dự án đầu tư bằng nguồn vốn nước ngoài	28
Sơ đồ 1.3:	Quy trình kiểm soát đối với loại công việc, hợp đồng thanh toán nhiều lần	48
Sơ đồ 1.4:	Quy trình kiểm soát đối với loại công việc, hợp đồng thanh toán 1 lần và lần thanh toán cuối cùng của công việc, hợp đồng thanh toán nhiều lần	51
Sơ đồ 3.1:	Quy trình kiểm soát chi đề nghị sửa đổi .	79

v

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ số 2.1:	Tình hình thanh toán vốn qua KBNN Thừa Thiên Huế	
		từ 2004-2008 55
Biểu đồ số 2.2:	Tình hình thanh toán vốn qua KBNN Thừa Thiên Huế	
		từ 2004-2008 theo cấp ngân sách 56
Biểu đồ số 2.3:	Tỷ lệ giảm cấp phát từ 2004-2008	66

vi

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1: Thống kê số liệu cấp phát vốn đầu tư XDCB qua KBNN Thừa Thiên Huế.	54
Bảng 2.2: Thống kê số liệu cấp phát vốn đầu tư XDCB qua KBNN Thừa Thiên Huế theo cấp ngân sách từ năm 2004-2008	55
Bảng 2.3: Thống kê số liệu giảm chi trong kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB qua KBNN Thừa Thiên Huế qua các năm	65
Bảng 2.4: Phân tích nguyên nhân giảm chi trong kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB từ 2004-2008	66
Bảng 2.5: Kiểm định độ tin cậy thang đo	69
Bảng 2.6: Thống kê mô tả các vấn đề tồn tại trong công tác kiểm soát chi của KBNN	71

MỤC LỤC

Lời cam đoan	i
Lời cảm ơn	ii
Tóm lược luận văn.	iii
Danh mục các chữ viết tắt	iv
Danh mục sơ đồ	v
Danh mục biểu đồ	vi
Danh mục các bảng	vii
Mục lục	viii
PHẦN I: MỞ ĐẦU	1
1. Sự cần thiết khách quan của việc chọn nghiên cứu đề tài	1
2. Mục đích nghiên cứu của đề tài	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	2
4. Phương pháp nghiên cứu	2
5. Tên đề tài	2
PHẦN II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU	3
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ VỐN ĐẦU TƯ, DỰ ÁN ĐẦU TƯ, CÁC VĂN BẢN HIỆN HÀNH LIÊN QUAN ĐẾN ĐẦU TƯ XDCB VÀ KIỂM SOÁT CHI VỐN ĐẦU TƯ XDCB QUA KBNN	3
1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN	3
1.1. ĐẦU TƯ	3
1.1.1. Một số lý luận chung về đầu tư và đầu tư phát triển	3
1.1.1.1. Khái niệm và phân loại đầu tư	3
1.1.1.2. Đầu tư phát triển và vai trò đối với nền kinh tế	4
1.2. NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ	6
1.2.1. Nguồn vốn trong nước	6
1.3. Bản chất của nguồn vốn đầu tư	9

1.4. DỰ ÁN ĐẦU TƯ

12

viii

1.4.1. Khái niệm dự án	12
1.4.2. Khái niệm về dự án đầu tư	13
1.4.3. Đặc điểm của dự án đầu tư	13
1.4.4. Trình tự đầu tư	14
1.5. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ KIỂM SOÁT TTVĐT	18
1.5.1. Khái niệm về quản lý	18
1.5.2. Quản lý vốn đầu tư	18
1.5.3. Kiểm soát thanh toán vốn đầu tư	18
1.6. CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐẦU TƯ XDCB TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG	19
1.7. CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ XDCB CỦA NHÀ NƯỚC TA HIỆN NAY	22
1.7.1. Cơ sở xây dựng chính sách đầu tư của nhà nước	22
1.7.2. Chính sách vốn đầu tư của nhà nước hiện nay	23
1.7.2.1. Dự án đầu tư nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế	23
1.7.2.2. Dự án đầu tư phát triển nguồn nhân lực	23
1.7.2.3. Dự án đầu tư xoá đói giảm nghèo	24
1.7.2.4. Dự án đầu tư thuộc nguồn vốn NSNN	24
1.7.2.5. Dự án thu hút vốn đầu tư nước ngoài	26
1.8.1. Chu trình giải ngân vốn đầu tư XDCB bằng nguồn vốn NSNN	26
1.8.2. Chu trình giải ngân vốn đầu tư XDCB bằng nguồn vốn nước ngoài	28
1.9. SỰ CẦN THIẾT PHẢI KIỂM SOÁT TTVĐT – VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ THỂ TRONG QUẢN LÝ, KIỂM SOÁT VỐN ĐẦU TƯ XDCB	29
1.9.1. Sự cần thiết phải kiểm soát TTVĐT	29
1.9.2. Nhiệm vụ của các chủ thể trong công tác quản lý kiểm soát TTVĐT thuộc ngân sách nhà nước	31
1.9.3. Nhiệm vụ của hệ thống KBNN trong quản lý TTVĐT XDCB	34
1.10. ĐÁNH GIÁ TÍNH HIỆU QUẢ CỦA CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHI VỐN ĐẦU TƯ QUA KBNN	36

1.10.1. Thanh toán khối lượng đúng thủ tục, đúng trình tự, đúng quy trình về thanh toán vốn XDCB	36
1.10.2. Thực hiện kiểm tra chính xác mức vốn đầu tư phải thanh toán	37
1.10.3. Đạt được mục tiêu nâng cao chất lượng phục vụ trên cơ sở nền tảng thực hiện cải cách nền hành chính công	38
1.11. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHI VỐN ĐẦU TƯ XDCB QUA KBNN	39
1.12. TỔ CHỨC KIỂM SOÁT CHI VỐN ĐẦU TƯ XDCB QUA KBNN	40
1.12.1. Những quy định và nguyên tắc chung về quản lý cấp phát, thanh toán vốn đầu tư XDCB thuộc NSNN qua hệ thống KBNN	40
1.12.2. Quy trình kiểm soát chi vốn đầu tư trong nước qua KBNN	43
1.12.3. Trình tự giải quyết thủ tục, hồ sơ và luân chuyển chứng từ vốn đầu tư trong thanh toán vốn đầu tư XDCB qua KBNN	46
CHƯƠNG 2: ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHI VỐN ĐẦU TƯ XDCB QUA KBNN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ THỜI GIAN QUA	52
2.1. MỘT SỐ KẾT QUẢ CHỦ YẾU ĐẠT ĐƯỢC TRONG CÔNG TÁC THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ XDCB CỦA THỪA THIÊN HUẾ GIAI ĐOẠN 2004-2008	52
2.2. CÔNG TÁC XÂY DỰNG CƠ CHẾ QUẢN LÝ KIỂM SOÁT TTVĐT VÀ PHỐI HỢP THỰC HIỆN	53
2.3. KẾT QUẢ KIỂM SOÁT CHI QUA KBNN THỪA THIÊN HUẾ TỪ 2004-2008..	54
2.4. CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHI VỐN ĐẦU TƯ XDCB QUA KBNN TRONG CÁC NĂM QUA	56
2.4.1. Về tổ chức bộ máy quản lý, phân công nhiệm vụ kiểm soát TTVĐT và ứng dụng công nghệ thông tin	56
2.4.2. Tình hình thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTVĐT	63
2.5. QUY TRÌNH QUẢN LÝ KIỂM SOÁT, TTVĐT HIỆN NAY CỦA HỆ THỐNG KBNN	67

x

2.6. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHI CỦA KBNN THỪA THIÊN HUẾ	
QUA KHẢO SÁT CHỦ ĐẦU TƯ (BAN QUẢN LÝ)	68
2.6.1. Thông tin chung về người được phỏng vấn	68
2.6.2. Kiểm định độ tin cậy của thang đo và đánh giá nội dung điều tra	69
2.6.3. Những vấn đề tồn tại trong kiểm soát chi	70
CHƯƠNG 3: PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHI	
VỐN ĐẦU TƯ XDCB QUA KBNN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ TRONG T Ờ I	
GIAN TỚI	72
3.1. QUAN ĐIỂM VÀ ĐỊNH HƯỚNG TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT	
CHI VỐN ĐẦU TƯ XDCB QUA KBNN	72
3.1.1. Mục tiêu công tác kiểm soát TTVĐT	72
3.1.2. Định hướng thực hiện	73
3.2. GIẢI PHÁP GÓP PHẦN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHI VỐN	
ĐẦU TƯ XDCB QUA KBNN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ TRONG THỜI GIAN	
TỚI	75
3.2.1. Hoàn thiện cơ chế quản lý, thanh toán vốn đầu tư XDCB	75
3.2.2. Hoàn chỉnh bộ máy kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB	78
3.2.3. Hoàn chỉnh quy trình nghiệp vụ kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB	79
3.2.4. Ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý	80
PHẦN III: KIẾN NGHỊ VÀ KẾT LUẬN	83
1. PHẦN KIẾN NGHỊ	83
2. PHẦN KẾT LUẬN	84
TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

xi